

CLAUDE

TỦ SÁCH
LINH HOA

FRÉDÉRIC BASTIAT

LUẬT PHÁP

Phạm Nguyên Trường dịch



XUẤT BẢN TRI THỨC

LUẬT PHÁP | | Claude Frédéric Bastiat

Phạm Nguyên Trường dịch; Nxb Tri thức 2016; 176 trang

Bản tiếng Việt © 2015 NXB Tri thức

Dịch theo bản tiếng Anh *The Law* do Dean Russell dịch, Foundation for Economic Education, Irvington – on – Hudson, New York; tham khảo bản dịch tiếng Nga của S. A. Nikolaev

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

- *Staff:* tve
- *Sách:* Silence00
- *Scan:* Thanhbt
- *Biên tập & Ebook:* Ngọc Anh



Claude Frédéric Bastiat
(1801–1850)

Lời Nhà Xuất Bản

Nhà xuất bản Tri thức trân trọng giới thiệu cuốn *Luật pháp* (bản tiếng Anh *The Law* do Dean Russell dịch, Foundation for Economic Education, Irvington–on–Hudson, New York; tham khảo bản dịch tiếng Nga của S. A. Nikolaev) của Claude Frédéric Bastiat, do dịch giả Phạm Nguyên Trường dịch. Xin bạn đọc lưu ý đây là tài liệu tham khảo dành cho giới nghiên cứu chứ không thuộc loại sách phổ biến kiến thức. Vì dịch giả là người có uy tín trong giới dịch thuật nên chúng tôi không tổ chức hiệu đính, không can thiệp vào cách diễn đạt và các thuật ngữ chuyên môn.

Trong bản dịch này, chúng tôi trân trọng trích dẫn, giới thiệu đến bạn đọc Lời giới thiệu của Giáo sư kinh tế học Walter E. Williams. Ông đã có những phân tích sâu sắc, xác đáng về tầm tư tưởng của Claude Frédéric Bastiat.

Chúng tôi tôn trọng, nhưng không nhất thiết đồng tình với quan điểm, cách tiếp cận và lí giải riêng của tác giả về các vấn đề được đề cập đến trong cuốn sách.

Chúng tôi mong độc giả đọc cuốn sách này như một tài liệu tham khảo với tinh thần phê phán và khai phóng.

Nhà xuất bản xin trân trọng đề nghị bạn đọc xem Lời người dịch, trước khi đọc vào phần chính văn, để hiểu đúng khái niệm “Chủ nghĩa xã hội”, “Chủ nghĩa cộng sản” được trình bày trong cuốn sách này.

Xin chân thành cảm ơn!

Lời người dịch

Bạn đọc đang cầm trên tay một trong các tác phẩm quan trọng nhất của Claude Frédéric Bastiat (1801–1850), cũng là một trong những tác phẩm gối đầu giường của những người theo trường phái tự do cá nhân ở phương Tây. Chỉ có một điều đáng tiếc: tác phẩm này được dịch từ tiếng Anh chứ không phải từ tiếng Pháp. Tôi nhận thức được rằng như thế là thiếu sót lớn, nhưng đây là một tác phẩm hay và súc tích đến nỗi tôi không thể không chia sẻ cũng như không thể chờ đợi lâu hơn được nữa dù biết rằng sai sót là khó tránh khỏi. Để khắc phục phần nào, tôi đã tham khảo bản dịch tiếng Nga (cũng dịch từ tiếng Anh) của S. A. Nikolaev và đưa thêm vào phần Lời giới thiệu cho bản dịch tiếng Nga do dịch giả Anton Newmark viết.

Văn của Claude Frédéric Bastiat sáng sủa, cô đọng, mạch lạc và dễ hiểu đến mức chẳng cần giải thích gì thêm, chỉ xin bạn đọc lưu ý một điều: tác phẩm này được xuất bản năm 1850, tức là cách lần xuất bản đầu tiên bằng tiếng Việt đúng 165 năm, nhiều thuật ngữ thời đó, như chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản... có nội hàm chắc chắn là khác với cách hiểu của chúng ta ngày nay.

Thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” mà Bastiat sử dụng trong sách này và cũng là đối tượng ông phê phán rõ ràng rất khác so với thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” đang được sử dụng hiện nay tại Việt Nam. Chẳng hạn ở khía cạnh thể chế kinh tế: Chủ nghĩa xã hội ở giữa thế kỉ XIX coi nền kinh tế thị trường là công cụ bóc lột của Chủ nghĩa tư bản cần phải được loại trừ tận gốc, thì ngày nay ở Việt Nam nó đã được chấp nhận. Thực tế là, để thực

hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, Việt Nam đã chủ trương phát triển một nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế, kết hợp với một Nhà nước pháp quyền định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chắc hẳn bạn đọc nhận thức được sự khác biệt đó và có thể rút ra những đánh giá và nhận xét phù hợp của riêng mình. Chỉ có khát vọng về tự do của Claude Frédéric Bastiat là không khác, là còn lại mãi với thời gian, và đó là điều mà tất cả chúng ta cùng trân trọng. Ludwig von Mises (1881–1973) ca ngợi ông là “người có bút pháp rất độc đáo, đọc ông là cả một niềm vui...” và không có lí do gì khiến tôi có thể trì hoãn lâu hơn nữa niềm vui của bạn đọc.

Tôi xin được cảm ơn Nhà xuất bản Tri thức đã giúp tôi đưa tác phẩm quý giá này đến với bạn đọc. Và cảm ơn chính bạn đọc, người đã cổ vũ và đồng hành với tôi trong suốt mấy năm qua.

Lời giới thiệu của Walter E. Williams^[1]

(Trích)

Phải đến năm bốn mươi tuổi tôi mới đọc tác phẩm kinh điển *Luật pháp* của Claude Frédéric Bastiat. Tôi mãi mãi mang ơn, một người mà tôi không biết tên, đã gửi cho tôi cuốn sách này. Sau khi đọc, tôi tin rằng chưa đọc Bastiat thì hiểu về tự do vẫn chưa thể nói là trọn vẹn. Đọc Bastiat khiến tôi nhận thức sâu sắc về khoảng thời gian lãng phí, cùng những thất vọng về quá trình lạc lối giữa những con đường không lối thoát khi đi tìm triết lí cho cuộc đời mình. Đối với tôi, tác phẩm *Luật pháp* không tạo ra sự chuyển biến về mặt triết học nhiều như nó từng tạo lập trật tự trong suy nghĩ của tôi về tự do và cách hành xử đúng đắn của con người.

Nhiều nhà triết học đã có những đóng góp quan trọng vào cuộc thảo luận về tự do, Bastiat nằm trong số đó. Nhưng đóng góp lớn nhất của ông là đã đưa cuộc thảo luận ra khỏi tháp ngà và làm cho tư tưởng về tự do trở nên rõ ràng đến mức ngay cả những người không biết chữ cũng có thể hiểu, còn những người sùng bái nhà nước thì không thể che giấu được. Rõ ràng, việc thuyết phục nhân dân về tính ưu việt trên phương diện đạo đức của tự do cá nhân là công việc cực kì quan trọng.

Giống như nhiều người, Bastiat cho rằng chính phủ là mối đe dọa lớn nhất đối với tự do. Xin lưu ý, sự mạch lạc trong ngôn ngữ của ông giúp chúng ta nhận ra và hiểu những hành động xấu xa của chính phủ được hợp pháp hoá. Bastiat viết: “Chỉ cần xem luật pháp có lấy những cái thuộc về một số người nào đó và đem cho những người mà chúng không thuộc về. Chỉ cần

xem luật pháp có làm lợi cho công dân này mà công dân khác phải trả giá bằng cách làm cái điều mà tự người công dân kia không thể làm mà không phạm tội”. Với cách mô tả chính xác như thế về hành động xấu xa được hợp pháp hoá, chúng ta không thể không kết luận rằng hầu hết các hoạt động của chính phủ, trong đó có chính phủ của chúng ta, là cướp bóc được hợp pháp hoá, hoặc dùng ngôn ngữ hiện đại là ăn cắp được hợp pháp hoá.

Claude Frédéric Bastiat có thể dễ trở thành người đồng hành với những người đã kí tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập của nước ta. Quan điểm về tự do và vai trò thích hợp của chính phủ của những người đã kí vào bản Tuyên ngôn Độc lập thể hiện rõ trong câu nói bất hủ: “Chúng tôi khẳng định một chân lí hiển nhiên rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng Tạo hoá đã ban cho họ một số quyền bất khả tương nhượng, trong đó có quyền sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Rằng các chính phủ được lập ra là để bảo đảm cho những quyền này...”. Bastiat chia sẻ quan điểm hệt như thế khi viết: “Đời sống, năng lực, sản xuất – nói cách khác, cá tính, tự do, tài sản – chính là con người. Và bất chấp sự xảo quyệt của các nhà lãnh đạo chính trị khéo léo, ba món quà của Chúa vẫn có trước và đứng trên luật lệ do con người đặt ra”.

Bastiat gán cho chính phủ những lí do tương tự như các Nhà Lập quốc Mỹ, khi viết: “Cuộc sống, quyền tự do và tài sản tồn tại trên đời không phải vì con người đã làm ra luật pháp. Ngược lại, sự kiện là cuộc sống, quyền tự do và tài sản đã có từ trước, và điều đó buộc người ta phải coi luật pháp là tối thượng”. Không có lời tuyên bố nào về những quyền tự nhiên được Chúa ban cho hay hơn là những lời lẽ trong Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và trong tác phẩm *Luật pháp* của Bastiat.

Bastiat gắn hi vọng về tự do vào nước Mỹ khi ông viết: “... Hãy nhìn vào nước Mỹ. Không có quốc gia nào trên thế giới mà luật pháp lại được thể hiện khôn khéo thích hợp đến như thế: Bảo vệ quyền tự do và tài sản của mỗi người. Kết quả là, dường như không có quốc gia nào trên thế giới mà trật tự xã hội lại được xây dựng trên nền tảng vững chắc đến như thế”. Năm 1850, Bastiat nhận xét rằng có hai vấn đề mà Mỹ còn thiếu sót: “Nô lệ là vi phạm – bằng luật pháp luật – quyền tự do. Thuế xuất nhập khẩu có tính bảo hộ là vi phạm – bằng luật pháp – quyền sở hữu tài sản”.

Nếu Bastiat còn sống đến ngày hôm nay thì hẳn là ông sẽ thất vọng trước việc chúng ta không thể giữ luật pháp trong khuôn khổ thích hợp của nó. Trong suốt hơn một thế kỉ rưỡi vừa qua, chúng ta đã tạo ra hơn 50.000 bộ luật. Hầu hết trong số đó cho phép nhà nước sử dụng bạo lực chống lại những người chưa từng sử dụng bạo lực để chống lại những người khác. Đây là những bộ luật như cấm hút thuốc lá ở các cơ sở tư nhân và “đóng góp” cho an sinh xã hội đến luật về môn bài và luật lương tối thiểu. Trong mỗi trường hợp, người kiên quyết đòi hỏi và bảo vệ quyền do Chúa ban cho mình là được ở một mình.

[...]

Lời giới thiệu cho bản dịch tiếng Nga của S. A. Nikolaev

Đây là tác phẩm mở đầu cho một loạt ấn bản nói về quyền tự do cá nhân – tự do theo nghĩa ban đầu và đúng đắn của từ này.

Hôm nay, nước Nga rơi vào tình trạng là trên đồng tro tàn của hệ thống cộng sản đã sụp đổ đang xuất hiện hệ thống quản lí nhà nước mới, nhưng lại rất giống với hệ thống cũ. Mặc dù bộ máy nhà nước mới được gọi bằng tên khác và tuyên bố những nguyên tắc mới, về mặt hình thức cho phép công dân làm những việc mà trước đây bị coi là tội phạm, nhưng bên cạnh bánh lái của nó thường vẫn là những con người cũ, dựa vào khối quần chúng cũ, những người đã sống và làm việc, suy nghĩ và hành động như trong thời “xã hội chủ nghĩa”. Bộ máy quản lí hành chính quan liêu hiện đại của nước Nga với tất cả các lực lượng an ninh và hàng triệu cán bộ của nó, dường như đã lớn hơn bộ máy đó trong phần còn lại của thế giới, nhưng chúng ta vẫn có cơ hội thoát khỏi con đường phát triển đang dẫn tới một hình thức mới của chính phủ độc tài toàn trị.

Mối quan hệ giữa công dân và nhà nước ở nước Nga hiện đại đã quay lại với sơ đồ thường thấy: “Nhà nước mạnh – Công dân ngoan”. Dường như chúng ta vẫn còn đang đờ đẫn với phần còn lại của bầu không khí tự do mà chúng ta nhận được từ năm 1991. Các nhà chức trách mới chưa kịp đưa chúng ta trở lại với mô hình toàn trị cũ và cũng chưa kịp xây dựng khuôn mẫu của cái gọi là xã hội “dân chủ” phương Tây hiện đại. Người ta thậm chí còn chưa cấy vào đầu óc của chúng ta thái độ tuân phục vô

điều kiện những người cai trị nhân danh “nhân dân”. Chúng ta còn chưa tôn trọng nhà nước như những kẻ đang nắm quyền muốn, chưa thích đóng thuế và thỉnh thoảng vẫn chỉ trích bộ máy quan liêu. Có lẽ, mặc dù có lịch sử toàn trị lâu dài, ở đâu đó trong trái tim, chúng ta – vẫn là những người tự do. Tạm thời là thế.

Trong nhân dân chúng ta vẫn chưa phát triển cảm giác tự nhiên và trách nhiệm đóng thuế, những khoản thuế mà đúng ra nên gọi là “cướp bóc hợp pháp”. Trong lúc các doanh nghiệp và các công ti phải nằm dưới sự kiểm soát liên tục và gắt gao của những cơ quan nhà nước và bị đe dọa phạt tiền và truy tố, phải nộp thuế quá cao vào kho bạc không đáy của nhà nước, sau đó các khoản tiền hào phóng đó được phân phát cho những nhóm lợi ích, thì các cá nhân – những người bình thường, vẫn trao đổi hàng hoá và dịch vụ trên cơ sở tự nguyện mà không cần quan tâm tới nhà nước. Họ xây dựng các mối quan hệ với nhau mà không sợ nhà nước và cho đó là hoàn toàn tự nhiên (ví dụ người ta đi xe của các lái xe tư nhân, sửa chữa xe trong xưởng sửa chữa tư nhân, thuê các đội xây dựng và thợ thủ công và mua những món hàng ở chợ mà không phải đóng “thuế”). Không ai nghĩ đến chuyện phải nộp cho nhà nước một phần khi bán cho nhau theo thoả thuận hoặc nộp vào “ngân sách” khoản tiền kiếm được bằng lao động trung thực khi bán một ít khoai tây mà chúng ta trồng được ở trong vườn. Nghe có vẻ lạ, nhưng ở nhiều nước (trong đó có Mĩ) làm như thế bị coi là tội phạm. Thế mà gọi là tự do ư?

Hiện nay không phải tất cả các công dân Nga đều coi việc báo cáo về thu nhập của mình với nhà nước là “bình thường” – tương tự báo cáo với bọn bảo kê, như người phương Tây thường làm – và nộp cái khoản đóng góp đáng xấu hổ – gọi là “thuế”.

Hiện nay chúng ta chưa có hệ thống chỉ điểm mới khi nói đến “hiện tượng che giấu thu nhập”.

Nhiều người không bị nhà nước quấy rầy đã tích cực xây dựng cuộc sống của mình; đây là những người tạo dựng hạnh phúc cá nhân bằng chính sức lực của mình và không còn đòi hỏi nhà nước phải bảo đảm cuộc sống của mình bằng những khoản thuế do người khác đóng.

Và mặc dù ngày nào chúng ta cũng bắt gặp sự tùy tiện của các quan chức và chúng ta vẫn còn phụ thuộc vào quyết định của bộ máy hành chính quan liêu, việc hành xử thiếu tôn trọng luật pháp mà không bị trừng phạt của những người nắm quyền lực, nhà nước mới của nước Nga vẫn chưa tạo ra hệ tư tưởng về thuế khoá như nó đang hiện diện ở các nước khác. Nhưng chúng ta đang có nguy cơ là một lần nữa sẽ lại rơi vào vực thẳm của cướp bóc hợp pháp và phải chấp hành tất cả các mệnh lệnh của nhà nước.

Nhà nước có nhiều khuôn mặt nhưng bản chất thì bao giờ cũng là một. Nó luôn hành động bằng cách **cưỡng bức** người dân. Tên nó là gì: chế độ quân chủ, chế độ độc tài hay dân chủ, không phải là quan trọng – bản chất của nó bao giờ cũng là một. Một nhóm người nhận được (hay cướp được) quyền cai trị những người khác nhân danh chính những người đó hoặc nhân danh “đa số” và cai trị một cách vui vẻ, đồng thời kiếm lợi cho bản thân mình.

Có lẽ tất cả chúng ta đều muốn được tự do và tương tác với những người khác trên cơ sở tự nguyện và cùng có lợi. Không ai muốn trở thành nô lệ cho người khác hay cho một nhóm người nào đó. Nhưng thường thì chúng ta không nhận thấy tự do của chúng ta kết thúc ở chỗ nào và ép buộc bắt đầu từ đâu.

Hôm nay chúng ta cất lên tiếng nói của mình nhằm bảo vệ quyền tự do của chúng ta, đòi nhà nước không can thiệp vào công việc của chúng ta, chấm dứt việc áp đặt từ phía nhà nước bất cứ việc gì. Chúng ta nói: “Mọi người về bản chất đều là người tự do. Bản chất của con người là thông minh và tự mình tạo ra hạnh phúc cho chính mình. Nhà nước, các quan chức nhà nước và các nhà lập pháp hãy để chúng tôi yên!”

Tất cả các nguyên lí được trình bày trong cuốn sách này đã được lịch sử thế kỉ XIX và XX khẳng định. Tất cả các dự đoán của Bastiat, ngược lại với những người ủng hộ các hệ thống chính phủ khác nhau (trong đó có cộng sản, chủ nghĩa xã hội và dân chủ), đã trở thành sự thật.

Cuộc nội chiến ở Mỹ, các cuộc cách mạng và các cuộc đảo chính, quá trình hấp hối và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội – là khẳng định trên thực tế của những kết luận hợp logic của ông.

Nếu lí thuyết được kinh nghiệm khẳng định thì đấy là lí thuyết đúng. Nếu lí thuyết, bên cạnh đó, còn được xây dựng trên cơ sở phân tích chính nền tảng của nhân loại – trên bản chất của chính con người – thì nó còn đúng hơn nữa. Xin hãy cố gắng hiểu nó không chỉ bằng cảm giác, mà còn bằng đầu óc vì nó hợp lí và công chính đến từng từ.

Anton Newmark

Dẫn nhập

Richard Ebeling^[2]

Bảo vệ tự do kinh tế chưa bao giờ là nhiệm vụ dễ dàng. Adam Smith bày tỏ sự thất vọng của ông về vấn đề này trong tác phẩm *The Wealth of Nations* (Của cải của các quốc gia). Sau khi chỉ trích mạnh mẽ chủ nghĩa trọng thương – hệ thống quản lí và kế hoạch hoá của chính phủ hồi thế kỉ XVIII – ông đã chán nản cho rằng thương mại tự do ở Anh khó như xây dựng xã hội không tưởng vậy.

Ông cho rằng có hai nhân tố làm cho người ta không thể hi vọng vào thành công của tự do kinh tế. “Không chỉ định kiến của xã hội”, Smith nói, “mà những quyền lợi không thể tranh cãi của nhiều người có sức chống đối không thể cưỡng lại được”^[3]. Sử dụng cụm từ “định kiến của xã hội”, Smith ám chỉ việc nhiều người bình thường khó mà hiểu được những luận cứ thường là trừu tượng và phức tạp của các nhà kinh tế học khi họ chứng minh tính ưu việt của thị trường tự do so với những hình thức can thiệp và kiểm soát khác nhau của chính phủ. Còn cụm từ “những quyền lợi không thể tranh cãi của nhiều người” ám chỉ những nhóm lợi ích đặc biệt được lợi từ những biện pháp quản lí của chính phủ nhằm hạn chế hoặc ngăn chặn cạnh tranh công khai, và vì vậy sẽ luôn tích cực vận động nhằm giữ những biện pháp quản lí đó. Kết hợp lại, Smith lo sợ rằng, hai tác nhân đó sẽ mãi mãi ngăn chặn không bao giờ để cho logic của tự do kinh tế giành chiến thắng trên vũ đài của tư tưởng và chính trị.

Tuy nhiên, trong thế kỉ XIX, đã có một người ủng hộ tự do,

ông đã làm chủ được nghệ thuật biến sự phức tạp của kinh tế học thành dễ hiểu đối với những người dân bình thường: đây là nhà kinh tế theo trường phái tự do cổ điển người Pháp, Claude Frédéric Bastiat (1801–1850). Nhiều nhà sử học chuyên về tư tưởng kinh tế đã nhấn mạnh khả năng đặc biệt của Bastiat trong việc làm xói mòn cơ sở của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa xã hội, và chủ nghĩa can thiệp.

Ví dụ, Alexander Gray viết: “Chưa từng có người nào khéo léo đến như thế trong việc làm cho quan điểm của đối thủ trở nên có vẻ ngu ngốc đến như thế. Ngay cả bây giờ, tác phẩm phù du nhất của ông đọc vẫn thú, vì sự hóm hỉnh, sự châm biếm sâu cay và cả sự trang nhã mà ông dùng để châm chích đối thủ của mình” [4]. Lewis Haney cho rằng: “Văn phong của Bastiat thú vị và trong sáng” và có sức “lôi cuốn quần chúng bằng truyền thuyết và châm biếm” [5]. Eduard Heimann, một người phê phán nền kinh tế thị trường, mô tả ông là: “Một cây bút có tài, nổi tiếng thế giới với câu chuyện ngụ ngôn của ông về những người làm nển, đã thỉnh cầu bảo hộ nhằm chống lại sự cạnh tranh không lành mạnh của mặt trời để cộng đồng có thể trở nên giàu có bằng cách làm giàu cho ngành của họ” [6]. Charles Gide và Charles Rist chỉ ra rằng: “Nếu những người ủng hộ bảo hộ hiện đại không còn nói về ‘ngập lụt hàng hoá’ hay ‘sự xâm lược của hàng hoá nước ngoài’ ... chúng ta thường quên rằng tất cả đều là do những cuốn sách mỏng nhưng tuyệt vời do Bastiat viết... Không ai có thể chỉ ra với thái độ miệt thị hơn cái mâu thuẫn nực cười của việc xẻ những trái núi chia cắt đất nước nhằm tạo thuận lợi cho những vụ trao đổi, nhưng ở mỗi đầu lại lập một hàng rào hải quan” [7]. Và mặc dù luận cứ phản bác tư tưởng bảo hộ và tư tưởng tập thể của Bastiat trong thời gian đó là rất sắc bén, William Scott nhấn mạnh rằng:

“thái độ của con người theo phái tự do này ở Pháp là bình tĩnh và cao quý, và mặc dù chỉ trích rất mạnh ông cũng đánh giá cao các động cơ của đối thủ. Ông tin vào ước muốn thúc đẩy sự thịnh vượng xã hội của họ, nhưng ông muốn nói rằng họ đã lầm lạc và tìm cách đưa họ vào đường ngay lối thẳng, nếu có thể” [8].

Những phẩm chất này làm cho Joseph A. Schumpeter gọi Bastiat là “Nhà báo viết về kinh tế nổi bật nhất cho đến nay” [9]. Ludwig von Mises ca ngợi ông là “người có bút pháp rất độc đáo, đọc ông là cả một niềm vui. ... những lời phê phán của ông đối với tất cả những biện pháp bảo hộ và những xu hướng liên quan đến nó thì vẫn chưa ai vượt qua được. Những người theo chính sách bảo hộ và can thiệp không thể phủ nhận được. Họ đành phải lặp đi lặp lại: Bastiat rất ‘hời hợt’” [10].

Một số người cầm bút đã bắt chước ông. Đầu thế kỉ XX, nhà kinh tế học ủng hộ thị trường tự do người Pháp, Yves Guyot, nói rằng cuốn sách mỏng của ông, *Economic Prejudices* (Những định kiến về kinh tế), được viết theo phong cách của Claude Frédéric Bastiat, với mục đích “[đặt ra] chân lí dưới hình thức đơn giản, thuận tiện, dễ nhớ, nhằm phê phán những sai lầm bằng những chứng minh mà người nào cũng có thể áp dụng”, như Bastiat đã làm cách đó nửa thế kỉ [11]. Và chắc chắn là trong thế kỉ XX, thành công nhất và có ảnh hưởng nhất trong việc áp dụng phương pháp và cách tiếp cận của Bastiat là tác phẩm *Economics in One Lesson* (Kinh tế học trong một bài học) của Henry Hazlitt, trong đó tác giả cho biết: “Tác phẩm này có thể, trên thực tế, được coi là sự hiện đại hoá, mở rộng và khái quát hoá phương pháp được trình bày trong cuốn sách mỏng của Bastiat, với nhan đề *What Is Seen and What Is Not Seen* (Cái nhìn thấy và cái không nhìn thấy)” [12].

. . .

Claude Frédéric Bastiat sinh ngày 30 tháng 6 năm 1801, ở Bayonne, nước Pháp, trong gia đình thương nhân có tiếng[13]. Mẹ ông qua đời khi ông mới lên bảy, chỉ hai năm sau bố ông cũng qua đời, lúc đó Frédéric mới vừa tròn chín tuổi. Ông đã được người cô nuôi nấng, bà cũng là người tìm cách cho ông vào học ở trường Cao đẳng Sorèze khi ông vừa tròn 14 tuổi. Nhưng năm 17 tuổi, ông bỏ học giữa chừng và vào làm cho công ti thương mại của ông chú ở Bayonne. Chẳng bao lâu sau ông đã đọc hết các tác phẩm của nhà kinh tế học theo trường phái tự do cổ điển của Pháp là Jean–Baptiste Say, và những tác phẩm này đã thay đổi cuộc đời và tư duy của ông[14]. Ông bắt đầu nghiên cứu kinh tế chính trị học một cách nghiêm túc và chẳng bao lâu sau đã tìm được rất nhiều tác phẩm của những người cầm bút theo trường phái tự do cổ điển khác ở Pháp và ở Anh.

Năm 1825, ông được thừa hưởng một điền trang nho nhỏ ở Mugron, do ông nội để lại, và ở đó cho đến năm 1846 thì chuyển hẳn về Paris. Trong những năm 1820, Bastiat dành phần lớn thời gian để đọc sách báo viết về nhiều đề tài khác nhau, ngoài ra ông còn chia sẻ sách vở và tư tưởng với người bạn tên là Félix Coudroy. Dường như Coudroy là người có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, và Bastiat bắt đầu hoàn thiện kỹ năng tư duy và viết một cách mạch lạc bằng cách đưa ra những lập luận mà cuối cùng đã thuyết phục được người bạn ngả sang triết lý tự do.

Cuối những năm 1820 và trong những năm 1830, ông bắt đầu viết những cuốn chuyên khảo và những bài tiểu luận về

những chủ đề kinh tế khác nhau. Nhưng phải đến năm 1844, ông mới có danh tiếng thực sự, đây là khi ông xuất bản một bài báo dài nhằm ủng hộ thương mại tự do và sau đó là một chuyên khảo về Cobden và tác phẩm *League: The English Movement for Free Trade* (tạm dịch: Liên đoàn: Phong trào ủng hộ thương mại tự do ở Anh). Trong quá trình viết những tác phẩm này, Bastiat bắt đầu trao đổi thư từ với Richard Cobden, một trong những nhà lãnh đạo chính của Liên đoàn chống Luật ngũ cốc, tức là hiệp hội đòi bãi bỏ tất cả các rào cản đối với thương mại tự do. Hai người ủng hộ tự do kinh tế nhanh chóng trở thành bạn bè và hỗ trợ nhau trong sự nghiệp vì tự do.

Thành công của những tác phẩm này và cảm hứng từ thành công của những hoạt động ủng hộ thương mại tự do của Cobden trong việc chấm dứt chính sách bảo hộ nông nghiệp ở Anh vào năm 1846 đã dẫn đến kết quả là Bastiat chuyển hẳn về Paris để thành lập Hiệp hội thương mại tự do ở Pháp và cho ra đời tờ *Le Libre Échange*, ủng hộ sự nghiệp của Hiệp hội^[15]. Bastiat làm việc nhằm tổ chức và tuyên truyền cho tự do thương mại liên tục trong hai năm. Ban đầu ông đã lôi kéo được khá nhiều người làm trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp hỗ trợ các hoạt động của mình, trong đó có đóng góp những bài phát biểu, xây dựng pháp luật cho việc bãi bỏ chủ nghĩa bảo hộ của Pháp và viết sách báo nhằm chuyển hoá tư tưởng của công luận. Nhưng không có kết quả. Có quá nhiều nhóm lợi ích đặc biệt được hưởng lợi từ những ưu đãi của chính phủ và ông không thể làm cho quần chúng thường xuyên quan tâm tới những hoạt động của mình. Dường như Adam Smith đã đúng khi phàn nàn về những định kiến của công chúng và sức mạnh của các nhóm lợi ích, ít nhất là ở Pháp.

Sau cuộc cách mạng Tháng 2 năm 1848, Bastiat bắt đầu sự

nghiệp trong lĩnh vực chính trị, ban đầu là trong Quốc hội lập hiến và sau đó trong Quốc hội. Sau khi đã dành hầu hết các tác phẩm trước đây của mình nhằm chứng minh những sai lầm trong những luận cứ của chủ nghĩa bảo hộ, Bastiat chuyển sự chú ý của mình tới kẻ thù mới của tự do kinh tế: chủ nghĩa xã hội. Ông đã tung ra những bài phát biểu mạnh mẽ nhằm chống lại những chương trình về lao động xã hội, tức là những chương trình bảo đảm công ăn việc làm trên toàn quốc, những đề xuất về tái phân phối của cải, về quốc hữu hoá lĩnh vực công nghiệp và những luận cứ nhằm mở rộng việc kiểm soát của bộ máy hành chính quan liêu đối với đời sống xã hội và đời sống kinh tế. Nhưng vì bệnh lao nặng làm cho giọng nói của ông ngày càng yếu đi, ông lại quay sang lĩnh vực viết lách và đã viết được nhiều bài tiểu luận thể hiện rõ những điều vô lí trong luận cứ của những người xã hội chủ nghĩa.

Lần cuối cùng Bastiat xuất hiện ở Quốc hội là vào tháng 2 năm 1850. Mùa xuân năm đó sức khoẻ của ông xấu đi trông thấy, buộc ông phải từ bỏ trách nhiệm trong Quốc hội và sống cả mùa hè ở vùng núi Pyrénées, miền Nam nước Pháp. Ông trở về Paris vào tháng 9 và đi thăm những người cùng ủng hộ sự nghiệp thương mại tự do, trước khi qua Italy để tìm thuốc điều trị bệnh lao. Ông qua đời ở Rome vào ngày 24 tháng 12 năm 1850, ở tuổi 49.

Di sản trí tuệ của Claude Frédéric Bastiat trong cuộc đấu tranh cho nền kinh tế tự do được in thành ba tập. Hai cuốn là bộ sưu tập những bài tiểu luận và những bài báo dí dỏm, sâu cay và thấu triệt nhất của ông và đã được dịch sang tiếng Anh với nhan đề *Economic Sophisms*^[16] (tạm dịch: Những nguy biện trong kinh tế học), và *Selected Essays on Political Economy*^[17] (tạm dịch: Những bài tiểu luận chọn lọc về kinh tế chính trị

học). Trong những năm cuối đời, Bastiat dành một phần thời gian cho công trình bàn về triết học xã hội và những nguyên tắc của kinh tế học, được xuất bản dưới nhan đề *Economic Harmonies*^[18] (tạm dịch: *Hài hoà về kinh tế*).

Henry Hazlitt đã đúng khi nhấn mạnh rằng những ý tưởng quan trọng nhất trong nhiều tác phẩm của Bastiat được thể hiện trong bài tiểu luận nhan đề “What Is Seen and What Is Not Seen” (Cái nhìn thấy và cái không nhìn thấy), đây là tác phẩm cuối cùng ông viết trước khi qua đời^[19]. Ông chỉ ra rằng ảnh hưởng trong ngắn hạn của bất kì hành động hay chính sách nào thường khác hẳn với hậu quả mà nó gây ra trong dài hạn, và rằng, những hậu quả trong tương lai xa xôi đó, trên thực tế, có thể trái ngược với những điều người ta từng hi vọng hay lập kế hoạch lúc ban đầu.

Bastiat có thể áp dụng nguyên tắc của cái nhìn thấy và cái không nhìn thấy vào thuế khoá và công việc của chính phủ. Khi chính phủ đánh thuế, cái nhìn thấy là những công nhân có việc làm và kết quả của sức lao động của họ: một con đường, một cây cầu hay một con kênh được xây dựng. Cái không nhìn thấy là tất cả những thứ có thể được sản xuất nếu người ta không thu thuế của những người làm trong lĩnh vực tư nhân và nếu những nguồn tài nguyên và lao động làm việc cho chính phủ được tự do phục vụ nhu cầu của những công dân kia. Bastiat giải thích rằng chính phủ chẳng làm được gì nếu không lấy các nguồn lực và lao động mà lĩnh vực tư đang sử dụng.

Quan điểm thấu triệt, đơn giản và cực kì quan trọng đó là vũ khí mang tính lí thuyết, nhờ đó Bastiat có thể chỉ ra những sai lầm và mâu thuẫn trong những tư tưởng của cả phái bảo hộ lẫn phái xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, trong những bài tiểu luận như “Phong phú và khan hiếm”, “Trở ngại vật và nguyên nhân”,

và “Nỗ lực và kết quả”, ông chỉ ra rằng các rào cản và những biện pháp cấm đoán thương mại tự do chỉ dẫn tới đói nghèo mà thôi[20]. Ông nhấn mạnh rằng mỗi người trong chúng ta vừa là người tiêu dùng vừa là người sản xuất.

Muốn tiêu thụ một món đồ, chúng ta phải tự làm hoặc làm ra một món hàng khác mà chúng ta nghĩ rằng một người nào đó sẽ trao đổi với món hàng mà chúng ta muốn. Là người tiêu dùng, chúng ta muốn càng có nhiều hàng và giá càng rẻ thì càng tốt. Nói cách khác, chúng ta muốn dư dật. Nhưng, là người sản xuất, chúng ta lại muốn món hàng mà chúng ta đưa ra thị trường ở trong tình trạng khan hiếm. Trong thị trường cạnh tranh công khai, nơi mà tất cả các cuộc trao đổi đều là tự nguyện, cách duy nhất để “tóm được” khách hàng và kiếm được thu nhập tạo điều kiện cho mỗi người chúng ta, đến lượt mình, trở thành người tiêu dùng, là cung cấp nhiều hàng hoá hơn, tốt hơn, rẻ hơn đối thủ cạnh tranh của mình. Bastiat cảnh báo rằng thay thế cho phương pháp này là mỗi người chúng ta, như người sản xuất, quay sang đề nghị chính phủ cho chúng ta những thứ thuộc quyền sở hữu của những người hàng xóm của chúng ta, tức là những thứ mà chúng ta không thể nhận được thông qua trao đổi hoà bình, bất bạo động trên thị trường.

Đây là đường ranh giới nổi tiếng mà Bastiat vạch ra giữa cướp bóc bất hợp pháp và cướp bóc hợp pháp, cũng là trọng tâm của tác phẩm *Luật pháp*[21]. Mục đích của chính phủ, ông nói, chính là bảo đảm quyền sống, quyền tự do và tài sản của các cá nhân. Nếu không có sự bảo đảm như vậy thì đời sống của con người chỉ còn là cuộc sống nguyên thủy, đầy sợ hãi và lúc nào cũng chỉ lo tự vệ mà thôi, người hàng xóm nào cũng là kẻ thù tiềm ẩn, sẵn sàng cướp bóc tất cả những thứ do người khác làm ra. Nếu chính phủ chỉ làm một việc là bảo vệ các quyền của

con người thì hoà bình sẽ thắng thế và người ta sẽ làm việc nhằm cải thiện đời sống của mình, họ sẽ liên kết với những người hàng xóm trong việc phân công lao động và trao đổi.

Nhưng chính phủ cũng có thể quay sang chống lại những người mà nó có nhiệm vụ bảo vệ tài sản cho họ. Đây là lúc có thể xảy ra cướp bóc hợp pháp, trong đó quyền lực của chính phủ được nhiều cá nhân và các nhóm người sử dụng nhằm ngăn chặn các đối thủ, không cho họ tham gia cạnh tranh, cản trở cơ hội kinh doanh của những người khác ở trong và ngoài nước, và do đó ăn cắp tài sản của dân chúng. Điều này, Bastiat khẳng định, là nguồn gốc và cơ sở của chủ nghĩa bảo hộ, của những biện pháp quản lí và thuế khoá có tính chất tái phân phối tài sản.

Nhưng hậu quả của cướp bóc hợp pháp không chỉ là hợp pháp hoá về mặt chính trị hành vi trộm cắp và phá hoại đạo đức do xoá nhoà sự phân biệt giữa đúng và sai – mà những hậu quả này có thể còn có tác động cực kì quan trọng và nguy hiểm đối với sự ổn định và thịnh vượng trong dài hạn của xã hội. Những chính sách như thế chắc chắn sẽ làm giảm sự thịnh vượng của xã hội. Bastiat khẳng định rằng bảo hộ thương mại, cản trở về mặt pháp lí trong lĩnh vực đối nội, thuế khoá có tính chất tái phân phối của cải cao hơn thuế suất tối thiểu cần cho việc bảo vệ một cách bình đẳng quyền của mỗi cá nhân đều làm suy giảm sản xuất và cạnh tranh trong xã hội. Khan hiếm thế chỗ cho phong phú. Hạn chế cạnh tranh làm cho hàng hoá cung cấp cho tất cả các thành viên trong xã hội giảm đi. Áp đặt hàng rào bảo hộ đối với ngoại thương hay quản lí sản xuất ở trong nước làm giảm số lượng hàng hoá nói chung và làm cho chúng trở nên đắt đỏ hơn. Cuối cùng, mọi người đều bị thiệt hại. Và bằng cách đó, Bastiat đi đến kết luận nổi tiếng rằng nhà

nước là câu chuyện tuyệt vời mà ở đó mỗi người đều tìm cách sống bằng chi phí do tất cả những người khác trả.

Tại sao lại xảy ra cướp bóc hợp pháp? Bastiat tìm thấy hai nguồn gốc. Thứ nhất, như chúng ta đã thấy, một số người coi nó là phương tiện tìm kiếm của cải dễ dàng hơn là lao động và sản xuất. Họ sử dụng quyền lực chính trị để tái phân phối những thứ mà họ không muốn hoặc không có khả năng nhận được từ những người bên cạnh thông qua trao đổi tự nguyện trên thị trường. Nói cách khác, một trong những cơ sở của cướp bóc hợp pháp là tư tưởng ăn cắp bị hiểu sai.

Nguồn gốc thứ hai của cướp bóc hợp pháp và nguy hiểm hơn nhiều là não trạng kiêu căng của những người nhận lãnh vai trò thiết kế xã hội. Thông qua những giai đoạn khác nhau, Bastiat chỉ ra rằng các nhà triết học trong lĩnh vực xã hội và chính trị coi nhân dân như là vật chất thụ động, tương tự cục đất sét, đợi người ta nhào nặn và tạo thành hình dáng, sắp xếp và di chuyển theo thiết kế của giới tinh hoa tri thức. Bastiat chỉ ra rằng giới tinh hoa chính trị luôn luôn ca ngợi lí tưởng dân chủ, theo đó “nhân dân” chọn những người sẽ nắm quyền. Nhưng ngay khi quá trình bầu cử vừa chấm dứt, những người được bầu vào những chức vụ cao liền giành lấy quyền lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát tất cả các mặt của đời sống kinh tế và xã hội. Rõ ràng, nhiệm vụ của xã hội dân chủ hiện đại là định kì bổ nhiệm những người sẽ trở thành những kẻ cai trị độc tài của chúng ta.

Đây có phải là cách sống của con người hay không? Cướp bóc bất hợp pháp và hợp pháp có phải là hình thức tổ chức xã hội duy nhất hay không? Bastiat trả lời: Không. Trong tác phẩm *Hài hoà về kinh tế* ông đã cố gắng giải thích bản chất và logic của hệ thống các hiệp hội nhân bản, hoà bình, dựa vào sản xuất

và buôn bán. Các nhà sử học trong lĩnh vực tư tưởng kinh tế và những người phê bình Bastiat chỉ ra rằng tác phẩm này cho thấy mặc dù có tài năng sáng chói trong lĩnh vực báo chí, ông không phải là lí thuyết gia kinh tế nặng kí. Họ chỉ ra cách ông sử dụng hình thức của học thuyết lao động về giá trị hoặc lí thuyết sai về tiết kiệm, vốn và lãi suất[22].

Nhưng ngoài những sai sót và hạn chế vừa nói, *Hài hoà về kinh tế* vẫn là tác phẩm chứa đựng kiến thức thấu triệt. Tác phẩm này cố gắng đưa ra một tầm nhìn rộng lớn về các mối quan hệ nhân quả giữa việc làm, phân công lao động, trao đổi tự nguyện và người dân cùng giúp nhau cải thiện điều kiện sống của mình, cũng như tầm quan trọng của tài sản tư nhân, tự do cá nhân, và tự do thương mại, cả nội thương lẫn ngoại thương. Có tự do thì sẽ có hài hoà xã hội, vì mỗi người không còn coi hàng xóm là kẻ thù mà là đối tác trong quá trình cải thiện liên tục điều kiện sống của mình. Khi các mối quan hệ dựa trên sự chấp thuận và thoả thuận giữa các bên thì không thể có cướp bóc, mà chỉ có củng cố sự thịnh vượng, vì mỗi người đều làm việc để trao đổi với những người láng giềng của mình và có được những vật phẩm làm cho đời sống của mỗi người và mọi người đều được cải thiện.

Nhìn vào giai đoạn khi mà Bastiat tập trung toàn bộ sức lực của mình cho cuộc tranh đấu vì tự do và thương mại tự do, có thể rút ra kết luận rằng cuộc đời ông đã thất bại. Cả khi ông còn sống cũng như sau khi ông mất, ở nước Pháp, cả tự do lẫn thương mại tự do vẫn nằm trong gọng kìm của chủ nghĩa bảo hộ và chủ nghĩa can thiệp, và chưa bao giờ đạt được mức độ tự do kinh tế như Vương quốc Anh trong suốt nửa sau của thế kỉ XIX.

Nhưng cuộc đời của Bastiat phải được coi là thành công rực

rõ. Trong suốt 150 năm sau khi ông qua đời, mỗi thế hệ mới những người ủng hộ tự do kinh tế đều được các trước tác của ông truyền cảm hứng. Những câu chuyện ngụ ngôn và những bài tiểu luận vẫn tươi mới như thể chúng mới được viết trong ngày hôm qua, vì chúng nói về bản chất của sự hợp tác của con người và những nguy hiểm của việc xâm phạm của chính trị vào trật tự xã hội và trật tự của thị trường.

Luật pháp

Luật pháp đã bị bóp méo! Và quyền giám sát của nhà nước cũng bị tha hoá cùng với nó! Luật pháp, tôi nói, không chỉ đi chệch khỏi mục đích đúng đắn của nó, mà còn bị người ta sử dụng để thực hiện những mục đích hoàn toàn ngược lại! Luật pháp trở thành vũ khí của lòng tham đủ mọi kiểu! Không những không ngăn chặn được tội ác, mà chính luật pháp lại trở thành điều ác mà đáng lẽ nó phải trừng phạt!

Nếu thật như thế, thì đây là sự kiện hết sức nghiêm trọng, và trách nhiệm đạo đức buộc tôi phải kêu gọi đồng bào của tôi chú ý đến nó.

Cuộc sống là quà tặng của Chúa

Chúng ta nhận được từ Chúa một món quà, món quà này chứa đựng tất cả những thứ khác. Món quà này là đời sống – đời sống vật chất, đời sống trí tuệ và đời sống đạo đức.

Nhưng đời sống không thể tự duy trì. Chúa trao cho chúng ta trách nhiệm giữ gìn, phát triển và hoàn thiện nó. Để chúng ta có thể thực hiện điều này, Chúa đã cung cấp cho chúng ta một tập hợp những năng lực kì diệu. Và Chúa đã đặt chúng ta vào giữa những nguồn tài nguyên thiên nhiên khác nhau. Bằng năng lực của mình, ta xử lí những nguồn tài nguyên thiên nhiên này, biến chúng thành các sản phẩm, và sử dụng chúng. Đây là quá trình cần thiết để sự sống có thể đi theo con đường đã được vạch ra.

Đời sống, năng lực, sản xuất – nói cách khác, cá tính, tự do, tài sản – chính là con người. Và bất chấp sự xảo quyệt của các nhà lãnh đạo chính trị khéo léo, ba món quà của Chúa vẫn có trước và đứng trên luật lệ do con người đặt ra. Cuộc sống,

quyền tự do và tài sản tồn tại trên đời không phải vì con người đã làm ra luật pháp. Ngược lại, cuộc sống, quyền tự do và tài sản đã có từ trước, và điều đó buộc người ta phải coi luật pháp là tối thượng.

Luật pháp là gì?

Vậy thì luật pháp là gì? Nó là tổ chức mang tính tập thể quyền bảo vệ một cách hợp pháp các quyền của cá nhân.

Mỗi người chúng ta đều có quyền tự nhiên – do Chúa ban cho – để bảo vệ con người, quyền tự do và tài sản của mình. Đây là ba yêu cầu cơ bản của cuộc sống và việc gìn giữ mỗi quyền hoàn toàn phụ thuộc vào hai quyền còn lại.

Năng lực của chúng ta không phải là phần mở rộng của cá nhân chúng ta hay sao? Và tài sản không phải là phần mở rộng của năng lực chúng ta hay sao? Nếu mỗi người đều có quyền bảo vệ, thậm chí bằng vũ lực – con người, quyền tự do và tài sản của mình – thì có nghĩa là một nhóm người có quyền tổ chức và ủng hộ lực lượng chung nhằm bảo vệ những quyền này một cách thường xuyên và liên tục. Do đó, nguyên tắc của quyền tập thể – lí do cho sự tồn tại và tính hợp pháp của nó – là dựa trên quyền của cá nhân. Và lực lượng chung nhằm bảo vệ quyền tập thể này về mặt logic không có bất kì mục đích hay nhiệm vụ nào khác ngoài nhiệm vụ và mục đích mà nó hành động như lực lượng thay thế. Như vậy, vì cá nhân không thể sử dụng vũ lực một cách hợp pháp nhằm chống lại con người, quyền tự do hay tài sản của cá nhân, thì lực lượng chung – với cùng lí do đó – không thể được sử dụng một cách hợp pháp nhằm giết người, làm mất quyền tự do hoặc tài sản của một cá nhân hay một nhóm người.

Sử dụng sai vũ lực như thế, trong cả hai trường hợp, đều trái với tiền đề của chúng ta. Chúng ta được ban cho vũ lực là để bảo vệ các quyền cá nhân của chính chúng ta. Ai dám nói rằng vũ lực được ban cho chúng ta là để huỷ hoại các quyền như thế của những người đồng bào của chúng ta? Vì không người nào hành động riêng rẽ mà lại có thể sử dụng vũ lực một cách hợp pháp nhằm huỷ hoại các quyền của những người khác, thì nếu nguyên tắc đó cũng được áp dụng cho lực lượng chung, tức là sự kết hợp có tổ chức các lực lượng của từng cá nhân, có hợp logic hay không?

Nếu đúng như thế, thì không có gì hiển nhiên hơn là: Luật pháp là tổ chức để bảo vệ một cách hợp pháp các quyền tự nhiên. Đây là dùng lực lượng chung thay thế cho lực lượng của cá nhân. Và lực lượng chung này chỉ làm những việc mà lực lượng của cá nhân có quyền tự nhiên và hợp pháp để làm: bảo vệ con người, bảo vệ quyền tự do và tài sản; để giữ gìn quyền của mỗi người và làm cho công lí ngự trị trên tất cả chúng ta.

Chính phủ công chính và bền vững

Nếu quốc gia được xây dựng trên cơ sở như thế thì tôi nghĩ rằng trật tự sẽ giữ thế thượng phong trong quan hệ giữa người với người, cả trong suy nghĩ cũng như trong hành động. Tôi nghĩ rằng quốc gia như vậy sẽ có chính phủ cực kì đơn giản, dễ được chấp nhận, không tốn kém, nhỏ gọn, không áp bức, công chính và bền vững nhất mà ta có thể tưởng tượng được – dù hình thức chính trị của nó có như thế nào đi nữa.

Dưới một chính quyền như vậy, mọi người sẽ hiểu rằng mình có tất cả các đặc quyền cũng như trách nhiệm về cuộc sống của mình. Nếu người ta được tôn trọng, được tự do làm việc và

thành quả lao động của mình được bảo vệ, không bị tấn công một cách bất công thì không ai có thể có bất cứ phàn nàn gì về chính phủ hết. Khi thành công, chúng ta sẽ không phải cảm ơn nhà nước vì sự thành công của chúng ta. Và ngược lại, khi thất bại, chúng ta sẽ không còn nghĩ đến việc đổ lỗi cho nhà nước vì sự bất hạnh của mình, cũng như người nông dân sẽ không đổ lỗi cho nhà nước vì mưa đá hay sương giá. Người ta chỉ cảm nhận được nhà nước vì phúc lành vô giá của sự an toàn do chính phủ được hình thành dựa trên khái niệm như thế.

Có thể nói thêm rằng do nhà nước không can thiệp vào những vấn đề riêng tư, nhu cầu của chúng ta và việc thoả mãn những nhu cầu đó sẽ tự diễn ra theo đúng logic. Chúng ta sẽ không thấy những gia đình nghèo theo đuổi con đường học vấn trước khi tìm được bánh mì. Chúng ta sẽ không thấy các thành phố đông dân sống bám vào vùng nông thôn, cũng không thấy những vùng nông thôn đông dân sống bám vào các thành phố. Chúng ta sẽ không thấy những vụ dịch chuyển lớn về vốn, lao động và dân cư do những quyết định của cơ quan lập pháp gây ra.

Những vụ dịch chuyển do nhà nước tạo ra làm cho nguồn sống của chúng ta trở thành không chắc chắn và không ổn định. Hơn nữa, những hành động này làm cho chính phủ phải gánh thêm trách nhiệm.

Luật pháp bị bóp méo hoàn toàn

Nhưng đáng tiếc là, luật pháp không tự giới hạn trong những chức năng phù hợp của nó. Và một khi đã vượt quá chức năng phù hợp của mình, thì nó không chỉ làm như vậy trong một số vấn đề vụn vặt và còn gây tranh cãi. Luật pháp đi xa hơn thế, nó

đã hành động trái ngược hẳn với mục đích của chính mình. Luật pháp được người ta sử dụng nhằm tiêu diệt những mục tiêu của chính nó: Nó được người ta sử dụng nhằm tiêu diệt công lí mà đáng lẽ nó phải giữ gìn, nó được sử dụng nhằm hạn chế và tiêu diệt các quyền mà mục đích của nó là phải tôn trọng. Luật pháp đặt các lực lượng tập thể vào tay những kẻ vô đạo đức, những kẻ muốn bóc lột con người, bóc lột quyền tự do và tài sản của người khác mà không phải chịu bất cứ rủi ro nào. Nó biến cướp bóc thành quyền nhằm bảo vệ nạn cướp bóc. Và biến việc bảo vệ hợp pháp thành tội ác, nhằm trừng phạt quyền bảo vệ hợp pháp.

Việc bóp méo luật pháp được thực hiện như thế nào? Và kết quả sẽ ra sao?

Luật pháp bị bóp méo vì hai nguyên nhân hoàn toàn khác nhau: tham lam một cách ngu ngốc và lòng từ bi sai lầm. Xin nói về cái thứ nhất.

Khuynh hướng sai lầm của nhân loại

Tự bảo tồn và tự phát triển là khát vọng chung của tất cả mọi người. Và nếu như mọi người đều được sử dụng không hạn chế năng lực của mình và tự do định đoạt thành quả lao động của mình thì tiến bộ xã hội sẽ diễn ra liên tục, không bị gián đoạn và không bao giờ ngừng.

Nhưng có một khuynh hướng khác cũng là khuynh hướng chung của mọi người. Khi có điều kiện thì bao giờ họ cũng muốn được sống và phát đạt mà người khác phải trả giá. Đây không phải là một lời buộc tội thiếu căn cứ. Nó cũng không phải là do tâm hồn tăm tối và thiếu khoan dung nói ra. Những

cuốn lịch sử về loài người là vật chứng cho sự thật đó: những cuộc chiến tranh liên miên, di dân hàng loạt, ngược đãi tôn giáo, chế độ nô lệ ở khắp mọi nơi, gian lận thương mại và những cơ sở độc quyền. Những ham muốn chết người này bắt nguồn từ ngay trong bản chất của con người – trong bản năng nguyên thủy, phổ quát và không cưỡng lại được, tức là cái bản năng thúc đẩy người ta thoả mãn dục vọng của mình với ít đau đớn nhất.

Tài sản và cướp bóc

Người ta chỉ có thể sống và đáp ứng nhu cầu của mình bằng cách lao động không ngừng, bằng cách không ngừng áp dụng những năng lực của mình vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đây chính là nguồn gốc của tài sản.

Nhưng còn có sự thật là người ta có thể sống và đáp ứng nhu cầu của mình bằng cách tước đoạt và tiêu thụ sản phẩm lao động của người khác. Đây là nguồn gốc của cướp bóc.

Bây giờ, vì con người tự nhiên là có xu hướng trốn tránh đau đớn – và vì lao động chính là đau đớn – cho nên người ta tìm cách cướp bóc khi cướp bóc nhẹ nhàng hơn là lao động. Lịch sử cho thấy điều này khá rõ. Và trong những điều kiện như thế, tôn giáo cũng như đạo đức đều không thể chặn đứng được nó.

Vậy, khi nào thì cướp bóc chấm dứt? Cướp bóc chấm dứt khi nó đau đớn hơn và nguy hiểm hơn là lao động.

Trong trường hợp như thế, rõ ràng là mục đích đúng đắn của luật pháp là sử dụng sức mạnh của lực lượng tập thể để ngăn chặn xu hướng sai lầm chết người là cướp chứ không làm. Tất cả các biện pháp của luật pháp là phải bảo vệ tài sản và trừng

phạt cướp bóc.

Nhưng, nói chung, pháp luật được một người hay một giai cấp làm ra. Và vì luật pháp không thể hoạt động nếu không được lực lượng thống trị cho phép và ủng hộ, cho nên lực lượng này phải được giao vào tay những người làm ra luật.

Sự kiện này, cùng với xu hướng sai lầm chết người vốn có sẵn trong tim của mỗi người là thoả mãn nhu cầu của mình với ít nỗ lực nhất có thể là nguyên nhân dẫn đến việc bóp méo luật pháp diễn ra hầu như ở khắp nơi. Vì vậy, dễ hiểu vì sao luật pháp, đáng lẽ phải ngăn chặn bất công thì lại trở thành vũ khí bất khả chiến bại của bất công. Dễ hiểu vì sao luật pháp lại được chính các nhà lập pháp sử dụng nhằm thủ tiêu – ở mức độ khác nhau, trong số những người dân nằm dưới quyền cai trị của họ – sự tự chủ của cá nhân bằng chế độ nô lệ, quyền tự do của cá nhân bằng bộ máy áp bức và tài sản cá nhân bằng cách cướp bóc. Người ta làm như thế là vì lợi ích của những người làm ra luật và tương xứng với quyền lực mà người đó nắm giữ.

Những nạn nhân của cướp bóc hợp pháp

Người dân đương nhiên là sẽ đứng lên chống lại bất công mà họ là nạn nhân. Vì vậy, khi cướp bóc được luật pháp tổ chức nhằm phục vụ lợi ích của những người làm ra luật thì tất cả các giai cấp bị cướp bóc đều tìm những biện pháp – hoà bình hay cách mạng – để có thể tham gia vào quá trình ban hành luật pháp. Tuỳ vào mức độ giác ngộ, trong khi tìm cách tranh giành quyền lực chính trị, các giai cấp bị cướp bóc có thể đề xuất một trong hai mục đích hoàn toàn khác nhau: Họ có thể muốn chấm dứt nạn cướp bóc hợp pháp hoặc muốn tham gia vào quá trình này.

Nếu tuyệt đại đa số các nạn nhân của nạn cướp bóc hợp pháp – trong khi giành giật quyền ban hành luật pháp – lại ủng hộ mục đích thứ hai thì đây là đại họa cho quốc gia!

Khi chuyện đó chưa xảy ra, thiếu số tìm cách cướp bóc hợp pháp đa số, khi quyền tham gia vào việc ban hành luật pháp nằm trong tay vài người thì đây là hiện tượng phổ biến. Nhưng sau đó, tham gia vào việc ban hành luật pháp trở thành công việc của tất cả mọi người. Và người ta tìm cách cân bằng những lợi ích xung đột bằng cách làm cho nạn cướp bóc trở nên phổ quát. Không những không đào tận gốc tước tận rễ bất công trong xã hội, mà họ còn làm cho bất công trở thành hiện tượng phổ biến.

Ngay sau khi các giai cấp bị cướp bóc giành được quyền lực chính trị, họ liền thiết lập hệ thống đàn áp các giai cấp khác. Họ không xoá bỏ nạn cướp bóc hợp pháp (Mục tiêu này sẽ đòi hỏi mức độ giác ngộ cao hơn mức độ mà họ đang có). Không những thế, họ còn “thi đua” với những người tiền nhiệm độc ác của mình bằng cách tham gia vào vụ cướp bóc hợp pháp này, thậm chí ngay cả khi nó trái ngược với lợi ích của chính họ.

Trước khi vương quốc của công lí xuất hiện, dường như mỗi người đều bị báo thù một cách tàn nhẫn – một số, vì sự độc ác của họ, còn số khác thì vì sự thiếu hiểu biết của họ.

Kết quả của cướp bóc hợp pháp

Không gì có thể làm xã hội thay đổi lớn hơn và đưa vào xã hội cái ác lớn hơn là biến luật pháp thành công cụ cướp bóc.

Việc xuyên tạc luật pháp như thế sẽ gây ra những hậu quả như thế nào? Phải viết mấy tập sách mới mô tả hết. Vì vậy

chúng ta phải hài lòng với việc chỉ ra những hậu quả ấn tượng nhất.

Trước hết, nó làm cho người ta không còn phân biệt được công lí và bất công.

Nếu luật pháp không được tôn trọng, ở một mức độ nhất định nào đó, thì xã hội không thể tồn tại được. Biện pháp an toàn nhất làm cho người ta tôn trọng luật pháp là làm cho luật pháp đáng được tôn trọng. Khi luật pháp và đạo đức mâu thuẫn với nhau thì người công dân đứng trước lựa chọn khắc nghiệt: đánh mất ý thức về đạo đức hoặc không tôn trọng luật pháp nữa. Hai cái xấu này đều gây ra hậu quả như nhau và người ta sẽ khó lựa chọn.

Bản chất của luật pháp là duy trì công lí. Trong tâm trí của đa số người, luật pháp và công lí là một và chẳng khác gì nhau. Tất cả chúng ta đều có thiên hướng tin rằng cái gì hợp pháp thì cũng là chính đáng. Niềm tin này phổ biến đến nỗi nhiều người có quan niệm sai lầm cho rằng sự kiện nào đó là “chính đáng” vì luật pháp quy định như thế. Vì vậy, muốn làm cho cướp bóc trở thành chính đáng và thiêng liêng thì chỉ cần ban hành và phê chuẩn luật lệ là được. Chế độ nô lệ, những biện pháp hạn chế và cơ sở độc quyền được không chỉ những người hưởng lợi mà cả những người bị chúng làm cho đau khổ ủng hộ.

Số phận của những người không tuân phục

Nếu bạn cảm thấy nghi ngờ tính đạo đức của các thiết chế đó thì người ta sẽ tuyên bố như đinh đóng cột rằng: “Bạn là một nhà cải cách, một người không tưởng, một lí thuyết gia, một người có tư tưởng lật đổ nguy hiểm; bạn có thể làm lung lay

nền tảng của xã hội”. Nếu bạn giảng dạy đạo đức hay chính trị học thì sẽ có những tổ chức của nhà nước kiến nghị với chính phủ tư tưởng đại loại như sau: “Không nên tiếp tục dạy môn khoa học đó chỉ từ quan điểm của thương mại tự do (của quyền tự do, của quyền sở hữu và của công lí) như từ trước đến nay nữa. Chỉ được giảng dạy môn khoa học này theo quan điểm của các sự kiện và pháp luật điều tiết ngành công nghiệp Pháp (sự kiện và luật pháp mâu thuẫn với quyền tự do, quyền sở hữu, và công lí). Nghĩa là các chức danh giảng dạy do nhà nước tài trợ, các vị giáo sư phải hết sức kiềm chế, không được gây nguy hiểm, dù là nhỏ nhất, cho sự tôn trọng luật pháp hiện hành” [23].

Do đó, nếu có luật công nhận chế độ nô lệ hay độc quyền, áp bức hay cướp bóc, dù hình thức có như thế nào, thì cũng không được nhắc tới. Vì làm sao có thể nhắc tới nó mà không làm giảm thái độ tôn trọng của người ta đối với nó? Hơn thế nữa, đạo đức và kinh tế chính trị học phải được dạy theo quan điểm của bộ luật này, với giả thiết cho rằng nó phải là công chính chỉ đơn giản vì nó là luật.

Ảnh hưởng khác của việc xuyên tạc luật pháp đầy kịch tính này là nó gán cho các đam mê và xung đột chính trị và chính trị nói chung ý nghĩa đã bị thổi phồng.

Tôi có thể chứng minh nhận định này bằng hàng ngàn cách. Nhưng, bằng cách minh họa, tôi sẽ tự giới hạn vào chủ đề mà thời gian gần đây đã chiếm tâm trí của tất cả mọi người: phổ thông đầu phiếu.

Ai phán xét?

Các tín đồ của trường phái tư tưởng của Rousseau – những người tự coi mình là rất tiến bộ, nhưng tôi coi họ là lạc hậu tới hai mươi thế kỉ – sẽ không đồng ý với tôi về vấn đề này. Nhưng phổ thông đầu phiếu – với ý nghĩa chặt chẽ nhất của từ này – không phải là một trong những tín điều thiêng liêng mà kiểm tra hay nghi ngờ nó đã là tội ác rồi. Trên thực tế, có thể đưa ra những ý kiến phản đối nghiêm túc đối với quyền phổ thông đầu phiếu.

Trước hết, từ “phổ thông” che giấu một sai lầm hiển nhiên. Ví dụ, ở Pháp có 36 triệu người. Do đó, để thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu thì phải có 36 triệu cử tri. Nhưng hệ thống mở rộng nhất cũng chỉ cho phép 9 triệu người đi bầu cử mà thôi. Cứ bốn người thì có ba người bị loại. Và hơn thế nữa, họ bị người thứ tư loại ra. Người thứ tư này dùng nguyên tắc không đủ năng lực làm lí do loại bỏ, không cho những người khác tham gia bầu cử.

Lúc đó, phổ thông đầu phiếu có nghĩa là phổ thông đầu phiếu cho những người có năng lực. Nhưng vẫn còn câu hỏi sau đây: Ai là người có năng lực? Chỉ có trẻ vị thành niên, phụ nữ, người điên và những người phạm các tội ác lớn nào đó mới bị coi là những người không có năng lực?

Lí do làm cho bầu cử trở thành hạn chế

Xem xét kĩ hơn đề tài này cho chúng ta thấy động cơ dùng giả định về không đủ năng lực làm cơ sở cho quyền bỏ phiếu. Động cơ là cử tri hay người đi bầu cử không thực hiện quyền này cho bản thân mình, mà cho tất cả mọi người.

Về mặt này, các hệ thống bầu cử mở rộng nhất và các hệ

thống bầu cử hạn chế chẳng khác gì nhau. Chúng chỉ khác nhau ở chỗ cái gì được coi là bất lực. Không có sự khác biệt về nguyên tắc, chỉ có khác biệt về mức độ.

Nếu như các đảng viên cộng hoà theo trường phái tư tưởng Hi Lạp và La Mã ngày nay đòi hỏi – người ta có quyền phổ thông đầu phiếu ngay từ khi chào đời – thì không cho phụ nữ và trẻ em tham gia bầu cử là bất công. Tại sao lại không cho? Bởi vì họ bị coi là không đủ năng lực. Và tại sao không đủ năng lực lại là lí do để không cho người ta bỏ phiếu? Bởi không chỉ cử tri đi bầu cử phải gánh chịu hậu quả của lá phiếu của mình, vì mỗi lá phiếu động chạm và ảnh hưởng đến tất cả mọi người trong toàn bộ cộng đồng, bởi các thành viên trong cộng đồng có quyền yêu cầu một số biện pháp bảo vệ trước những hành động mà phúc lợi và sự tồn tại của họ phụ thuộc vào.

Câu trả lời là giới hạn luật

Tôi biết có thể trả lời như thế nào, biết những lời phản bác có thể được đưa ra. Nhưng đây không phải là chỗ tranh cãi về vấn đề như thế. Tôi muốn chỉ đơn giản nhận xét ở đây rằng cuộc tranh cãi về phổ thông đầu phiếu (cũng như về hầu hết các vấn đề chính trị khác) tức là cuộc tranh cãi đang khuấy động, kích thích và lật đổ các quốc gia, sẽ mất đi gần như tất cả tầm quan trọng của nó nếu luật pháp luôn là cái mà nó phải là.

Trên thực tế, nếu luật pháp chỉ là để bảo vệ tất cả mọi người, tất cả các quyền tự do và tất cả tài sản; nếu luật pháp chỉ là sự kết hợp có tổ chức của quyền tự vệ của cá nhân; nếu luật pháp là sự cản trở, ngăn chặn, trừng phạt tất cả những sự áp bức và cướp bóc – thì chúng ta, những người công dân có còn tranh luận nhiều về quy mô của quyền bầu cử nữa không?

Trong hoàn cảnh như thế, chẳng lẽ quy mô của quyền bầu cử sẽ gây nguy hiểm cho lợi ích tối thượng, cho nền hoà bình xã hội hay sao? Chẳng lẽ những giai cấp không có quyền bầu cử sẽ không chịu chờ đợi trong hoà bình quyền được bầu cử của mình hay sao? Chẳng lẽ những người có quyền bỏ phiếu sẽ bảo vệ đặc quyền của họ một cách quyết liệt hay sao?

Nếu luật pháp chỉ làm những chức năng phù hợp của nó thì mọi người sẽ quan tâm tới luật pháp như nhau. Chẳng lẽ không phải rõ ràng là, trong những hoàn cảnh như thế, những người đã bỏ phiếu có thể gây phiền hà cho những người không bỏ phiếu ư?

Tư tưởng cực kì sai lầm của cướp bóc hợp pháp

Nhưng mặt khác, xin hãy tưởng tượng là nguyên tắc cực kì sai lầm sau đây đã được áp dụng: Lấy cố là tổ chức, chinh đốn, bảo vệ hoặc khuyến khích, luật pháp lấy tài sản của người này và đem cho người khác; luật pháp lấy của cải của tất cả mọi người và đem cho một số ít người – nông dân, các nhà sản xuất, các chủ tàu, các nghệ sĩ, hay diễn viên thì cũng thế. Trong những hoàn cảnh như thế, chắc chắn là giai cấp nào cũng sẽ muốn nắm được luật pháp và làm thế là hợp lí.

Những giai cấp bị loại ra sẽ đòi quyền bầu cử với thái độ giận dữ – và sẽ lật đổ xã hội nếu không nhận được quyền đó. Lúc đó, ngay cả những người ăn mày và những kẻ lang thang cũng sẽ chứng minh cho bạn biết rằng họ cũng có quyền bầu cử mà không ai có thể phủ nhận được. Họ sẽ nói với bạn:

“Chúng tôi không thể mua rượu, thuốc lá hay muối mà không phải đóng thuế. Và luật pháp lại cho phép lấy một phần

thuế mà chúng tôi đóng để cấp cho những người giàu có hơn chúng tôi – dưới dạng đặc quyền đặc lợi hay trợ cấp. Còn một số người khác thì sử dụng luật pháp nhằm nâng giá bánh mì, thịt, sắt hoặc vải vóc. Như vậy, vì tất cả những người khác đều sử dụng luật pháp vì lợi ích riêng của mình, cho nên chúng tôi cũng muốn sử dụng luật pháp vì lợi ích của chúng tôi. Chúng tôi yêu cầu luật pháp *quyền được cứu trợ*, nghĩa là cướp bóc vì người nghèo. Muốn có được quyền này, chúng tôi cũng phải trở thành cử tri và trở thành các nhà lập pháp để có thể tổ chức Hội Ăn Mà rộng khắp cho giai cấp của chúng tôi, như các vị đã tổ chức Hội Bảo Vệ rộng khắp cho giai cấp của quý vị. Xin đừng nói với chúng tôi, những kẻ ăn mà, rằng các vị sẽ hành động vì chúng tôi rồi sau đó làm như ông Mimerel đề xuất – cho chúng tôi 600.000 franc để chúng tôi không quậy phá nữa – có khác gì ném cho chúng tôi cục xương. Chúng tôi có những yêu sách khác. Dù sao mặc lòng, chúng tôi mong muốn tự mình thương lượng cũng như các giai cấp khác tự thương lượng cho họ vậy!”

Trả lời sao đây!

Luật pháp bị bóp méo gây ra xung đột

Khi người ta còn thừa nhận rằng có thể lái luật pháp ra khỏi mục đích thực sự của nó – nghĩa là có thể vi phạm chứ không bảo vệ quyền sở hữu – thì lúc đó tất cả mọi người đều sẽ muốn tham gia vào việc ban hành luật pháp, để bảo vệ mình khỏi nạn cướp bóc hoặc sử dụng luật để cướp bóc. Những câu hỏi mang tính chính trị bao giờ cũng có thể gây tổn hại lại giữ thế thượng phong và bao trùm lên tất cả. Sẽ có đấu tranh ở trước cửa Lâu đài Lập pháp, và cuộc đấu tranh ở bên trong cũng sẽ không

kém phần quyết liệt. Chẳng cần phải nghiên cứu những sự kiện được tiết lộ trong cơ quan lập pháp của Pháp và Anh mới biết được chuyện này; chỉ cần hiểu được vấn đề là đã biết câu trả lời rồi.

Có cần phải đưa ra bằng chứng chứng minh rằng sự xuyên tạc một cách trắng trợn luật pháp như thế là nguồn gốc không bao giờ dứt của thù hận và bất hoà; và có thể đưa xã hội đến chỗ diệt vong? Nếu cần bằng chứng như thế thì hãy nhìn vào Hoa Kỳ [năm 1850]. Không có nước nào trên thế giới mà luật pháp lại được giữ trong lĩnh vực thích hợp đến như thế: bảo vệ quyền tự do và tài sản của mỗi người. Kết quả là dường như không có nước nào trên thế giới mà trật tự xã hội dựa vào lại được xây dựng trên nền tảng vững chắc đến như thế. Nhưng ngay cả ở Hoa Kỳ vẫn có hai vấn đề – chỉ có hai thôi – luôn đe dọa hoà bình trong xã hội.

Chế độ nô lệ và thuế quan là cướp bóc

Hai vấn đề này là gì? Đây là chế độ nô lệ và thuế quan. Đây là hai vấn đề duy nhất mà luật pháp – trái với tinh thần chung của nước cộng hoà Hoa Kỳ – đóng vai trò của một kẻ cướp bóc.

Chế độ nô lệ là vi phạm – được pháp luật cho phép – quyền tự do. Thuế quan mang tính bảo hộ là vi phạm – được pháp luật cho phép – quyền sở hữu tài sản.

Sự kiện đáng chú ý nhất là *tội phạm kép hợp pháp* này – di sản đáng buồn từ Cựu Thế giới – là vấn đề duy nhất có thể – và có lẽ sẽ – dẫn Liên minh đến sụp đổ. Thật không thể tưởng tượng nổi ngay tại trung tâm của một xã hội lại có sự kiện đáng kinh ngạc hơn sự kiện này: *Luật pháp trở thành công cụ của bất*

công. Và nếu sự kiện này tạo ra những hậu quả khủng khiếp cho Hoa Kỳ – nơi mà mục đích phù hợp của luật pháp chỉ bị bóp méo trong các trường hợp cụ thể là chế độ nô lệ và thuế quan – thì hậu quả đối với châu Âu, nơi bóp méo luật pháp đã trở thành nguyên tắc, trở thành hệ thống, sẽ như thế nào?

Hai hình thức cướp bóc

De Montalembert [chính khách và nhà văn] sử dụng tư tưởng trong lời tuyên bố nổi tiếng của Carlier, đã nói: “Chúng ta phải chiến đấu chống lại chủ nghĩa xã hội”. Ông ta hiểu chủ nghĩa xã hội theo định nghĩa do Charles Dupin đưa ra, nghĩa là: “Chúng ta phải chiến đấu chống lại nạn cướp bóc”.

Ông ta nói về nạn cướp bóc nào? Vì ở đây có hai hình thức cướp bóc; hợp pháp và bất hợp pháp.

Tôi không nghĩ rằng có thể gọi cướp bóc bất hợp pháp, như ăn cắp hay lừa bịp – tức là những hiện tượng bị luật hình sự định nghĩa, xem xét và trừng phạt – là chủ nghĩa xã hội được. Đây không phải là hình thức cướp bóc có thể đe dọa một cách có hệ thống những nền tảng căn bản của xã hội. Dù sao mặc lòng, cuộc chiến chống lại hình thức cướp bóc này không chờ đợi mệnh lệnh của mấy quý ông nói trên. Từ rất lâu trước cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1848 – rất lâu trước khi chủ nghĩa xã hội xuất hiện – nước Pháp đã có cảnh sát, quan tòa, nhà tù và máy chém với mục đích là đấu tranh chống lại nạn cướp bóc bất hợp pháp. Chính luật pháp đang tiến hành cuộc chiến tranh này, ý kiến và mong ước của tôi cũng là nước Pháp phải có thái độ như thế đối với nạn cướp bóc.

Luật pháp bảo vệ nạn cướp bóc

Nhưng luật pháp không phải lúc nào cũng làm điều đó. Đôi khi luật pháp bảo vệ và tham gia cướp bóc. Nghĩa là những người thu được lợi không cảm thấy xấu hổ, bất chấp nguy hiểm và không chần chừ, mà nếu khác đi thì có thể ảnh hưởng tới hành động của họ. Đôi khi luật pháp đưa tất cả bộ máy quan toà, cảnh sát, nhà tù nhằm phục vụ cho bọn cướp bóc và coi nạn nhân – khi anh ta bảo vệ mình – là kẻ tội phạm. Tóm lại, đây là *cướp bóc hợp pháp*, và không nghi ngờ gì rằng de Montalembert nói về hình thức cướp bóc này.

Nạn cướp bóc hợp pháp như thế có thể chỉ là vết nhơ duy nhất trong những biện pháp lập pháp của nhân dân. Nếu đúng như thế thì tốt nhất nên xoá bỏ nó với ít ngôn từ và tố cáo nhất – mặc kệ những lời phản đối om sòm của những nhóm lợi ích.

Làm sao xác định được cướp bóc hợp pháp

Nhưng, làm sao xác định được cướp bóc hợp pháp? Quá đơn giản. Chỉ cần xem luật pháp có lấy những cái thuộc về một số người nào đó và đem cho những người mà chúng không thuộc về. Chỉ cần xem luật pháp có làm lợi cho công dân này mà công dân khác phải trả giá bằng cách làm cái điều mà tự người công dân kia không thể làm mà không phạm tội.

Lúc đó chỉ cần huỷ bỏ đạo luật này ngay lập tức, vì nó không chỉ là cái ác mà nó còn là nguồn gốc màu mỡ cho những cái ác tiếp theo vì nó sinh ra đàn áp. Nếu đạo luật như thế – chỉ là trường hợp riêng lẻ – mà không bị xoá bỏ ngay lập tức, thì nó sẽ lan ra, sẽ nhân lên và sẽ phát triển thành hệ thống.

Người được hưởng lợi từ bộ luật này sẽ tiếp tục phàn nàn

trong khi bảo vệ *những quyền mà anh ta vừa nhận được*. Người đó sẽ tuyên bố rằng nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và khuyến khích ngành nghề của anh ta; thủ tục này làm giàu cho nhà nước vì ngành nghề được bảo vệ có khả năng chi nhiều hơn và trả cho những người công nhân nghèo khó mức lương cao hơn.

Đừng nghe những lời nguy hiểm như thế của những nhóm lợi ích. Chấp nhận những luận cứ như thế là biến cướp bóc thành hệ thống. Trên thực tế, điều đó đã xảy ra rồi. Áo tưởng hiện nay là có thể làm cho mỗi người đều giàu lên trong khi người khác phải trả giá, là biến cướp bóc thành phổ biến mà lại giả vờ như đang tiến hành tổ chức nó.

Cướp bóc hợp pháp có nhiều tên gọi

Có thể cướp bóc hợp pháp bằng rất nhiều cách. Do đó chúng ta có vô số kế hoạch tổ chức việc cướp bóc: thuế quan, chủ nghĩa bảo hộ, tiền trợ cấp, thưởng, thuế lũy tiến, trường công lập, bảo đảm công ăn việc làm, lợi tức được bảo đảm, lương tối thiểu, quyền được nhận cứu trợ, quyền có phương tiện lao động, vay không trả lãi v.v. và v.v. Tất cả những kế hoạch này gộp lại – với mục tiêu chung là cướp bóc hợp pháp – chính là chủ nghĩa xã hội.

Bây giờ, vì theo định nghĩa này thì chủ nghĩa xã hội là một loạt giáo điều, làm sao tấn công được chủ nghĩa xã hội nếu không dùng chiến tranh của các giáo điều? Nếu bạn cho rằng lý thuyết xã hội chủ nghĩa là sai, vô lý và độc ác thì xin hãy bác bỏ nó. Càng sai, càng vô lý, càng độc ác thì càng dễ bác bỏ. Trên hết, nếu bạn muốn trở nên mạnh mẽ, xin hãy bắt đầu bằng cách đào tận gốc tước tận rễ ngay cả những mảnh nhỏ nhất của chủ nghĩa xã hội có thể lọt vào quá trình xây dựng luật pháp

của bạn. Đây không phải là nhiệm vụ nhẹ nhàng.

Chủ nghĩa xã hội là cướp bóc hợp pháp

De Montalembert bị cáo buộc là muốn tấn công chủ nghĩa xã hội bằng lực lượng bạo tàn. Cần phải miễn cho ông lời cáo buộc như thế vì ông đã nói một cách đơn giản: “Cuộc chiến đấu mà chúng ta phải tiến hành chống chủ nghĩa xã hội phải phù hợp với luật pháp, danh dự và công lí”.

Nhưng tại sao De Montalembert không nhận thấy rằng ông đã đưa mình vào vòng tròn ma thuật? Sử dụng luật pháp để chống chủ nghĩa xã hội ư? Nhưng chính chủ nghĩa xã hội lại dựa trên luật pháp. Những người xã hội chủ nghĩa muốn đưa vào thực tiễn cướp bóc *hợp pháp* chứ không phải cướp bóc *bất hợp pháp*. Những người xã hội chủ nghĩa, tương tự tất cả những người ưa thích độc quyền khác, đều muốn biến luật pháp trở thành vũ khí của họ. Một khi luật pháp đã nằm trong tay chủ nghĩa xã hội rồi thì làm sao có thể sử dụng luật pháp để chống lại chủ nghĩa xã hội? Vì khi cướp bóc đã được luật pháp tiếp tay thì nó không còn sợ toà án, không còn sợ cảnh sát và nhà tù nữa. Chẳng những thế, nó còn kêu gọi cảnh sát, toà án, nhà tù giúp sức nữa.

Muốn ngăn chặn điều đó, bạn sẽ ngăn chặn, không cho phái xã hội chủ nghĩa tham gia vào việc lập pháp ư? Bạn sẽ không cho những người xã hội chủ nghĩa bước chân vào Toà nhà Quốc hội ư? Tôi xin nói trước, khi cướp bóc bất hợp pháp còn tiếp tục là công việc chính của lập pháp thì bạn sẽ không thành công. Làm khác đi là phi logic, thậm chí phi lí.

Lựa chọn trước mắt chúng ta

Cần phải giải quyết một lần và vĩnh viễn vấn đề cướp bóc hợp pháp, và trước mắt chúng ta chỉ có 3 cách:

1. Ít người cướp bóc nhiều người.
2. Mọi người cướp bóc lẫn nhau.
3. Không ai cướp bóc ai.

Chúng ta phải lựa chọn giữa cướp bóc có giới hạn, cướp bóc trở thành phổ biến và không còn cướp bóc. Luật pháp chỉ có thể theo một trong ba cách đó.

Cướp bóc có giới hạn: Hệ thống này giữ thế thượng phong khi quyền bầu cử bị hạn chế. Người ta sẽ quay trở lại hệ thống này nhằm ngăn chặn chủ nghĩa xã hội.

Cướp bóc trở thành phổ biến: Từ khi áp dụng phổ thông đầu phiếu, tất cả chúng ta đều bị hệ thống này đe dọa. Đa số được quyền bỏ phiếu đã quyết định ban hành luật pháp trên cùng nguyên tắc cướp bóc hợp pháp đó, tức là sử dụng chính cái nguyên tắc mà những người tiền nhiệm của họ đã áp dụng khi quyền bầu cử còn hạn chế.

Không còn cướp bóc hợp pháp: Đây là nguyên tắc của công lí, hoà bình, trật tự, ổn định, hài hoà và hợp logic. Tôi sẽ tiếp tục tuyên cáo nguyên tắc này, bằng sức lực của hai lá phổi của mình (dù rất yếu!), cho đến tận lúc chết^[24].

Chức năng đúng đắn của luật pháp

Nhưng, với tất cả lòng chân thành, người ta đòi hỏi ở luật pháp nếu không phải là không còn cướp bóc? Có thể sử dụng luật pháp một cách hữu lí – đòi hỏi phải có bạo lực – để làm gì

khác ngoài việc bảo vệ quyền của mỗi người? Tôi cam đoan rằng người nào vượt ra khỏi mục đích này đều sẽ bóp méo luật pháp và hậu quả là hướng quyền lực chống lại quyền. Đây là sự bóp méo phi logic nhất và kinh khủng nhất có thể tưởng tượng được, cần phải thừa nhận rằng giải pháp đúng đắn – trong lĩnh vực quan hệ xã hội – nằm trong mấy từ đơn giản sau đây: *Luật pháp là công lí có tổ chức*.

Vì vậy, cần phải nói: Khi công lí được tổ chức bởi luật pháp – nghĩa là bởi sức mạnh – thì nó loại bỏ ý tưởng sử dụng luật (sức mạnh) để tổ chức bất kì hoạt động nào của con người, dù đấy có là lao động, sản xuất nông nghiệp, thương mại, công nghiệp, giáo dục, nghệ thuật hay tôn giáo thì cũng thế. Dùng luật pháp để tổ chức bất kì hoạt động nào vừa nói tới bên trên chắc chắn sẽ phá hoại tổ chức quan trọng nhất – công lí. Làm sao bạn có thể tưởng tượng được việc sử dụng sức mạnh nhằm chống lại sự tự do của các công dân mà không sử dụng sức mạnh để chống lại công lí, và do đó, chống lại mục đích đúng đắn của nó?

Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

Ở đây tôi gặp sai lầm lớn nhất của thời đại chúng ta. Đây là luật pháp chỉ công bằng là chưa đủ mà còn phải bác ái nữa. Luật pháp bảo đảm cho mỗi công dân quyền tự do sử dụng những khả năng của mình nhằm tự hoàn thiện về mặt sức khoẻ, trí tuệ và đạo đức. Thay vào đó người ta đòi hỏi rằng luật pháp phải trực tiếp mở rộng phúc lợi, giáo dục và đạo đức của toàn thể dân tộc.

Đây là sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội. Xin nhắc lại một lần nữa: Đây là hai cách sử dụng luật pháp trái ngược nhau. Chúng

ta phải chọn một trong hai. Người công dân không thể vừa tự do vừa không tự do.

Lòng bác ái bị ép buộc phá huỷ tự do

De Lamartine có lần đã viết cho tôi như sau: “Học thuyết của ông chỉ là một nửa cương lĩnh của tôi mà thôi. Ông dừng lại ở tự do, tôi đi xa hơn thế: lòng bác ái”. Tôi đã trả lời ông: “Nửa sau của ông giết chết nửa trước”.

Trên thực tế, tôi thấy không thể nào tách *bác ái* ra khỏi *tự nguyện*. Tôi không thể nào hiểu nổi làm sao có thể dùng vũ lực *một cách hợp pháp* mà không tiêu diệt tự do *một cách hợp pháp* và do đó mà không giày xéo công lí *một cách hợp pháp*.

Cướp bóc hợp pháp có hai nguồn gốc. Thứ nhất là lòng tham, tôi đã nói rồi. Thứ hai là lòng nhân ái đặt không đúng chỗ.

Ở đây, tôi nghĩ rằng tôi phải giải thích một cách chính xác tôi dùng từ cướp bóc theo nghĩa nào[25].

Cướp bóc vi phạm quyền sở hữu

Tôi sẽ không sử dụng, như thường thấy, ý nghĩa mù mờ, không xác định, gần đúng hay ẩn dụ. Tôi sử dụng từ này theo nghĩa khoa học – nhằm thể hiện khái niệm trái ngược với khái niệm tài sản (lương, đất đai, tiền bạc hay bất kì thứ gì khác). Khi một phần tài sản bị chuyển từ người sở hữu nó – mà không được người đó đồng ý hay đền bù cho người đó, dù là dùng bạo lực hay lừa đảo – sang cho người không sở hữu nó, thì tôi nói rằng sở hữu đã bị vi phạm, rằng hành động cướp bóc đã được thực hiện.

Tôi nói rằng đây chính là hành động mà luật pháp được cho là phải đàn áp, bất kì ở đâu và bất kì khi nào. Khi luật pháp tự thực hiện những hành động mà người ta nghĩ là nó phải đàn áp thì tôi nói rằng cướp bóc vẫn đang được thực hiện, và tôi xin nói thêm rằng từ quan điểm của xã hội và thịnh vượng thì sự tấn công chống lại các quyền như thế thậm chí còn tệ hơn. Nhưng trong trường hợp cướp bóc hợp pháp, người được lợi không phải chịu trách nhiệm vì đã cướp bóc. Luật pháp, những người làm ra luật và xã hội phải chịu trách nhiệm về hành động cướp bóc hợp pháp này. Nguy cơ chính trị nằm ở chỗ này.

Đáng tiếc là từ *cướp bóc* làm người ta khó chịu. Tôi đã cố gắng tìm từ không làm người ta khó chịu, nhưng vô ích, vì không bao giờ tôi muốn – nhất là vào lúc này – đưa từ ngữ có thể làm người ta khó chịu vào cuộc thảo luận của chúng ta. Vì vậy, dù độc giả tin hay không thì tôi vẫn tuyên bố rằng tôi không muốn tấn công dự định hay đạo đức của bất kì ai. Ngược lại, tôi tấn công ý *tưởng* mà tôi cho là sai lầm; tấn công cái *hệ thống* mà tôi cho là bất công; tấn công sự bất công hoàn toàn không phụ thuộc vào dự định của cá nhân, sự bất công mà mỗi người chúng ta đều được lợi tuy không muốn làm như thế và bị đau khổ vì nó mà không biết lí do của sự đau khổ.

Ba hệ thống cướp bóc

Ở đây không bàn tới lòng chân thành của những người biện hộ cho chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Người cầm bút nào làm như thế cũng đều chắc chắn là bị ảnh hưởng bởi ý thức hay nỗi sợ hãi về mặt chính trị. Nhưng phải chỉ ra rằng chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nói chung vẫn chỉ là một cái cây ở ba giai đoạn

khác nhau mà thôi. Chỉ có thể nói rằng trong chủ nghĩa cộng sản cưỡng bức hợp pháp được thể hiện một cách rõ ràng hơn vì đây là cưỡng bức toàn diện, còn trong chủ nghĩa bảo hộ thì không rõ ràng bằng vì đây là cưỡng bức nhắm vào một số nhóm và một số ngành cụ thể[26]. Như vậy, trong ba hệ thống thì chủ nghĩa xã hội là hệ thống mơ hồ nhất, lưỡng lự nhất, nghĩa là giai đoạn phát triển chân thực nhất.

Nhưng chúng ta không bàn về dự định của con người, dù chân thành hay không chân thành. Trên thực tế, tôi đã nói rằng cưỡng bức hợp pháp một phần là do lòng bác ái, dù đây là lòng bác ái sai lầm.

Sau khi đã giải thích như thế rồi, xin xem xét giá trị – nguồn gốc và xu hướng – của khát vọng được nhiều người ngưỡng mộ, tức là tìm cách giải quyết vấn đề phúc lợi của toàn dân bằng cách cưỡng bức tất cả mọi người.

Luật pháp là bạo lực

Vì luật pháp tổ chức công lí, cho nên những người xã hội chủ nghĩa mới hỏi tại sao không để luật pháp tổ chức lao động, giáo dục và tôn giáo.

Tại sao không sử dụng luật pháp cho tất cả những mục đích đó? Vì nó không thể tổ chức lao động, giáo dục và tôn giáo mà không phá huỷ công lí. Chúng ta phải nhớ rằng luật pháp là bạo lực và vì thế không thể khuếch trương một cách hợp pháp chức năng đúng đắn của luật pháp vượt ra ngoài chức năng đúng đắn của bạo lực.

Khi luật pháp và bạo lực giữ con người trong khuôn khổ của công lí thì nó chỉ buộc anh ta không được làm một việc mà thôi.

Luật pháp chỉ buộc anh ta không được làm hại người khác. Luật pháp không xâm phạm cá nhân anh ta, không xâm phạm quyền tự do của anh ta, cũng không xâm phạm tài sản của anh ta. Luật pháp bảo vệ tất cả những thứ đó. Luật pháp mang tính phòng vệ, luật pháp bảo vệ một cách như nhau quyền của tất cả mọi người.

Luật pháp là khái niệm mang tính phủ định

Sứ mệnh mà luật pháp và tự vệ hợp pháp thực hiện hiển nhiên là vô hại, lợi ích là rõ ràng, và tính chính danh là không thể tranh cãi được.

Một người bạn có lần đã nói với tôi rằng khái niệm phủ định của luật pháp đúng đến mức lời tuyên bố nói rằng *mục đích của luật pháp là làm cho công lí ngự trị* không phải là tuyên bố hoàn toàn chính xác. *Cần phải nói rằng mục đích của luật pháp là ngăn chặn, không để bất công ngự trị.* Trên thực tế, bất công chứ không phải công lí vẫn tồn tại trong xã hội. Chỉ có công lí khi không còn bất công.

Nhưng khi luật pháp – với sự trợ giúp của người đồng hành thường xuyên của nó là bạo lực – áp đặt lên dân chúng quy định về lao động, phương pháp hay là môn học, đức tin tôn giáo hay tín ngưỡng – lúc đó luật pháp không còn là phủ định nữa. Lúc đó luật pháp hành động như lực lượng khẳng định đối với người dân. Luật pháp dùng ý chí của nhà lập pháp thay thế cho ý chí của mình, dùng sáng kiến của nhà lập pháp thay thế cho sáng kiến của mình. Khi điều đó diễn ra thì người dân không cần phải thảo luận, không cần so sánh, không cần lập kế hoạch nữa, luật pháp sẽ làm tất cả chuyện đó thay cho họ. Đối với người dân, tri thức trở thành vô ích; họ không còn là con

người nữa, họ đánh mất cá tính, đánh mất quyền tự do, đánh mất tài sản.

Xin thử tưởng tượng dùng vũ lực để quy định về lao động mà không vi phạm quyền tự do, hay dùng vũ lực để dịch chuyển tài sản mà không vi phạm quyền sở hữu. Nếu không thể dung hoà những mâu thuẫn này thì ta buộc phải kết luận rằng luật pháp không thể tổ chức được lao động và ngành nghề mà không tìm cách tổ chức công lí.

Tiếp cận về mặt chính trị

Khi chính khách nhìn xã hội từ văn phòng xa cách của mình, ông ta cảm thấy bị sốc vì cảnh bất bình đẳng mà ông ta nhìn thấy, ông ta cảm thấy đau xót vì thấy cảnh thiếu thốn mà nhiều đồng bào của chúng ta phải chịu đựng, những thiếu thốn mà dường như còn đáng đau xót hơn trước cảnh xa hoa và giàu có của một số người khác.

Có lẽ chính khách đó nên tự hỏi xem tình trạng đó là do những vụ chinh phục và cướp bóc từ thời xưa hay do những vụ cướp bóc mới diễn ra trong thời gian gần đây. Có lẽ chính khách đó nên xem xét ý kiến sau đây: Vì mọi người đều tìm kiếm thịnh vượng và hoàn thiện cho nên công lí có phải là điều kiện đủ nhằm khuyến khích những cố gắng cao nhất để thúc đẩy tiến bộ và sự bình đẳng cao nhất có thể tương thích với trách nhiệm cá nhân? Điều này có phù hợp hay không với khái niệm về trách nhiệm cá nhân mà Chúa đã ban cho nhân loại để người ta có thể lựa chọn giữa xấu xa và đức hạnh, tức là lựa chọn dẫn đến thưởng và phạt.

Nhưng chính khách không bao giờ nghĩ về chuyện đó. Ông ta

chỉ nghĩ tới tổ chức, phối hợp và thoả thuận – hợp pháp hay hình như là hợp pháp. Những cố gắng của ông ta nhằm cải thiện cái xấu lại làm gia tăng và kéo dài mãi chính những sự kiện và hiện tượng tạo ra cái xấu; cướp bóc hợp pháp. Chúng ta đã thấy rằng công lí là khái niệm mang tính phủ định. Có hành động nào trong số những hành động mang tính khẳng định mà không chứa đựng nguyên tắc cướp bóc hay không?

Luật pháp và từ thiện

Bạn nói: “Có những người không có tiền” và bạn quay sang sử dụng luật pháp. Nhưng luật pháp không phải là bầu vú tự sinh ra sữa. Luật pháp cũng không có ống dẫn sữa từ nguồn nằm bên ngoài xã hội. Ngân khố chỉ có thể nhận được cái gì có lợi cho một người hay một giai cấp khi trước đó những người khác hay những giai cấp khác đã *bị buộc* phải đưa cái đó vào ngân sách. Nếu mỗi người đều nhận được từ ngân khố đúng số lượng mà người đó đã đưa vào thì đúng là nó không cướp bóc ai cả. Nhưng như thế thì nó chẳng làm được gì cho những người không có tiền. Nó cũng không khuyến khích bình đẳng về thu nhập. Luật pháp chỉ trở thành công cụ của sự cào bằng khi nó lấy của một số người và đem cho một số người khác. Khi luật pháp làm như thế, nó đã trở thành công cụ của cướp bóc.

Sau khi biết như thế, xin xem xét thuế quan bảo hộ, tiền trợ cấp, lợi nhuận được bảo đảm, công ăn việc làm được bảo đảm, chương trình phúc lợi dành cho người nghèo, trường công lập, thuế lũy tiến, tín dụng không phải trả lãi và công việc xã hội. Bạn sẽ thấy rằng tất cả những biện pháp này đều dựa trên cướp bóc hợp pháp, dựa trên bất công có tổ chức.

Luật pháp và giáo dục

Bạn nói: “Có những người chưa được học hành đến nơi đến chốn” và bạn quay sang sử dụng luật pháp. Nhưng luật pháp tự nó không phải là ngọn đèn kiến thức có thể rọi ánh sáng ra bên ngoài nó. Luật pháp bao trùm lên toàn bộ xã hội, trong đó, một số người có kiến thức còn một số thì không; một số người cần học còn một số người thì có thể dạy. Về vấn đề giáo dục, luật pháp chỉ có hai lựa chọn: Luật pháp có thể cho phép công việc dạy và học hoạt động một cách tự do và không sử dụng bạo lực, hay có thể làm trái với ý chí của con người, bằng cách lấy của một số người số tiền đủ để trả cho những giáo viên do nhà nước bổ nhiệm mà người học không phải trả tiền. Nhưng trong trường hợp thứ hai, luật pháp đã tiến hành cướp bóc hợp pháp bằng việc vi phạm quyền tự do và tài sản.

Luật pháp và đạo đức

Bạn nói: “Có những người thiếu đạo đức và đức tin tôn giáo” và bạn quay sang sử dụng luật pháp. Nhưng luật pháp là bạo lực. Nhưng có cần nói rằng sử dụng bạo lực trong những vấn đề như đạo đức và tôn giáo là vô ích và khắc nghiệt hay không?

Dường như những người xã hội chủ nghĩa, dù có tự mãn đến đâu, cũng không thể không thấy rằng các hệ thống và những cố gắng như thế sẽ dẫn tới kết quả là một vụ cướp bóc hợp pháp kinh khủng tới mức nào. Nhưng những người xã hội chủ nghĩa đang làm gì? Họ khéo léo che đậy vụ cướp bóc hợp pháp này khỏi những vụ khác – và thậm chí là che giấu khỏi chính mình – dưới những tên gọi đầy sức cảm dỗ như lòng bác ái, tinh thần đoàn kết, tổ chức và đoàn thể. Vì chúng ta đòi hỏi luật pháp

phải làm rất ít – chỉ thực hiện công lí mà thôi – cho nên những người xã hội chủ nghĩa liền kết luận rằng chúng ta bác bỏ lòng bác ái, tinh thần đoàn kết, tổ chức và đoàn thể. Những người xã hội chủ nghĩa gán cho chúng ta cái mác là *những người theo chủ nghĩa cá nhân*.

Nhưng chúng ta cam đoan với những người xã hội chủ nghĩa là chúng ta chỉ phản đối tổ chức bị *áp đặt* chứ không phản đối tổ chức tự nhiên. Chúng ta bác bỏ những hình thức đoàn thể mà người ta *áp đặt* lên chúng ta chứ chúng ta không bác bỏ những đoàn thể tự do. Chúng ta bác bỏ lòng bác ái do người ta *ép buộc* chứ không bác bỏ lòng bác ái chân chính. Chúng ta bác bỏ tinh thần đoàn kết *giả tạo*, tức là tinh thần đoàn kết làm cho con người không còn trách nhiệm cá nhân. Chúng ta không bác bỏ tinh thần đoàn kết tự nhiên của nhân loại dưới sự dẫn dắt của Chúa.

Sự lẫn lộn các thuật ngữ

Chủ nghĩa xã hội, tương tự các ý tưởng cổ đại vốn là cội nguồn của nó, đã lẫn lộn giữa khái niệm “chính phủ” và “xã hội”. Kết quả là, mỗi khi chúng ta phản đối những việc mà chính phủ làm thì những người xã hội chủ nghĩa liền kết luận rằng chúng ta phản đối những việc như thế.

Chúng ta phản đối giáo dục công lập. Nhưng những người xã hội chủ nghĩa nói rằng chúng ta phản đối mọi nền giáo dục. Chúng ta phản đối tôn giáo quốc doanh. Nhưng những người xã hội chủ nghĩa nói rằng chúng ta không muốn có bất kì tôn giáo nào. Chúng ta phản đối sự bình đẳng do nhà nước áp đặt. Nhưng những người xã hội chủ nghĩa nói rằng chúng ta phản đối bình đẳng. Vân vân và vân vân. Chẳng khác gì kết tội là

chúng ta không muốn dân chúng ăn vì chúng ta không muốn nhà nước trồng lúa.

Ảnh hưởng của những người cầm bút xã hội chủ nghĩa

Làm sao mà các chính khách lại tin vào cái ý tưởng nhằm nhí là có thể ban hành những đạo luật để làm ra cái mà luật pháp không có – của cải, khoa học, tôn giáo mà theo ý nghĩa tích cực là tạo ra thịnh vượng? Đấy có phải là do ảnh hưởng của những người cầm bút viết về các vấn đề xã hội hay không?

Những người cầm bút hiện nay – đặc biệt là những người theo trường phái tư tưởng xã hội chủ nghĩa – xây dựng lí thuyết của mình trên giả thuyết chung: Họ chia nhân loại thành hai phần. Nhân dân nói chung – trừ chính những người cầm bút – tạo thành nhóm thứ nhất. Những người cầm bút tạo thành nhóm thứ hai và là nhóm quan trọng nhất. Chắc chắn đây là khái niệm nhằm nhí và tự phụ nhất từ trước tới nay!

Trên thực tế, những người viết về các vấn đề xã hội bắt đầu bằng giả định cho rằng nhân dân không có nhận thức sáng suốt, không có động cơ hành động. Những người cầm bút này cho rằng nhân dân là đám đông trơ ì, là những phần tử thụ động, là những nguyên tử bất động, trong trường hợp tốt nhất thì cũng chỉ là những cái cây bàng quan với ngay cả biện pháp kiếm sống của chính mình. Họ cho rằng nhân dân dễ dàng bị nhào nặn – theo ý chí và bằng bàn tay của một người khác – thành vô vàn hình thức, đối xứng, khéo léo và hoàn hảo khác nhau. Hơn thế nữa, bất cứ người cầm bút nào chuyên viết về các vấn đề quản lí cũng không ngần ngại tự tưởng tượng rằng chính anh ta – trong vai trò của người tổ chức, người khám phá, nhà làm luật hay người thành lập – là cái ý chí và bàn tay

đó, là sức mạnh thúc đẩy mang tâm vũ trụ, là sức mạnh sáng tạo mà sứ mệnh cao cả của nó là nhào nặn những con người rời rạc này thành xã hội.

Những người cầm bút theo trường phái xã hội chủ nghĩa này nhìn nhân dân không khác gì những người làm vườn nhìn mấy cái cây của họ. Hệt như người làm vườn làm cho những cái cây có hình kim tự tháp, hình cái ô, hình khối, hình cái chậu, hình cánh chim và những hình thù khác; những người cầm bút theo trường phái xã hội chủ nghĩa cũng đưa những con người bằng xương bằng thịt vào các nhóm, các chuỗi, các trung tâm, các tiểu trung tâm, các đội sản xuất và những biến thể khác. Và nếu người làm vườn cần rìu, cần liềm, cần cưa và kéo để xử lý cây cối thì người cầm bút theo đường lối xã hội chủ nghĩa cần sức mạnh để xử lý con người, luật pháp chính là cái cung cấp cho hẳn ta sức mạnh đó. Hẳn ta làm ra luật về thuế xuất nhập khẩu, luật thuế khoá, luật trợ cấp và luật về trường học là để thực hiện mục đích đó.

Những người xã hội chủ nghĩa muốn đóng vai trò của Chúa

Những người xã hội chủ nghĩa coi dân chúng là vật liệu thô, dùng để tạo ra những kết hợp xã hội khác nhau. Chắc chắn là nếu một lúc nào đó những người xã hội chủ nghĩa bỗng nghi ngờ về thành công của những kết hợp này thì họ sẽ yêu cầu đưa một phần nhỏ nhân loại ra để họ làm thí nghiệm. Nhiều người biết ý tưởng khá thịnh hành là phải thử tất cả các hệ thống. Một lãnh tụ xã hội chủ nghĩa còn nổi tiếng vì đã đề nghị Hội đồng lập hiến dành cho ông ta một huyện với tất cả những người dân sống ở đó để ông ta tiến hành thí nghiệm.

Nhà sáng chế cũng làm như thế, tức là tạo ra mô hình trước

khi lắp ráp một cái máy hoàn chỉnh; nhà hoá học sử dụng một ít hoá chất, còn người nông dân thì sử dụng một ít hạt giống và đất – để kiểm tra ý tưởng.

Nhưng người làm vườn khác mấy cái cây của ông ta, nhà hoá học khác hoá chất của ông ta cũng như người nông dân khác mấy hạt giống của ông ta một trời một vực! Nói thực ra, người xã hội chủ nghĩa nghĩ rằng hẳn ta cũng khác nhân dân một trời một vực như thế!

Không có gì ngạc nhiên khi những người cầm bút thế kỉ XIX coi xã hội là tác phẩm nhân tạo của một thiên tài lập pháp. Ý tưởng này – thành quả của giáo dục mang tính giai cấp – đã khống chế tất cả các nhà trí thức và những người cầm bút nổi tiếng ở nước ta. Đối với các nhà trí thức và những người cầm bút này, quan hệ giữa người dân và nhà làm luật cũng chẳng khác gì quan hệ giữa cục đất sét và người thợ gốm.

Hơn nữa, ngay cả khi họ đồng ý công nhận rằng tim con người có khả năng hành động – và óc con người có khả năng suy tư – thì họ lại cho rằng quà tặng này của Chúa là món quà cực kì tai hại. Họ nghĩ rằng dưới tác động của hai món quà này, người ta nhất định sẽ đưa mình đến chỗ diệt vong. Họ cho rằng nếu các nhà làm luật để cho dân chúng tự do đi theo xu hướng của mình thì họ sẽ trở thành những kẻ vô đạo chứ không phải là có đạo, sẽ trở thành ngu dốt chứ không phải là những người có kiến thức, trở thành nghèo đói chứ không phải là sản xuất và trao đổi.

Những người xã hội chủ nghĩa coi thường nhân loại

Theo những người cầm bút này, thật may là Trời Đất đã phú

cho một số người – nhà cầm quyền và nhà làm luật – những xu hướng hoàn toàn ngược lại, không chỉ vì họ mà còn vì phần còn lại của thế giới nữa! Trong khi nhân loại hướng về cái xấu thì các nhà làm luật hướng đến cái tốt, trong khi nhân loại hướng đến chỗ tối tăm thì nhà làm luật hướng đến khai sáng, trong khi nhân loại hướng tới truy lạc thì nhà làm luật hướng tới đức hạnh. Từ khi quyết định rằng tình trạng thực tế là như thế, họ liền yêu cầu sử dụng vũ lực để đưa xu hướng của họ thay thế cho xu hướng của nhân loại.

Lật bất kì cuốn sách nào viết về triết học, chính trị hay lịch sử, bạn có thể sẽ thấy ở nước ta ý tưởng này – con của những học thuyết cổ điển, mẹ của chủ nghĩa xã hội – đã ăn sâu bén rễ đến mức nào. Trong tất cả những cuốn sách đó bạn đều có thể tìm thấy ý tưởng cho rằng nhân loại chỉ là vật chất trơ ì; nó có đời sống, có tổ chức, có đạo đức và thịnh vượng là do sức mạnh của nhà nước. Tệ hơn nữa là tuyên bố nói rằng nhân loại có xu hướng thoái hoá và chính nhờ bàn tay thần kì của nhà làm luật mà quá trình tuột dốc đó mới bị ngăn chặn. Tư tưởng cổ điển thường gặp ở khắp nơi nói rằng đằng sau cái xã hội thụ động đó là một quyền lực, gọi là luật pháp hay nhà làm luật (hoặc một thuật ngữ khác, chỉ một người hay những người có ảnh hưởng và uy tín không thể tranh cãi) đang thúc đẩy, đang kiểm soát, đang giúp đỡ và đang cải tạo nhân loại.

Bảo vệ lao động cưỡng bức

Xin xem xét trích dẫn từ Bossuet [thầy của Thái tử trong triều đình Louis XIV]:

Một trong những vấn đề thắm sâu (bởi ai?) vào tâm trí người Ai Cập

là lòng yêu nước... Không người nào được phép trở thành người vô ích đối với nhà nước. Pháp luật quy định mỗi người làm một việc, cha truyền con nối. Không người nào được phép có hai nghề. Không người nào được chuyển từ nghề này sang nghề kia... Nhưng có một nhiệm vụ mà tất cả đều buộc phải thực hiện: nghiên cứu luật pháp và trí tuệ. Coi thường tôn giáo và các quy định chính trị, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều không được tha thứ. Hơn nữa, mỗi nghề lại được giao cho (bởi ai?) một huyện... Trong số các luật tốt, luật tốt nhất là mọi người đều phải được huấn luyện (bởi ai?) để tuân thủ luật pháp. Kết quả là Ai Cập đầy những phát minh tuyệt vời và người ta không bỏ sót bất cứ thứ gì có thể làm cho cuộc đời trở nên dễ dàng và bình lặng.

Như vậy, theo Bossuet, người ta chẳng nhận được gì từ chính mình. Lòng yêu nước, thịnh vượng, phát minh, nghề nông, khoa học – tất cả đều do luật pháp, do nhà cầm quyền làm cho người dân. Tất cả những việc người dân phải làm là cúi đầu trước ban lãnh đạo.

Bảo vệ chính phủ gia trưởng

Bossuet truyền bá tư tưởng cho rằng nhà nước là cội nguồn của tất cả sự tiến bộ, đến mức ông ta bảo vệ người Ai Cập trước lời lên án cho rằng họ đã bỏ môn đấu vật và nhạc. Ông ta nói:

Làm sao lại như thế được? Những môn nghệ thuật này được phát minh bởi Trismegistus [người được cho là Thủ tướng của Diêm vương của người Ai Cập].

Còn về người Ba Tư, Bossuet tuyên bố rằng tất cả là từ trên đưa xuống:

Một trong những trách nhiệm đầu tiên của đức vua là khuyến khích nghề nông... Có những cơ quan được lập ra để quản lí quân đội thì cũng có những cơ quan lãnh đạo việc nhà nông... Người Ba Tư được

dạy phải có lòng tôn trọng vô bờ bến đối với quyền lực của hoàng gia.

Cũng theo Bossuet, người Hi Lạp, mặc dù là những người có trí tuệ siêu đẳng, lại không hề có quan niệm về trách nhiệm cá nhân; tương tự chó ngựa, họ không thể nghĩ ra được ngay cả những trò chơi đơn giản nhất:

Người Hi Lạp, vốn là những người có trí tuệ và dũng cảm, đã được các ông vua và những di dân từ Ai Cập tới dạy văn hoá ngay từ rất sớm. Dân Hi Lạp học các động tác thể dục, học thi chạy, đua ngựa và đua xe từ những người cai trị Ai Cập... Nhưng điều hay nhất mà người Ai Cập đã dạy cho dân Hi Lạp là biết vâng lời và chịu để cho luật pháp uốn nắn để trở thành có ích cho xã hội.

Tư tưởng về nhân loại thụ động

Chắc chắn là những lí thuyết cổ điển này [được phát triển bởi các thầy giáo, các nhà văn, các nhà lập pháp, các nhà kinh tế học và các nhà triết học trong thời đại của chúng ta] khẳng định rằng tất cả mọi thứ đều đến với người dân từ nguồn bên ngoài. Xin dẫn thêm một ví dụ nữa là Fenelon [giám mục, nhà văn và thầy của Công tước xứ Burgundy].

Ông là người đương thời với Louis XIV. Điều này, cùng với sự kiện là ông ta được dạy theo tinh thần của những lí thuyết cổ điển và nệ cổ đương nhiên làm cho Fenelon chấp nhận tư tưởng cho rằng nhân loại phải là thụ động; rằng bất hạnh và thịnh vượng, đói bại và đức hạnh đều là kết quả của những ảnh hưởng ngoại tại, do tác động của luật pháp và những nhà lập pháp. Vì vậy mà trong tác phẩm *Địa đàng ở Salentum* (Utopia of Salentum), ông viết rằng con người – với tất cả những quyền lợi, khả năng, khát vọng và tài sản của mình đều nằm dưới sự

lãnh đạo tuyệt đối của nhà lập pháp. Người ta không thể tự giải quyết bất cứ vấn đề gì, nhà cầm quyền thay mặt họ quyết định mọi thứ. Ông mô tả nhà cầm quyền như là *linh hồn* – là những người tạo ra dân tộc – từ đám quần chúng chẳng có hình thù gì. Tư tưởng, khả năng nhìn xa trông rộng, tiến bộ và nguyên tắc tổ chức, tất cả đều nằm ở nhà cầm quyền. Do đó, ông ta cũng chịu mọi trách nhiệm.

Toàn bộ cuốn sách thứ mười của Fenelon, có nhan đề: *Telemachus*, chứng minh điều đó. Tôi đề xuất với độc giả tác phẩm này, về phần mình tôi cảm thấy hài lòng khi trích dẫn một cách ngẫu nhiên tác phẩm nổi tiếng mà về những khía cạnh khác tôi rất tôn trọng này.

Những người xã hội chủ nghĩa coi thường nguyên nhân và sự kiện

Fenelon, với sự nhẹ dạ làm người ta ngạc nhiên, đã lờ đi giá trị của nguyên nhân và sự kiện khi ông cho rằng người Ai Cập được hạnh phúc là do trí huệ của các vị hoàng đế của họ chứ không phải trí huệ của họ:

Chúng ta không thể rời mắt khỏi bờ sông với những thị trấn giàu có, cũng không thể rời mắt khỏi những điền trang nằm ở các vị trí rất thuận lợi; những cánh đồng không bao giờ bị bỏ hoang, năm nào cũng có mùa vàng bội thu; những cánh đồng cỏ đầy bò ngựa; những người lao động trĩu vai gánh đầy hoa trái mà đất đai hào phóng tặng cho người trồng trọt; những người chăn cừu với tiếng tiêu, tiếng sáo từ xa vọng lại. “Hạnh phúc thay khi người dân được đức vua anh minh cai trị...”, ông thầy nói.

Sau đó ông thầy muốn tôi nhìn thấy sự hài lòng và sung túc tràn ngập đất nước Ai Cập, nơi có tới hơn hai mươi hai ngàn

thành phố. Ông thán phục những quy định của cảnh sát trong các thành phố; thán phục công lí ủng hộ người nghèo chống lại người giàu; thán phục nền giáo dục lành mạnh, dạy trẻ con vâng lời, lao động, điềm tĩnh, yêu nghệ thuật và văn học; thán phục sự chính xác của các nghi lễ tôn giáo; thán phục sự hồn nhiên, trọng danh dự, tôn trọng con người và kính trọng thần linh mà tất cả các ông bố đều dạy cho con của mình. Ông không ngớt thán phục sự thịnh vượng của đất nước này: “Hạnh phúc thay khi người dân được đức vua anh minh cai trị như thế”, ông thầy nói.

Những người xã hội chủ nghĩa muốn tổ chức dân chúng thành các đơn vị

Phong cảnh đảo Crete dưới ngòi bút của Fenelon thậm chí còn hấp dẫn hơn. Ông thầy được cho là đã nói như sau:

Tất cả những điều bạn thấy trên hòn đảo tuyệt vời này đều là kết quả của các đạo luật của Minos. Nền giáo dục mà ông quy định phải dạy cho trẻ em làm cho cơ thể của chúng trở nên mạnh mẽ và tráng kiện. Ngay từ đầu, người ta đã cho trẻ em làm quen với cuộc sống tiết kiệm và lao động, vì người ta cho rằng tất cả những trò giải trí đều làm cho cơ thể và tâm hồn trở nên yếu đuối. Do đó, người ta không cho chúng tham gia vào bất kì trò giải trí nào, ngoài niềm vui được trở thành người bất khả chiến bại vì dũng cảm và giành được vinh quang... Ở đây người ta trừng phạt ba thói xấu mà các dân tộc khác thì không: thói vô ơn, đạo đức giả, và lòng tham. Không cần trừng phạt những người vung tay quá trán và hoang phí vì ở Crete không có những hiện tượng như thế... Không có những món đồ nội thất đắt tiền, không có những bộ quần áo lộng lẫy, không có những bữa tiệc ngon, không có cung điện mạ vàng.

Ông thầy chuẩn bị tư tưởng cho học trò của mình – những

người dân Ithaca – để đưa vào khuôn phép và uốn nắn, chắc chắn là với những ý định tốt nhất. Và muốn thuyết phục các học trò của mình về sự khôn ngoan của những ý tưởng này, ông thầy đọc cho họ nghe ví dụ về Salentum. Đây là triết lí giúp chúng tôi có những ý tưởng chính trị đầu tiên! Người ta dạy chúng tôi đối xử với con người y như là người ta hướng dẫn nông dân cách làm và chăm sóc ruộng vườn vậy.

Con người nổi tiếng và tư tưởng sai lầm

Xin nghe Montesquieu vĩ đại nói về vấn đề này:

Muốn giữ vững được tinh thần kinh doanh thì điều cần thiết là tất cả các điều luật đều phải ủng hộ nó. Các luật này, phân chia tỉ lệ với tài sản tích tụ được trong lĩnh vực thương mại, phải tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo để họ có thể làm việc như những người khác. Những đạo luật này cũng phải làm cho những người giàu lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn nhằm buộc họ phải làm việc để giữ lại hoặc kiếm được tài sản.

Nghĩa là luật phải xử lí tất cả những tài sản lớn!

Mặc dù bình đẳng thực sự là tinh thần của nhà nước dân chủ, nhưng thật khó nói rằng bao giờ cũng nên làm việc này một cách cực kì chính xác. Chỉ cần thiết lập một cái ngưỡng để làm giảm hay ấn định sự cách biệt về tài sản trong một giới hạn nhất định. Sau khi đã làm như thế, cần phải có bộ luật đặc biệt nhằm cào bằng sự bất bình đẳng bằng cách bắt người giàu gánh chịu chi phí và trợ cấp cho người nghèo.

Một lần nữa, chúng ta gặp ở đây ý tưởng dùng luật pháp, dùng sức mạnh để cào bằng tài sản.

Ở Hi Lạp, có hai nước cộng hoà. Một là Sparta, quân sự; một là Athens, thương mại. Ở Sparta, người ta muốn công dân ngồi chơi; còn ở Athens người ta khuyến khích người dân làm việc.

Xin ghi nhận phẩm chất đáng kinh ngạc của những người lập pháp: Hạ thấp tất cả những phong tục sẵn có – pha trộn tất cả các khái niệm về đức hạnh – họ biết trước rằng thế giới sẽ thán phục trí tuệ của họ.

Lycurgus đã giữ được ổn định cho thành phố Sparta bằng cách phối hợp trộn lẫn với công lí; kết hợp sự lệ thuộc toàn diện nhất với tự do cực đoan nhất; kết hợp những niềm tin khát máu nhất với thái độ khiêm nhường vĩ đại nhất. Dường như ông đã tước tất cả các nguồn lực, nghệ thuật, thương mại, tiền bạc và phòng thủ của thành phố này. Ở Sparta, tham vọng trôi qua mà không có hi vọng được tưởng thưởng về vật chất. Tình cảm tự nhiên không có lối thoát vì người đàn ông không phải là con, cũng chẳng phải là chồng hay cha. Ngay cả sự trong trắng cũng không còn là ước mơ nữa. Bằng cách đó, Lycurgus đã đưa Sparta tới sự vĩ đại và vinh quang.

Lòng dũng cảm thể hiện trong các thiết chế của Hi Lạp đã được lặp đi lặp lại trong tình trạng suy đồi và tham nhũng của thời đại của chúng ta. Một nhà lập pháp trung thực vô tình đã rèn đúc một dân tộc, trong đó tính chính trực dường như cũng tự nhiên như lòng can đảm của người Sparta.

Ví dụ, ông William Penn, là một Lycurgus chân chính. Mặc dù Penn coi hoà bình là đối tượng của mình – trong khi Lycurgus coi chiến tranh là đối tượng, họ giống nhau ở chỗ uy tín đạo đức của họ cao hơn những người theo phái tự do, tạo điều kiện cho họ vượt qua những định kiến, để chinh phục những đam mê và dẫn dắt nhân dân nước mình vào những con đường mới.

Nước Paraguay cho chúng ta một ví dụ khác [về một dân tộc được rèn đúc bởi các nhà lập pháp của họ vì lợi ích của chính họ[27]].

Bây giờ nếu một người coi chỉ huy là niềm vui lớn nhất trong cuộc đời, thì hẳn ta đang suy ngẫm về tội ác chống lại xã hội; nhưng quản lí người dân để làm cho họ hạnh phúc hơn bao giờ cũng là lí tưởng cao quý.

Những người muốn tạo ra các thiết chế như thế phải làm như sau: Thiết lập quyền sở hữu công cộng các tài sản như trong nước cộng hoà của Plato; tôn kính các vị thần như Plato chỉ dẫn; ngăn chặn người nước ngoài, không để họ lẫn lộn với người trong nước, để bảo

vệ phong tục tập quán; nhà nước, chứ không phải các công dân, thực hiện việc buôn bán. Các nhà lập pháp nên ủng hộ nghệ thuật chứ không nên ủng hộ hàng hoá xa xỉ; thoả mãn các nhu cầu chứ đừng thoả mãn ham muốn.

Một ý tưởng khủng khiếp

Những người mê đắm thiếu suy nghĩ có thể sẽ kêu lên: “Montesquieu đã nói rồi! Thật tuyệt vời! Thật siêu phàm!” Còn tôi, tôi can đảm giữ nguyên ý kiến của mình. Tôi nói: “Cái gì! Có bị điên mới nói thế là tốt? Đây là ý tưởng khủng khiếp! Kinh tởm! Mấy đoạn trích dẫn ngẫu nhiên từ những tác phẩm của Montesquieu cho thấy ông coi con người, quyền tự do, tài sản – chính nhân loại – chỉ là nguyên liệu cho các nhà lập pháp để họ thể hiện trí khôn ngoan của mình mà thôi”.

Lãnh tụ của những người dân chủ

Xin xem xét Rousseau nói về chủ đề đang bàn. Ông là người rất được những nhà dân chủ kính trọng. Và mặc dù ông xây dựng cơ cấu xã hội theo ý chí của *nhân dân*, nhưng ông là người, hơn bất kì người nào khác, hoàn toàn chấp nhận lí thuyết cho rằng trước mặt các nhà lập pháp, nhân dân chỉ là đám người hoàn toàn thụ động:

Nếu đúng ông hoàng tuyệt vời là của hiếm, thì không phải đúng là một nhà lập pháp tuyệt vời thậm chí còn hiếm hơn hay sao? Ông hoàng chỉ làm theo mô hình mà các nhà lập pháp lập ra. Nhà lập pháp là thợ cơ khí, người phát minh ra máy móc; ông hoàng chỉ đơn thuần là thợ máy, khởi động máy móc mà thôi.

Dân chúng có vai trò gì trong tất cả những chuyện này? Họ

chỉ là những cỗ máy được đưa vào hoạt động mà thôi. Trên thực tế, họ không chỉ được coi đơn giản là nguyên vật liệu làm ra cỗ máy hay sao?

Như vậy, mối quan hệ giữa các nhà lập pháp và ông hoàng được coi là tương tự mối quan hệ giữa các chuyên gia nông nghiệp và nông dân; và mối quan hệ giữa ông hoàng và thần dân được coi là tương tự quan hệ giữa người nông dân và mảnh ruộng của mình. Thế thì người viết về những vấn đề công cộng này đứng cao hơn nhân loại đến mức nào? Rousseau cai quản nhà lập pháp và dạy họ nghề nghiệp của chính họ bằng giọng kẻ cả như sau:

Các vị muốn làm cho quốc gia ổn định? Thế thì hãy làm cho những quan điểm cực đoan tiến càng gần nhau càng tốt. Không chấp nhận cả những người giàu có cũng như người ăn xin. Nếu đất bạc màu hoặc cằn cỗi, hoặc diện tích quá chật chội, không đủ chỗ cho cư dân, thì chuyển sang lĩnh vực công nghiệp và nghệ thuật, và bán những sản phẩm này để mua những loại thực phẩm mà các vị cần... Còn nếu đất màu mỡ – mà bạn không có đủ người – thì hãy dành tất cả sự quan tâm cho nông nghiệp, bởi nông nghiệp sẽ làm gia tăng nhân khẩu; loại bỏ nghệ thuật, bởi vì nghệ thuật chỉ làm giảm dân số...

Nếu các vị có đường bờ biển dài và dễ tiếp cận, thì tung ra biển những con tàu buôn; các vị sẽ có một đời sống rục rờ nhưng ngăn ngùi. Nếu bờ biển của các vị chỉ có những vách đá không thể tiếp cận được, thì cứ để cho người dân là những kẻ dã man và ăn cá; họ sẽ sống lạng lẹ hơn – có lẽ tốt hơn – và tuyệt đối chắc chắn là họ sẽ sống hạnh phúc hơn.

Tóm lại và thêm vào những châm ngôn mà tất cả đều biết, mỗi dân tộc đều có những hoàn cảnh đặc biệt của mình. Và tự thân sự kiện này sẽ làm cho pháp luật phù hợp với hoàn cảnh.

Đây là lí do vì sao ở người Do Thái cổ – và gần đây hơn, ở người Ả Rập – tôn giáo lại là vấn đề có tính nguyên tắc. Vấn đề thảo luận của người Athens là văn học; của người Carthage và Tyre là thương mại; của đảo Rhodes là hải quân; của Sparta là chiến tranh; và của Rome là

đức hạnh. Tác giả của cuốn *The Spirit of Laws* (Linh hồn của luật pháp) đã chỉ ra những ngón nghề mà các nhà lập pháp dùng để chỉ đạo những thiết chế của mình nhằm đạt được những mục tiêu đó... Nhưng giả sử rằng nhà lập pháp lầm lẫn mục tiêu và hành động theo nguyên tắc khác với nguyên tắc mà bản chất của sự vật đã chỉ ra? Giả sử rằng những nguyên tắc được lựa chọn đôi khi tạo ra chế độ nô lệ, và đôi khi tạo ra tự do; đôi khi là của cải, đôi khi là người; đôi khi là hoà bình, và đôi khi là chinh phục? Sự nhầm lẫn mục tiêu sẽ dần dần làm cho luật pháp mất dần sức mạnh và làm cho hiến pháp yếu đi. Nhà nước sẽ thường xuyên rơi vào cảnh lúng túng, cho đến khi sụp đổ hoặc thay đổi, và tự nhiên bất khả chiến bại lại giành được đế chế của mình.

Nhưng nếu tự nhiên chắc chắn sẽ *giành lại* được đế chế của mình thì tại sao Rousseau không thừa nhận rằng tự nhiên không cần các nhà lập pháp để *giành được* nó ngay từ đầu? Tại sao ông không thấy rằng, do bản năng của mình mà người ta sẽ canh tác trên những vùng đất đai màu mỡ, và buôn bán trên những bờ biển rộng và dễ tiếp cận, mà không cần sự can thiệp của Lycurgus hay Solon hoặc Rousseau, là *những người có thể dễ dàng bị nhầm lẫn*.

Những người xã hội chủ nghĩa muốn sự tuân thủ bắt buộc

Dù sao mặc lòng, Rousseau giao cho những người sáng tạo, những tổ chức, các giám đốc, các nhà lập pháp, và những người kiểm soát xã hội một trách nhiệm cực kì nặng nề. Vì vậy, ông tỏ ra cực kì nghiêm khắc đối với họ:

Những người trong đám nhân quần cả gan đảm nhận việc sáng tạo trong lĩnh vực chính trị cần phải tin rằng ông ta có thể biến đổi bản chất con người; biến từng cá nhân – người mà tự thân là một tổng thể đơn độc và hoàn hảo – thành một phần của một tổng thể vĩ đại hơn – đấy là cơ sở để cá nhân nhận được cuộc sống và sự tồn tại của mình. Như vậy, những người trong đám nhân quần cả gan đảm nhận việc

sáng tạo trong lĩnh vực chính trị cần phải tin vào khả năng của mình trong việc thay đổi tâm tính của con người; củng cố nó; thay thế sự tồn tại về thể chất và độc lập do thiên nhiên ban cho bằng sự tồn tại mang tính đạo đức và như một phần của cái lớn hơn[28]. Nói tóm lại, người sáng tạo trong lĩnh vực lịch sử của nhân loại phải tước đoạt sức mạnh của chính con người và phú cho anh ta những sức mạnh khác, trái ngược với bản chất của anh ta.

Tội nghiệp cho bản chất của con người! Phẩm giá của con người sẽ ra sao nếu nó được giao phó cho các môn đồ của Rousseau?

Các nhà lập pháp muốn nhào nặn nhân loại

Bây giờ xin xem Raynal bàn về nhân loại được các nhà lập pháp nhào nặn:

Trước hết các nhà lập pháp phải xem xét khí hậu, không khí và đất đai. Những nguồn lực nằm trong tay ông ta quyết định nhiệm vụ của ông ta. Trước hết ông ta phải xem xét khu vực của mình. Những người sống trên bờ biển phải có luật quản lí ngành hàng hải... Nếu đấy là khu dân cư trong nội địa thì nhà lập pháp phải lập kế hoạch phù hợp với loại đất và độ phì nhiêu của đất...

Thiên tài của các nhà lập pháp sẽ thể hiện một cách đặc biệt trong việc phân phối tài sản. Quy tắc chung là khi một khu định cư mới được thành lập ở bất cứ nước nào, mỗi người đàn ông đều phải được chia một khoảnh đất đủ để anh ta nuôi sống gia đình của mình...

Trên một hòn đảo hoang mà bạn đem trẻ em đến ở, bạn không cần phải làm gì, chỉ cần để cho những hạt giống của sự thật nảy mầm cùng với sự phát triển của lí trí... Nhưng khi bạn đưa một dân tộc có truyền thống sang định cư ở một vùng đất mới, kĩ năng của nhà lập pháp nằm trong chính sách không để người dân giữ lại những ý kiến và phong tục có hại, tức là những ý kiến và phong tục có thể được điều trị và sửa chữa. Nếu bạn muốn ngăn chặn những ý kiến và phong tục này, không để chúng trở thành vĩnh viễn, thì bạn sẽ giữ gìn thế hệ thứ

hai bằng hệ thống chung của nền giáo dục công cộng dành cho trẻ em. Một ông hoàng hay một nhà lập pháp không bao giờ thiết lập được một khu định cư nếu không làm việc đầu tiên là đưa những người khôn ngoan đi cùng để hướng dẫn thanh niên...

Trong khu định cư mới, nhà lập pháp chu đáo, mong muốn làm trong sạch tập quán và cách ứng xử của người dân sẽ có nhiều cơ hội. Nếu ông ta là người đức hạnh và tài năng, thì vùng đất và người dân nằm trong tay ông ta sẽ truyền cảm hứng cho tâm hồn của ông ta với kế hoạch có ích cho xã hội. Người cầm bút chỉ có thể lập ra một kế hoạch mơ hồ vì chắc chắn nó có liên quan với tính không kiên định của tất cả các giả thuyết; vấn đề này có nhiều hình thức, nhiều phức tạp và tình huống rất khó dự đoán và giải quyết một cách chi tiết.

Các nhà lập pháp được dạy cách quản lí con người

Raynal hướng dẫn các nhà lập pháp biện pháp quản lí con người cũng chẳng khác gì vị giáo sư nông nghiệp giảng cho học sinh của mình: “Đối với người nông dân, khí hậu là nguyên tắc đứng đầu. Nguồn lực quyết định hoạt động. Trước hết phải xem xét khu vực của mình. Nếu là đất sét thì phải làm thế này, thế này. Nếu là đất cát thì phải làm khác. Người nông dân muốn có đủ mọi cơ hội, nếu anh ta muốn phát quang và cải tạo mảnh đất của mình. Nếu là người khéo léo, anh ta sẽ lập kế hoạch có tính đến số phân bón mà anh ta có *trong tay*. Ông giáo sư có thể đề ra một kế hoạch mơ hồ vì chắc chắn nó có liên quan với tính không kiên định của tất cả các giả thuyết; vấn đề này có nhiều hình thức, nhiều phức tạp và tình huống rất khó dự đoán và giải quyết một cách chi tiết”.

Ôi, những người cầm bút, những con người cao quý! Hãy nhớ rằng đôi khi đất sét, cát, và phân bón mà quý vị nắm trong tay một cách tùy tiện lại chính là những con người! Chúng là những con người như quý vị! Chúng cũng là những con người

thông minh và tự do chẳng khác gì quý vị! Cũng như quý vị, chúng cũng được Chúa ban cho năng lực để quan sát, để lập kế hoạch, suy nghĩ và tự đánh giá!

Chế độ độc tài lâm thời

Đây là trích đoạn Mably bàn về chủ đề luật pháp và các nhà lập pháp. Trong những đoạn trước phần trích dẫn này, Mably cho rằng luật pháp, do coi thường an ninh, đã lỗi thời, ông ta nói với độc giả như sau:

Trong những hoàn cảnh như thế, rõ ràng là các lò xo của chính phủ đã bị chùng rỗi. Làm cho chúng căng lên thì cái ác sẽ không còn... Nghĩ về sai lầm của trừng phạt ít thôi, nên nghĩ nhiều hơn nữa về tưởng thưởng, đấy là cái bạn cần. Làm như thế, bạn sẽ khôi phục được cho nước cộng hoà của mình sức sống của tuổi thanh niên. Bởi vì những con người tự do đã bỏ qua thủ tục này, cho nên họ đã đánh mất quyền tự do của mình! Nhưng nếu cái ác đã phát triển đến mức mà những biện pháp thông thường của chính phủ không thể giải quyết được thì cần phải sử dụng toà án đặc biệt, với những quyền lực mạnh, trong một thời gian ngắn. Cần phải giáng một đòn mạnh vào trí tưởng tượng của công dân.

Do ảnh hưởng của những luận thuyết tương tự như thế – xuất phát từ nền giáo dục cổ điển – đã có giai đoạn, người nào cũng muốn cưỡi lên đầu lên cổ nhân loại, để sắp xếp, tổ chức và quản lí nhân loại theo cách của mình.

Những người xã hội chủ nghĩa muốn bình đẳng về của cải

Xin xem Condillac bàn về nhà lập pháp và nhân loại:

Lạy Chúa tôi, xin hãy có đức tính của Lycurgus hay của Solon. Và trước khi bạn đọc xong bài viết này, hãy tưởng tượng đến việc đưa luật pháp cho những người man di mọi rợ ở Mĩ hay ở châu Phi. Đưa những người du mục này đến nơi định cư, dạy cho họ cách nuôi gia súc... Tìm cách phát triển ý thức xã hội mà thiên nhiên đã gieo vào lòng họ... Buộc họ bắt đầu thực hành những bổn phận của nhân loại... Sử dụng hình phạt để trừng phạt các thú vui nhục dục thì họ không còn thích những thú đó nữa. Khi đó, bạn sẽ thấy rằng tất cả các điều luật của bạn đều làm cho những người man di mọi rợ này từ bỏ thói xấu và học được đức hạnh.

Tất cả các dân tộc đều có luật pháp. Nhưng rất ít dân tộc được hạnh phúc. Vì sao? Bởi chính các nhà lập pháp hầu như không biết gì về mục đích của xã hội, đó là liên kết các gia đình bằng quyền lợi chung.

Tính không thiên vị của luật pháp gồm hai khía cạnh: thiết lập sự bình đẳng về của cải và bình đẳng về nhân phẩm giữa các công dân... Vì luật pháp thiết lập quyền bình đẳng hơn, cho nên pháp luật cũng trở nên quý giá hơn cho mọi công dân... Khi tất cả mọi người đều bình đẳng về của cải và phẩm giá – và khi luật pháp không để cho người ta hi vọng vi phạm quyền bình đẳng này – thì làm sao người ta còn tham lam, tham vọng, hoang phí, lừa dối, ghen tị, thù hận, hay ghen tuông được nữa?

Những điều bạn đã học được về nước cộng hoà Sparta phải khai minh cho bạn về vấn đề này. Chưa có nhà nước nào từng có luật pháp phù hợp với trật tự của thiên nhiên, và bình đẳng như thế.

Sai lầm của những người cầm bút xã hội chủ nghĩa

Trên thực tế, *không* có gì là lạ khi trong thế kỉ XVII và XVIII loài người được coi là loại vật liệu trì trệ, sẵn sàng chấp nhận tất cả mọi thứ – hình thức, khuôn mặt, năng lượng, phong trào, cuộc sống – từ một ông hoàng vĩ đại hay một nhà lập pháp tuyệt vời hoặc một thiên tài vĩ đại. Những thế kỉ này đã được nuôi dưỡng bằng việc nghiên cứu thời cổ đại. Và thời cổ đại có mặt khắp nơi – ở Ai Cập, ở Ba Tư, ở Hi Lạp, ở Rome – khắp nơi đều có cảnh tượng mấy người nhào nặn nhân loại –

bằng vũ lực và lừa dối – theo những ý tưởng bất chợt của họ. Nhưng điều đó không chứng tỏ rằng đây là tình trạng đáng mong muốn. Nó chỉ chứng tỏ rằng vì con người và xã hội có khả năng cải thiện; tự nhiên là trong những giai đoạn đầu của lịch sử, sai lầm, ngu dốt, chế độ chuyên quyền, chế độ nô lệ, và mê tín dị đoan là lớn hơn cả. Những người cầm bút được trích dẫn bên trên không sai khi họ thấy các thiết chế cổ đại là như thế, nhưng họ sai khi đề nghị những thế hệ tương lai ngưỡng mộ và bắt chước các thiết chế đó. Là những người tuân thủ theo lối trẻ con và không có tinh thần phê phán, họ coi sự vĩ đại, nhân phẩm, đạo đức, và hạnh phúc của xã hội nhân tạo của thế giới cổ đại như là thực tế có sẵn vậy. Họ không hiểu rằng, kiến thức xuất hiện và phát triển cùng với thời gian, và cùng với sự phát triển, *tri thức* có thể đứng về phía *lẽ phải* và xã hội giành lại được quyền sở hữu chính mình.

Tự do là gì?

Trên thực tế, cuộc đấu tranh chính trị mà chúng ta đang chứng kiến là gì? Đó là cuộc đấu tranh, mang tính bản năng, vì tự do của tất cả mọi người. Vậy quyền tự do – ngay cái tên của nó đã làm cho tim đập nhanh hơn và làm rung chuyển cả thế giới – là gì? Đây không phải là sự kết hợp của tất cả các quyền tự do – tự do lương tâm, tự do học tập, tự do lập hội, tự do báo chí, tự do du lịch, tự do lao động, tự do thương mại hay sao? Nói tóm lại, đây không phải là quyền tự do – tức là mỗi người được quyền sử dụng tất cả năng lực của mình, miễn là không gây hại cho người khác trong khi làm như thế hay sao? Đây không phải là quyền tự do phá huỷ tất cả các chế độ chuyên quyền – kể cả chế độ chuyên quyền đã được hợp pháp hoá hay

sao? Cuối cùng, đó không phải là quyền tự do buộc pháp luật chỉ hoạt động trong lĩnh vực hợp lí là tổ chức quyền của các cá nhân đối với việc tự vệ hợp pháp, lĩnh vực trừng phạt bất công hay sao? Phải thừa nhận rằng sức hút của loài người về phía tự do thường gặp nhiều trở ngại, đặc biệt là ở Pháp. Đấy phần lớn là do ước muốn tai hại – học được từ các lời dạy có từ thời cổ đại – mà những người viết về các vấn đề xã hội của chúng ta thường mắc: Họ mong muốn đứng lên đầu lên cổ nhân dân để sắp xếp, tổ chức và kiểm soát nhân loại theo ý mình.

Sự bạo ngược của lòng từ bi

Trong khi xã hội đang đấu tranh vì tự do, thì những quý ông nổi tiếng này, những người đã cưỡi lên đầu lên cổ nhân dân lại vẫn giữ chặt cái tinh thần của thế kỉ XVII và XVIII. Họ chỉ nghĩ đến việc buộc nhân loại phải chấp nhận sự bạo ngược của lòng từ bi của những sáng chế về mặt xã hội của chính mình. Tương tự Rousseau, họ muốn buộc nhân loại ngoan ngoãn mang cái ách của phúc lợi công cộng mà họ vẽ ra trong trí tưởng tượng của mình.

Điều này đặc biệt đúng vào năm 1789. Chế độ cũ chỉ sụp đổ khi xã hội đã phải chịu đựng những sự sắp xếp nhân tạo khác, bao giờ cũng bắt đầu từ cùng một điểm: tính toàn trí toàn năng của luật pháp.

Xin nghe những ý tưởng của một số người cầm bút và chính trị gia thời đó:

Saint-Just: Các nhà lập pháp lãnh đạo tương lai. Ông ta là người thể hiện lợi ích của nhân loại, ông ta là người làm cho dân chúng trở thành những người mà ông ta muốn họ trở thành.

Robespierre: Chúc năng của chính phủ là hướng sức mạnh vật chất và tinh thần của dân tộc đến mục tiêu mà cộng đồng phải hướng tới.

Billaud–Varennes: Dân tộc cần được đưa tới tự do, cũng cần phải tái tạo lại. Phải có lực lượng mạnh mẽ và hành động quyết liệt thì mới tiêu diệt được những định kiến cũ, thay đổi những tập quán cũ, uốn nắn những tình cảm đồi trụy, hạn chế những ước muốn không cần thiết, và tiêu diệt những thói xấu đã ăn sâu bén rễ... Thừa các công dân, sự nghiêm khắc không khoan nhượng của Lycurgus đã tạo ra nền tảng vững chắc cho nước cộng hoà Sparta. Bản chất yếu đuối và cả tin của Solon đã đưa Athens vào tình trạng nô lệ. Sự so sánh này bao trùm toàn bộ khoa học về quản lí.

Le Pelletier: Sau khi xem xét mức độ xuống cấp của con người, tôi tin rằng cần một sự phục hồi toàn diện, và tôi xin nói là phải tạo ra một dân tộc mới.

Những người xã hội chủ nghĩa muốn chế độ chuyên chính

Một lần nữa, người ta tuyên bố rằng nhân dân chỉ là một loại nguyên liệu thô mà thôi. Nhân dân không thể thể hiện được ước muốn *cải thiện chính mình*, họ không có khả năng đó. Theo Saint–Just, chỉ có các nhà lập pháp mới có khả năng làm điều đó. Nhân dân chỉ đơn giản là trở thành cái mà nhà lập pháp muốn họ trở thành. Theo Robespierre, ông này nhắc lại từng câu chữ của Rousseau, nhà lập pháp bắt đầu bằng tuyên bố về *mục tiêu mà cộng đồng phải hướng tới*. Sau khi xác định được điều này, chính phủ chỉ việc *hướng lực lượng vật chất và tinh thần của dân tộc tới mục tiêu đó*. Trong khi đó, người dân của quốc gia phải hoàn toàn thụ động. Và theo thuyết của Billaud–Varennes, người dân không được có định kiến, tình cảm và ham muốn, ngoại trừ những thứ được nhà lập pháp cho phép, ông này thậm chí còn đi xa hơn, khi nói rằng sự nghiêm khắc không khoan nhượng của một người là nền tảng của nước cộng hoà.

Trong nhiều trường hợp, cái ác được viện dẫn là rất lớn, đến mức thủ tục bình thường của chính phủ không thể chữa trị được, Mably đề nghị áp dụng chế độ độc tài nhằm thúc đẩy đạo đức: “Áp dụng toà án đặc biệt với những quyền hạn lớn trong một thời gian ngắn, cần phải giáng một đòn mạnh vào trí tưởng tượng của công dân”, ông ta nói như thế. Người ta đã không quên học thuyết này. Xin hãy nghe Robespierre:

Nguyên tắc của chính phủ cộng hoà là đức hạnh và phương tiện cần thiết nhằm thiết lập đức hạnh là khủng bố. Ở nước ta, chúng ta lấy đạo hạnh thay cho ích kỉ, lòng trung thực thay cho danh dự, nguyên tắc thay cho phong tục, trách nhiệm thay cho tập quán, đế chế của lí trí thay cho sự chuyên chế của kiểu cách, khinh bỉ thói xấu thay cho khinh bỉ đói nghèo, niềm tự hào thay cho thái độ xác láo, sự vĩ đại của tâm hồn thay cho thói phù phiếm, tình yêu vinh quang thay cho tình yêu tiền bạc, những người tốt thay cho những người đồng hành tốt, phẩm chất thay cho âm mưu, thiên tài thay cho khôn vặt, sự thật thay cho vẻ hấp dẫn, sự quyến rũ của hạnh phúc thay cho sự nhàm chán của hưởng thụ, sự vĩ đại của con người thay cho sự ti tiện của những kẻ ăn trên ngồi trốc, những con người hào phóng, mạnh mẽ và hạnh phúc thay cho những người tốt bụng, phù phiếm và suy thoái; tóm lại, chúng ta dùng tất cả đức hạnh và phép lạ của nước cộng hoà thay thế cho tất cả những tệ nạn và sự vô lí của chế độ quân chủ.

Thái độ ngạo mạn của kẻ độc tài

Robespierre đã tự cho rằng mình đứng trên đỉnh cao chói vót so với toàn thể loài người! Xin chú ý tới thái độ ngạo mạn trong lời nói của ông ta. Ông ta không thoả mãn với việc cầu nguyện cho một sự thức tỉnh vĩ đại về tinh thần của con người. Ông ta cũng không hi vọng rằng chính phủ được quản lí một cách nghiêm chỉnh có thể đem lại kết quả như thế. Không, ông sẽ tự mình cải tạo nhân loại, bằng khủng bố.

Một loạt những lời tuyên bố đáng ghét và mâu thuẫn này được trích dẫn từ một tiểu luận của Robespierre, với mục đích là giải thích những *nguyên tắc đạo đức mà chính quyền cách mạng phải theo*. Xin nhớ rằng Robespierre đòi hỏi phải có chế độ độc tài không phải chỉ với mục đích là đẩy lùi cuộc xâm lăng của nước ngoài hoặc dẹp tan các nhóm đối lập. Ông ta cần chế độ độc tài để có thể dùng khủng bố buộc đất nước chấp nhận nguyên tắc của chính mình về đạo đức. Ông nói rằng hành động này chỉ là biện pháp tạm thời, trước khi có hiến pháp mới. Nhưng trên thực tế, ông muốn sử dụng khủng bố để tiêu trừ *tính ích kỉ, danh dự, phong tục, tập quán, thói phong lưu đài các, phù hoa, háms tiền, tình bạn, âm mưu, sự hài hước, ưa khoái lạc và nghèo đói ở nước Pháp*. Robespierre chỉ cho pháp luật hoạt động trở lại sau khi ông ta thực hiện xong những điều kì diệu đó – ông gọi những điều đó như thế.

Ở đây, trong bản tiếng Pháp, Bastiat tạm ngừng và nói với tất cả những nhà cải cách hăng say và những người muốn trở thành những nhà cầm quyền “Ôi, quý vị là những người khốn khổ! Quý vị nghĩ rằng mình là người vĩ đại đến mức như thế ư! Quý vị đánh giá nhân loại thấp như vậy ư! Quý vị muốn cải cách tất cả mọi thứ! Tại sao quý vị không tự cải cách chính mình? Nhiệm vụ này cũng quá đủ rồi” (Ghi chú của bản tiếng Anh).

Con đường quanh co dẫn tới chế độ chuyên quyền

Nhưng thường thì những người này – các nhà cải cách, các nhà lập pháp, và những người chuyên viết về các vấn đề xã hội – không muốn áp đặt chế độ chuyên quyền trực tiếp lên đầu lên cổ nhân dân. Không, họ là những người vừa ôn hoà và nhân từ, họ không thể có hành động trực tiếp như thế. Thay vào đó,

họ quay sang sử dụng luật pháp nhằm áp đặt chế độ chuyên quyền, chế độ chuyên chế, chế độ can thiệp vào mọi thứ. Họ chỉ muốn làm ra luật pháp mà thôi.

Để chứng tỏ ý tưởng lạ lùng này đã giữ thế thượng phong ở Pháp, tôi cần dẫn ra không chỉ toàn bộ tác phẩm của Mably, của Raynal, của Rousseau và Fenelon – cộng với những trích dẫn dài từ các tác phẩm của Bossuet và Montesquieu – mà còn phải trưng ra toàn bộ thủ tục tổ tụng của Quốc ước. Tôi sẽ không làm điều đó, xin mời độc giả tự đọc những tác phẩm này.

Napoléon muốn có một nhân loại thụ động

Tất nhiên, không có gì ngạc nhiên khi Napoléon rất thích ý tưởng này. Ông ta nhiệt tình tuân theo nó và hăng say sử dụng nó. Tương tự một nhà hoá học, Napoléon coi toàn bộ châu Âu là vật liệu cho cuộc thí nghiệm của mình. Nhưng, trong quá trình thực hiện, vật liệu này đã phản ứng chống lại ông.

Trên đảo St. Helena, Napoléon – lúc bấy giờ đã rất thất vọng – dường như đã công nhận một số sáng kiến của nhân dân. Sau khi nhận ra như thế, ông có thái độ ít thù địch với tự do hơn trước. Tuy nhiên, điều này đã không làm ông chùn tay, trong di chúc, ông để lại bài học cho con trai như sau: “Cai trị là làm gia tăng và lan toả đạo đức, học vấn và hạnh phúc”.

Sau khi đã dẫn ra tất cả các chứng cứ như thế, có lẽ không cần trích dẫn những ý kiến tương tự của Morelly, của Babeuf, của Owen, của Saint-Simon và Fourier nữa. Tuy nhiên, cũng xin đưa ra một trích dẫn từ tác phẩm của Louis Blanc về tổ chức lao động: “Trong kế hoạch của chúng tôi, xã hội nhận được động lực từ chính quyền”.

Bây giờ xin xem xét vấn đề sau: Xung lực đằng sau động lực này là do kế hoạch của Louis Blanc tạo ra, kế hoạch của ông ta sẽ được áp đặt cho xã hội; xã hội mà ta nói tới ở đây là loài người. Do đó, loài người phải nhận được động lực từ Louis Blanc.

Sau đó người ta sẽ nói rằng nhân dân được tự do chấp nhận hoặc bác bỏ kế hoạch này. Đúng là, nhân dân được tự do chấp nhận hoặc bác bỏ lời khuyên của bất cứ người nào mà họ muốn. Nhưng Louis Blanc không hiểu vấn đề theo cách này. Ông ta hi vọng rằng kế hoạch của mình sẽ trở thành luật, và do đó phải được áp đặt cho nhân dân bằng sức mạnh của luật pháp:

Trong kế hoạch của chúng tôi, nhà nước chỉ phải thông qua luật lao động (không có gì khác?), sự tiến bộ của công nghiệp có thể và phải diễn ra một cách hoàn toàn tự do bằng những phương tiện của bộ luật đó. Nhà nước chỉ đơn giản là đưa xã hội lên một mặt nghiêng (tất cả chỉ có thể thôi ư?). Lúc đó xã hội sẽ trượt dốc bởi lực do các sự vật tự sinh ra và bởi sự vận hành tự nhiên của cơ chế đã được thiết lập.

Nhưng mặt nghiêng mà Louis Blanc nói tới là cái gì? Nó có dẫn đến vực thẳm không? (Không, nó sẽ dẫn đến hạnh phúc). Nếu đúng như thế thì tại sao xã hội không đi đến đó theo lựa chọn của chính nó? (Bởi vì xã hội không biết nó muốn gì, cần phải thúc đẩy nó). Cái gì phải thúc đẩy nó? (Chính quyền). Và ai là người tạo ra lực đẩy chính quyền này? (Tại sao?, xin hỏi người phát minh ra cỗ máy – trong trường hợp này là Louis Blanc).

Cái vòng luẩn quẩn của chủ nghĩa xã hội

Chúng ta sẽ không bao giờ thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn sau

đây: ý tưởng về loài người thụ động và sức mạnh của luật pháp mà con người vĩ đại sử dụng nhằm thúc đẩy dân chúng.

Một khi xã hội đã được đặt trên mặt phẳng nghiêng này, xã hội còn được hưởng một số quyền tự do nữa không? (chắc chắn rồi). Tự do là gì vậy, thưa ông Louis Blanc?

Dứt khoát là, tự do không chỉ là quyền được tạo hoá ban cho người ta; nó còn là sức mạnh được ban cho cá nhân để người ta sử dụng và phát triển những khả năng của mình trong vương quốc của công lí và dưới sự bảo vệ của luật pháp.

Và đây không phải là đặc điểm vô nghĩa, ý nghĩa của nó rất sâu sắc và khó mà đánh giá hết hậu quả của nó. Vì, một khi ta đã đồng ý rằng một người, để trở thành người tự do thực sự thì phải có quyền sử dụng và phát triển các khả năng của mình thì nghĩa là mỗi người đều có quyền đòi hỏi xã hội cung cấp cho mình học vấn nhằm tạo điều kiện cho anh ta phát triển bản thân. Cũng có nghĩa là mỗi người đều có thể đòi hỏi xã hội cung cấp cho mình công cụ sản xuất, thiếu công cụ thì hoạt động của con người không thể đạt hiệu quả đầy đủ được. Nhưng nếu không sử dụng những hành động của nhà nước thì làm sao xã hội có thể cung cấp cho mọi người học vấn và công cụ sản xuất mà họ cần?

Như vậy, một lần nữa, tự do là quyền lực. Quyền lực này bao gồm những gì? (Bao gồm những người được giáo dục và những người được trang bị công cụ sản xuất). Ai là người cung cấp nền giáo dục và công cụ sản xuất? (Xã hội phải cung cấp cho tất cả mọi người). Xã hội cung cấp công cụ sản xuất cho những người không có công cụ bằng những hành động nào? (Lại còn hỏi, bằng những hành động của nhà nước). Nhà nước lấy những công cụ đó ở đâu?

Hãy để người đọc trả lời câu hỏi đó. Hãy để người đọc nhận ra phương hướng mà cách làm này sẽ đưa chúng ta tới.

Học thuyết của những người dân chủ

Hiện tượng kì lạ của thời đại chúng ta – có thể làm cho con cháu chúng ta ngạc nhiên – là học thuyết dựa trên ba giả thuyết sau đây: nhân loại cực kì thụ động, sự toàn năng của luật pháp và đã là nhà lập pháp thì không thể sai. Ba tư tưởng này tạo ra biểu tượng thiêng liêng của những người tự xưng là hoàn toàn dân chủ.

Những người ủng hộ học thuyết này còn tuyên bố là nó có tính xã hội. Vì vậy, khi là những người dân chủ, họ có niềm tin không giới hạn vào nhân loại. Nhưng khi hướng vào xã hội thì họ lại coi nhân loại chẳng khác gì cục đất. Xin xem xét mâu thuẫn này một cách chi tiết hơn.

Những người dân chủ có thái độ như thế nào khi thảo luận về các quyền chính trị? Họ coi nhân dân như thế nào khi cần chọn nhà lập pháp? À, lúc đó người ta tuyên bố rằng nhân dân có trí tuệ bẩm sinh, nhân dân được phú cho nhận thức cực kì tinh tế, ý chí của họ bao giờ cũng đúng, ý chí chung là không thể sai, bầu cử không thể bao gồm tất cả mọi người.

Khi bầu cử, rõ ràng là không cần đề nghị cử tri đưa ra bất cứ sự bảo đảm nào về trí tuệ của họ. Ý chí và năng lực lựa chọn một cách khôn ngoan của cử tri được cho là đương nhiên. Người dân có thể bị lừa lẩn ư? Chúng ta chả đang sống trong thời đại khai sáng hay sao? Cái gì? Chẳng phải là nhân dân bao giờ cũng bị trói buộc hay sao? Họ chẳng giành được quyền của mình bằng những nỗ lực và hi sinh cực kì to lớn hay sao? Họ chẳng đã từng thể hiện biết bao nhiêu bằng chứng về trí thông minh và trí tuệ của mình hay sao? Họ không phải là người trưởng thành ư? Họ không có khả năng tự đánh giá ư? Họ không biết cái gì là tốt nhất cho mình hay sao? Có giai cấp hay người nào dám đứng trên nhân dân và phán xét cũng như làm thay cho họ? Không, không, nhân dân đang và phải được tự do.

Họ muốn quản lí công việc của chính mình và họ phải làm như thế.

Nhưng, cuối cùng, khi các nhà lập pháp được bầu xong – thì giọng lưỡi của họ thay đổi hẳn. Nhân dân lại trở thành những người thụ động, trơ ì và thiếu ý thức, còn các nhà lập pháp thì trở thành những kẻ biết tuốt. Đây là lúc nhà lập pháp đưa ra sáng kiến, chỉ đạo, thúc đẩy và tổ chức. Nhân loại chỉ việc tuân theo, thời khắc của chế độ chuyên chế đã điểm. Xin xem xét tư tưởng chết người sau đây: Nhân dân, trong khi bầu cử là những người rất khôn ngoan, rất đức hạnh và rất hoàn hảo, nhưng bây giờ chẳng có bất cứ khuynh hướng gì; hoặc nếu có thì đây là những khuynh hướng dẫn đến thoái hoá.

Khái niệm của những người xã hội chủ nghĩa về tự do

Nhưng có cần cho nhân dân một chút tự do hay không?

Nhưng ông Considerant khẳng định với chúng ta rằng *tự do chắc chắn sẽ dẫn tới độc quyền!*

Chúng ta hiểu rằng tự do nghĩa là cạnh tranh. Nhưng theo ông Louis Blanc, *cạnh tranh là hệ thống phá hoại các doanh nhân và huỷ diệt dân chúng*. Chính vì vậy mà các dân tộc tự do đang bị phá sản và huỷ diệt tương đương với mức độ tự do của họ (Có thể ông Louis Blanc phải quan sát các kết quả của cạnh tranh, ví dụ, ở Thụy Sĩ, Hà Lan, Anh và Mỹ).

Ông Louis Blanc còn nói với chúng ta rằng sự cạnh tranh dẫn đến độc quyền. Và với cùng cách tư duy như thế, ông cho chúng ta biết rằng *giá thấp dẫn đến giá cao, cạnh tranh đưa sản xuất đến hoạt động phá hoại, cạnh tranh làm cạn kiệt sức mua, cạnh tranh làm cho sản xuất gia tăng đồng thời lại làm giảm tiêu thụ*. Từ đó

chúng ta thấy rằng những người tự do sản xuất không phải để tiêu thụ, tự do có nghĩa là *áp bức và sự điên rồ* trong dân chúng, và rằng ông Louis Blanc phải chú ý đến vấn đề này.

Những người xã hội chủ nghĩa sợ tất cả các quyền tự do

Thế thì tự do giáo dục? (Nhưng, phụ huynh sẽ trả tiền cho các thầy giáo để họ dạy trẻ em vô đạo đức và những quan niệm sai lầm, ngoài ra, theo ông Thiers, nếu giáo dục được xây dựng trên cơ sở tự do dân tộc thì nó sẽ không còn tính dân tộc nữa và chúng ta sẽ dạy con em chúng ta những tư tưởng của người Thổ Nhĩ Kỳ hay người Ấn Độ, trong khi đó, nhờ chế độ chuyên chế hợp pháp này đối với giáo dục mà trẻ em của chúng ta hiện giờ vẫn có may mắn là được dạy những ý tưởng cao quý của người La Mã).

Thế thì tự do lao động? (Nhưng điều đó lại có nghĩa là cạnh tranh, đến lượt nó, lại làm cho sản phẩm không được tiêu thụ, làm cho các doanh nhân phá sản và huỷ hoại nhân dân).

Hay là tự do thương mại? (Nhưng, như mọi người đều biết – và những người ủng hộ thuế xuất nhập khẩu mang tính bảo hộ đã nhiều lần chứng minh rằng tự do thương mại làm cho tất cả những người tham gia đều phá sản và muốn thịnh vượng thì cần ngăn chặn tự do thương mại).

Hay là tự do lập hội? (Nhưng, theo học thuyết xã hội chủ nghĩa thì tự do thực sự và hiệp hội tự nguyện là mâu thuẫn với nhau, và mục đích của chủ nghĩa xã hội là đè nén quyền tự do lập hội chính là để buộc người ta liên kết với nhau trong sự tự do đích thực).

Rõ ràng là, lương tâm của các nhà dân chủ-xã hội không thể

cho người ta bất kì quyền tự do nào, vì họ tin rằng bản chất của con người là bao giờ cũng hướng tới đủ mọi hình thức suy đồi và tai hoạ. Do đó, đương nhiên là, các nhà lập pháp phải lập kế hoạch cho người dân nhằm cứu họ khỏi chính mình.

Cách lập luận như thế đưa chúng ta đến một câu hỏi đầy thách thức; Nếu nhân dân không có khả năng, vô đạo đức và dốt nát như các chính trị gia đã chỉ ra, thì tại sao quyền bầu cử của chính những người dân đó lại được bảo vệ với sự nhiệt tình đến như vậy?

Ý tưởng về siêu nhân

Những lời tuyên bố của các nhà tổ chức nhân loại làm bật ra câu hỏi khác mà tôi thường hỏi họ và cho đến nay, như tôi biết, họ không bao giờ trả lời: Nếu những khuynh hướng tự nhiên của nhân loại là xấu đến mức cho rằng người dân được tự do là không an toàn thì làm sao các khuynh hướng của những người tổ chức lại luôn là tốt? Chẳng lẽ các nhà lập pháp và những người đại diện cho họ không thuộc về nhân loại hay sao? Hay họ tin rằng mình được làm từ loại đất sét mịn hơn phần còn lại của nhân quần? Các nhà tổ chức khẳng định rằng xã hội, nếu không được lãnh đạo, sẽ lao vào sự huỷ diệt không thể tránh khỏi vì bản năng của dân chúng là lầm lạc. Các nhà lập pháp tuyên bố sẽ ngăn chặn quá trình tự huỷ diệt này và đưa nhân loại vào xu hướng lành mạnh hơn. Như vậy, rõ ràng là, các nhà lập pháp và những người tổ chức đã được Trời ban cho trí thông minh và đức hạnh, đặt họ ở bên ngoài và bên trên nhân loại; nếu như thế, hãy để họ chứng tỏ tư cách vượt trội của mình.

Họ sẽ là những người chẵn chiên, còn chúng ta là con chiên

của họ. Chắc chắn là sự sắp xếp này hàm ý rằng họ là những người có ưu thế bẩm sinh so với tất cả những người khác. Và chắc chắn là chúng ta hoàn toàn có quyền yêu cầu các nhà lập pháp và những người tổ chức chứng minh ưu thế bẩm sinh của họ.

Những người xã hội chủ nghĩa bác bỏ quyền tự do lựa chọn

Xin hiểu rằng tôi không bàn cãi về quyền của họ trong việc phát minh ra các liên kết xã hội, để quảng cáo cho mình, bảo vệ mình và thử nghiệm với chính mình, tự chịu chi phí và rủi ro. Mà tôi tranh cãi về quyền của họ trong việc áp đặt những kế hoạch này đối với chúng ta bằng luật pháp – tức là bằng vũ lực – và bắt chúng ta đóng thuế để trả lương cho họ.

Tôi không yêu cầu những người ủng hộ của các trường phái tư tưởng khác nhau này – những người theo Proudhon, theo Cabet, theo Fourier, những người Universitarists, và những người theo phái bảo hộ – từ bỏ các tư tưởng khác nhau của họ. Tôi chỉ yêu cầu họ từ bỏ một ý tưởng chung của tất cả các trường phái này: Họ chỉ cần từ bỏ ý tưởng *buộc* chúng ta phải chấp nhận các nhóm của họ, chấp nhận các dự án xã hội hoá của họ, chấp nhận các ngân hàng cung cấp tín dụng miễn phí của họ, từ bỏ khái niệm đạo đức theo kiểu Hi Lạp–La Mã của họ và những biện pháp quản lý thương mại của họ. Tôi chỉ yêu cầu là chúng ta được tự mình quyết định về những kế hoạch này, chúng ta không bị buộc phải chấp nhận chúng, dù trực tiếp hay gián tiếp, nếu cho rằng chúng trái với những lợi ích căn bản của chúng ta hoặc trái với lương tâm của chúng ta.

Nhưng các nhà tổ chức muốn tiếp cận với những khoản thuế và sức mạnh của luật pháp nhằm thực hiện kế hoạch của họ.

Ngoài việc bị áp bức và bất công, ước muốn này còn bao hàm giả định tai hại là các nhà tổ chức đó là những người không thể sai lầm, còn nhân dân là những người không có năng lực. Nhưng, một lần nữa, nếu nhân dân là những người không đủ năng lực đánh giá chính mình, thì nói về phổ thông đầu phiếu để làm gì?

Nguyên nhân của cách mạng Pháp

Mâu thuẫn trong tư tưởng, thật đáng tiếc nhưng hoàn toàn hợp lí, được phản ánh trong các sự kiện ở Pháp. Ví dụ, người Pháp đã dẫn dắt tất cả những dân tộc châu Âu khác đến với cuộc đấu tranh vì các quyền của mình – hay nói chính xác hơn, đến những đòi hỏi về chính trị của họ. Tuy nhiên, sự kiện này đã không làm cho chúng ta thoát khỏi cảnh là những người bị cai trị nhiều nhất, bị nhiều quy định nhất, bị áp đặt nhất, bị trói buộc nhất và bị bóc lột nhất ở châu Âu. Pháp cũng dẫn dắt tất cả dân tộc khác đến nơi mà bao giờ người ta cũng cảm thấy cách mạng đang sắp xảy ra. Trong những hoàn cảnh như thế, đây là việc đương nhiên.

Và sẽ vẫn như thế khi mà các chính trị gia của chúng ta tiếp tục chấp nhận ý tưởng được Louis Blanc thể hiện một cách rõ ràng như sau: “Xã hội nhận động lực từ chính quyền”. Sẽ vẫn như thế khi con người có tình cảm tiếp tục là những người thụ động, khi họ tiếp tục tự coi mình là không có khả năng làm cho mình thịnh vượng hơn và hạnh phúc hơn bằng trí thông minh và năng lực của chính mình, khi họ còn chờ đợi pháp luật làm mọi thứ cho họ; tóm lại, khi họ còn nghĩ quan hệ của họ với nhà nước cũng chẳng khác gì quan hệ của bầy cừu với người chăn cừu.

Sức mạnh vô cùng to lớn của chính phủ

Chừng nào những tư tưởng này còn giữ thế thượng phong thì rõ ràng trách nhiệm của chính phủ là rất lớn. May và rủi, giàu sang và nghèo túng, bình đẳng và bất bình đẳng, đạo đức và vô đạo – tất cả đều phụ thuộc vào chính quyền. Chính quyền càng đáng tất cả mọi thứ, nhận tất cả mọi thứ, làm tất cả mọi thứ; do đó, chính quyền cũng chịu trách nhiệm về tất cả mọi thứ.

Nếu chúng ta gặp may, chính phủ đòi chúng ta tỏ lòng biết ơn; nhưng nếu chúng ta không may thì chính phủ phải chịu trách nhiệm. Vì có phải là cả con người lẫn tài sản của chúng ta đều nằm trong tay chính phủ hay không? Luật pháp không phải là toàn trí toàn năng hay sao?

Nắm độc quyền trong lĩnh vực giáo dục thì chính phủ phải đáp ứng những hi vọng của các bậc phụ huynh, những người vì lí do đó mà bị tước mất tự do; và nếu những hi vọng này tan thành mây khói thì lỗi tại ai? Nhận quản lí ngành công nghiệp là chính phủ nhận trách nhiệm làm cho nó thịnh vượng, nếu không thì tước đoạt quyền tự do của nó là việc làm vô lí. Và nếu công nghiệp bị suy thoái thì lỗi tại ai?

Can thiệp vào cán cân thương mại bằng cách thay đổi thuế xuất nhập khẩu là các chính phủ cam kết làm cho thương mại phát triển thịnh vượng, nhưng nếu không thịnh vượng mà sụp đổ thì là lỗi tại ai?

Bảo hộ các ngành trong lĩnh vực hàng hải để họ từ bỏ quyền tự do của mình là chính phủ đã cam kết làm cho những ngành này có lời, nhưng nếu chúng trở thành gánh nặng cho những người đóng thuế thì lỗi tại ai?

Như vậy, không có sự bất bình nào ở trong nước mà chính phủ không tự nguyện nhận lãnh trách nhiệm. Có còn ngạc

nhiên không khi mà ở Pháp mỗi thất bại lại làm gia tăng mối đe dọa của một cuộc cách mạng nữa?

Người ta đã đề xuất những biện pháp khắc phục nào? Mở rộng đến vô cùng lĩnh vực hoạt động của luật pháp, nghĩa là tăng thêm trách nhiệm của chính phủ.

Tuy nhiên, nếu chính phủ nhận trách nhiệm kiểm soát và tăng lương, nhưng không thể làm được việc đó; nếu chính phủ cam kết chăm sóc tất cả những người có thể rơi vào hoàn cảnh khốn khó, nhưng không thể làm việc đó; nếu chính phủ cam kết hỗ trợ tất cả những người lao động thất nghiệp, nhưng không thể làm việc đó; nếu chính phủ cam kết cho tất cả những người cần tiền được vay mà không phải trả lãi suất, nhưng không thể làm việc đó; nếu sử dụng những từ ngữ mà đáng tiếc là lại tuôn ra từ ngọn bút của ông de Lamartine: “Nhà nước cho rằng mục đích của nó là khai hoá, phát triển, mở rộng, củng cố, trao linh hồn và thần thánh hoá tâm hồn của nhân dân” – nhưng nếu chính phủ không thể làm được tất cả những việc đó thì sao? Chẳng lẽ không chắc chắn là sau mỗi thất bại của chính phủ – than ôi! thất bại có xác suất khá cao – sẽ là một cuộc cách mạng không thể tránh khỏi hay sao?

Chính trị và kinh tế học

Bây giờ xin trở lại với chủ đề đã được thảo luận qua trong những trang đầu của tiểu luận này: quan hệ giữa kinh tế và chính trị–kinh tế chính trị học.[\[29\]](#)

Khoa kinh tế học phải phát triển trước khi khoa học chính trị học có thể được hình thành bằng luận lí. Về nguyên tắc, kinh tế học là khoa học nghiên cứu xem các lợi ích của con người hài

hoà hay đối kháng với nhau. Phải biết việc này trước khi lập ra khoa chính trị học nhằm xác định những chức năng thích hợp của chính phủ.

Ngay sau khi kinh tế học phát triển và tại thời điểm khởi đầu việc hình thành khoa chính trị học, sẽ xuất hiện câu hỏi hết sức quan trọng cần được trả lời: Luật pháp là gì? Luật pháp phải như thế nào? Phạm vi và giới hạn của nó? Về mặt logic, quyền lực chính đáng của các nhà lập pháp phải chấm dứt ở chỗ nào?

Tôi xin trả lời ngay như sau: *Luật pháp là lực lượng chung được tổ chức nhằm ngăn chặn bất công.* Tóm lại, *luật pháp là công lí.*

Chức năng thích hợp của lập pháp

Nhà lập pháp có quyền lực tuyệt đối đối với con người và tài sản của chúng ta là không đúng. Con người và tài sản có trước các nhà lập pháp, chức năng của ông ta chỉ là bảo đảm an toàn cho con người và tài sản mà thôi.

Chức năng của luật pháp là kiểm soát lương tâm của chúng ta, tư tưởng của chúng ta, ý chí của chúng ta, nền giáo dục của chúng ta, ý kiến của chúng ta, việc làm của chúng ta, việc buôn bán của chúng ta, tài năng của chúng ta hay thú vui của chúng ta là không đúng. Chức năng của luật pháp là bảo vệ quyền tự do thể hiện những quyền này và ngăn chặn sự can thiệp vào quyền tự do thể hiện những quyền như thế của bất kì người nào khác.

Vì luật cần phải có sự hỗ trợ của vũ lực cho nên nó chỉ hợp pháp trong những khu vực cần phải sử dụng vũ lực. Đây là công lí.

Mỗi người đều có quyền sử dụng vũ lực để tự vệ hợp pháp. Chính vì lí do này mà lực lượng tập thể – sự kết hợp có tổ chức của các lực lượng cá nhân – có thể được sử dụng một cách hợp pháp cho những mục đích tương tự; và không thể được sử dụng một cách hợp pháp cho bất kì mục đích nào khác.

Luật chỉ là tổ chức của quyền tự vệ của các cá nhân, mà quyền tự vệ của các cá nhân thì có trước khi luật pháp được thông qua. Luật pháp là công lí.

Luật pháp và từ thiện không phải là một

Sứ mệnh của luật pháp không phải là *đàn áp* con người và cướp bóc tài sản của họ, mặc dù luật có thể hoạt động trong tinh thần nhân đạo. Sứ mệnh của nó là bảo vệ con người và tài sản.

Hơn nữa, không được nói rằng luật pháp có thể nhân từ, nếu trong quá trình hoạt động, nó cố tránh *đàn áp* con người và cướp bóc tài sản của họ; nói thế là mâu thuẫn. Luật pháp nhất định sẽ gây ảnh hưởng tới con người và tài sản; và nếu luật pháp làm bất cứ việc gì ngoài việc bảo vệ con người và tài sản thì hành động của luật pháp nhất định sẽ vi phạm quyền tự do của con người và quyền sở hữu tài sản.

Luật pháp là công lí – đơn giản và rõ ràng, chính xác và chặt chẽ. Mọi con mắt đều có thể nhìn thấy nó, mọi đầu óc đều có thể hiểu được nó; vì công lí có thể đo lường được, bất biến và không bao giờ thay đổi. Công lí là như thế, không nhiều hơn cũng không ít hơn. Vượt quá giới hạn hợp lí này – nếu bạn tìm cách làm cho luật pháp có tính tôn giáo, có tình huynh đệ, cào bằng, nhân từ, có tính ngành nghề, có tính văn chương hay

nghệ thuật – thì bạn sẽ bị lạc trong vùng đất chưa được thám hiểm, trong sự mơ hồ và không chắc chắn, trong xã hội không tưởng cưỡng ép hoặc thậm chí còn tồi tệ hơn, lạc trong vô số những điều không tưởng, mỗi điều không tưởng đó đều tìm cách giành lấy luật pháp và áp đặt cho bạn. Đúng như thế, vì tình huynh đệ và lòng bác ái, khác với công lí, không có giới hạn chính xác. Một khi đã bắt đầu rồi, bạn sẽ dừng lại ở đâu? Và luật pháp sẽ tự dừng lại ở đâu?

Xa lộ dẫn tới chủ nghĩa cộng sản

Ông de Saint–Cricq chỉ đề nghị mở rộng lòng từ bi của ông ta tới một số ngành, ông yêu cầu luật pháp *kiểm soát người tiêu dùng nhằm làm lợi cho người sản xuất*.

Ông Considerant sẽ tài trợ cho sự nghiệp của các nhóm lao động; ông ta sẽ sử dụng luật pháp nhằm *bảo đảm cho họ quần áo, nhà ở, lương thực thực phẩm tối thiểu và tất cả các nhu yếu phẩm khác*.

Ông Louis Blanc tuyên bố – và có đầy đủ lí do – rằng những sự bảo đảm tối thiểu này chỉ là khởi đầu của tình huynh đệ trọn vẹn mà thôi, ông ta nói rằng luật pháp phải cung cấp công cụ sản xuất và giáo dục miễn phí cho tất cả người lao động.

Một người nào đó sẽ nhận xét rằng như thế là vẫn còn chỗ cho bất bình đẳng, ông ta sẽ tuyên bố rằng luật pháp phải cung cấp cho tất cả mọi người – ngay cả những người ở những xóm nhỏ cực kì hẻo lánh – xa xỉ phẩm, văn học và nghệ thuật.

Tất cả những đề nghị như thế chính là xa lộ dẫn tới chủ nghĩa cộng sản; luật pháp lúc đó sẽ là – trên thực tế, đã là – bãi chiến trường cho trí tưởng tượng và lòng tham lam của tất cả

mọi người.

Nền tảng cho chính phủ ổn định

Luật là công lí. Có thể tưởng tượng được một chính phủ đơn giản và bền vững trong tuyên bố này. Tôi đố ai nói được làm sao mà tư tưởng cách mạng, khởi nghĩa, hay một cuộc nổi dậy nhỏ nhất có thể xuất hiện nhằm chống lại cái chính phủ mà lực lượng có tổ chức của nó chỉ là để dẹp bất công.

Trong chế độ đó, người dân sẽ thịnh vượng nhất – và của cải sẽ được phân phối đồng đều nhất. Không ai nghĩ đến việc trách cứ chính phủ vì những đau khổ không tránh khỏi của nhân loại. Đúng như thế, vì nếu các lực lượng của chính phủ chỉ dùng để dẹp bất công thì chính phủ sẽ là vô can trước những đau khổ đó, như hiện nay chính phủ vô can trước những thay đổi thời tiết vậy.

Để chứng minh tuyên bố này, xin xem xét câu hỏi sau: Nhân dân đã nổi dậy chống lại toà phúc thẩm, hoặc tấn công thẩm phán hoà giải của toà sơ thẩm, để có mức lương cao hơn, để được vay mà không phải trả lãi, được nhận công cụ sản xuất, được thuế nhập khẩu ưu đãi, hay công ăn việc làm do chính phủ tạo ra bao giờ chưa? Mọi người đều biết rõ rằng những vấn đề này không thuộc thẩm quyền của toà án cấp phúc thẩm hoặc thẩm phán hoà giải của toà sơ thẩm. Và nếu chính phủ chỉ thực hiện những chức năng thích hợp của nó thì tất cả mọi người sẽ nhanh chóng hiểu rằng những vấn đề này không thuộc thẩm quyền của luật pháp.

Nhưng xây dựng luật pháp trên nguyên tắc của tình huynh đệ – tuyên bố rằng tất cả việc tốt và tất cả việc xấu đều từ luật

pháp mà ra; rằng luật pháp chịu trách nhiệm về tất cả bất hạnh của cá nhân và tất cả bất bình đẳng xã hội – thì sẽ mở cánh cửa cho những khiêu nại, bất bình, lộn xộn và cách mạng không bao giờ ngừng.

Công lí nghĩa là quyền như nhau

Luật pháp là công lí. Và sẽ thật kì cục nếu luật pháp còn là một cái gì khác nữa! Công lí không phải quyền hay sao? Các quyền không như nhau hay sao? Luật pháp dựa vào quyền nào mà buộc tôi tuân thủ các kế hoạch xã hội của ông Mimerel, ông de Melun, ông Thiers, hay ông Louis Blanc? Nếu luật pháp có quyền về đạo đức để làm chuyện đó thì tại sao nó không buộc những quý ông đó phục tùng *kế hoạch của tôi*? Có hợp lí không khi giả định rằng tự nhiên đã không ban cho tôi trí tưởng tượng đủ để tôi cũng nghĩ ra được chế độ không tưởng? Luật pháp phải chọn một trong số rất nhiều những ý nghĩ quái dị và buộc các lực lượng có tổ chức của chính phủ phục vụ một mình nó ư?

Luật pháp là công lí. Và không thể nói – như người ta vẫn tiếp tục nói – luật pháp có thể là vô thần, là có tính cá nhân chủ nghĩa và nhân tâm; rằng nó sẽ cải tạo con người theo hình ảnh của chính nó. Đây là một kết luận vô lí, chỉ xứng đáng với những người sùng bái chính phủ, tức là những người tin rằng luật pháp là nhân loại.

Nhảm nhí! Chẳng lẽ những người sùng bái chính phủ tin rằng người tự do sẽ ngừng hoạt động hay sao? Nếu không nhận được năng lượng từ luật pháp thì chúng ta sẽ hoàn toàn không nhận được năng lượng hay sao? Nếu luật pháp chỉ thực hiện chức năng là bảo vệ việc sử dụng một cách tự do năng lực của chúng ta thì chúng ta không thể sử dụng được những năng lực của

mình hay sao? Giả sử rằng luật pháp không bắt chúng ta phải theo một số hình thức tôn giáo hoặc hệ thống của hiệp hội hay các phương pháp giáo dục hoặc quy định về lao động hay quy định về thương mại hoặc kế hoạch từ thiện nào đó; thì chúng ta sẽ lao ngay vào chủ nghĩa vô thần, đi ở ẩn, ngu dốt, đau khổ và tham lam hay sao? Nếu được tự do, thì chúng ta sẽ không còn công nhận quyền năng và từ tâm của Chúa hay sao? Chúng ta sẽ không còn liên kết với nhau, không giúp đỡ lẫn nhau, không yêu thương và giúp đỡ những người anh em bất hạnh của chúng ta, không nghiên cứu những bí mật của tự nhiên và không cố gắng cải thiện mình bằng những khả năng tốt nhất của chúng ta hay sao?

Con đường dẫn tới phẩm giá và tiến bộ

Luật pháp là công lí. Và chính là theo luật của công lí – trong vương quốc của quyền; dưới ảnh hưởng của tự do, an toàn, ổn định, và trách nhiệm – mà mỗi người sẽ đạt được giá trị chân thực của mình và phẩm giá đích thực của con người mình. Chỉ theo luật của công lí thì loài người mới đạt được – một cách chậm chạp, không những không phải nghi ngờ mà còn là chắc chắn – sự tiến bộ của nhân tính trong trật tự và hoà bình theo đúng thiết kế của Chúa.

Tôi cho rằng điều này đúng về mặt lí thuyết, vì bất cứ câu hỏi nào được đem ra thảo luận – tôn giáo, triết học, chính trị hay kinh tế, dù câu hỏi có liên quan đến vấn đề thịnh vượng, đạo đức, bình đẳng, quyền, công lí, tiến bộ, trách nhiệm, hợp tác, tài sản, lao động, buôn bán, vốn, tiền lương, thuế khoá, dân số, tài chính, hay chính phủ – ở bất cứ điểm nào trên đường chân trời khoa học mà tôi bắt đầu công trình nghiên cứu của mình,

tôi luôn đi tới kết luận sau đây: Giải pháp cho các vấn đề trong quan hệ của con người phải được tìm trong tự do.

Chứng minh tư tưởng

Kinh nghiệm đã chứng minh điều đó chưa? Xin nhìn vào toàn bộ thế giới. Nước nào có những con người hoà bình nhất, đạo đức nhất và hạnh phúc nhất? Đây là những người sống trong những nước mà luật pháp ít can thiệp vào việc riêng nhất; nơi người ta ít gặp chính phủ nhất; nơi mà cá nhân có không gian hoạt động lớn nhất, còn quan điểm tự do thì có ảnh hưởng lớn nhất; nơi quyền lực của bộ máy hành chính là nhỏ nhất và đơn giản nhất; nơi mà thuế khoá là nhẹ nhất và gần như bằng nhau đối với tất cả mọi người, và gần như không có cơ sở cho sự bất mãn của dân chúng; nơi mà các cá nhân và các nhóm tích cực nhất tự nhận trách nhiệm của mình, và, kết quả là, nơi mà đạo đức của những con người được coi là không hoàn hảo lại không ngừng được cải thiện; nơi mà buôn bán, hội họp và các hiệp hội ít bị hạn chế nhất; nơi mà lao động, vốn, và dân cư ít bị di chuyển một cách cưỡng bức nhất; nơi mà người dân được sống theo các khuynh hướng tự nhiên của mình nhất; nơi những phát minh của con người gần như hoà hợp nhất với luật của Chúa. Tóm lại, dân tộc hạnh phúc nhất, đạo đức nhất và hoà bình nhất là dân tộc bám sát nguyên tắc này nhất: Mặc dù nhân loại là không hoàn hảo, nhưng, tất cả hi vọng đều dựa trên các hành động tự do và tự nguyện của những con người trong các giới hạn của quyền; luật pháp hay vũ lực chỉ được sử dụng nhằm quản lí công lí cho tất cả mọi người, ngoài ra không được sử dụng vào bất cứ việc gì khác.

Ước muốn cai trị người khác

Phải nói thế này: Thế giới này có quá nhiều người “vĩ đại” – các nhà lập pháp, những người tổ chức, các nhà cải cách nhiệt tình, những nhà lãnh đạo của nhân dân, những vị cha già của các dân tộc, vân vân và vân vân. Quá nhiều người tự cưỡi lên đầu lên cổ nhân dân; họ tổ chức, đỡ đầu và cai trị dân chúng.

Nhưng một người nào đó sẽ nói; “Chính ông cũng đang làm việc đó”. Đúng. Nhưng phải thừa nhận rằng tôi hành động theo ý nghĩa hoàn toàn khác; nếu tôi gia nhập hàng ngũ những nhà cải cách, thì chỉ với mục đích duy nhất là thuyết phục để cho nhân dân được yên. Tôi không nhìn nhân dân như Vancauson nhìn vào cái máy tự động của ông ta. Không những thế, các nhà sinh lí học chấp nhận cơ thể con người như nó đang là, còn tôi chấp nhận người dân như họ đang là. Tôi chỉ muốn một điều duy nhất là nghiên cứu và ngưỡng mộ họ mà thôi.

Thái độ của tôi đối với tất cả những người khác được minh hoạ rõ bằng câu chuyện này của một người du lịch nổi tiếng: Một lần ông ta tới bộ lạc của những người bán khai, nơi có một đứa trẻ vừa chào đời. Một đám đông thầy bói, thầy cúng, thầy lang – trang bị vòng, móc và dây – đứng quanh nó. Một người nói: “Đứa trẻ này sẽ không bao giờ biết mùi thơm của ống điếu hoà bình trừ phi tôi căng lỗ mũi của nó ra”. Một người khác nói: “Nó sẽ không bao giờ có thể nghe được, trừ phi tôi kéo dải tai của nó đến vai”. Người thứ ba nói: “Nó sẽ không bao giờ nhìn thấy ánh nắng mặt trời, trừ phi tôi nghiêng mắt nó”. Một người khác nói: “Nó sẽ không bao giờ đứng thẳng, trừ phi tôi uốn cong chân của nó”. Người thứ năm nói: “Nó sẽ không bao giờ học cách suy nghĩ, trừ phi tôi xoa đầu nó”.

“Dừng lại”, ông khách kêu lên. “Những việc Chúa làm, đều

đã được làm tốt rồi. Đừng nói rằng các vị biết nhiều hơn Ngài. Chúa đã ban cho sinh vật yếu đuối này các bộ phận; cứ để chúng phát triển và lớn mạnh nhờ luyện tập, sử dụng, trải nghiệm và tự do”.

Ném trái tự do

Chúa đã ban cho loài người tất cả những thứ cần thiết để họ thực hiện vận mệnh của mình. Ngài đã cung cấp hình thức xã hội cũng như hình thức của con người. Và các cơ quan của xã hội được tạo dựng sao cho chúng có thể tự phát triển một cách hài hoà trong bầu không khí trong lành của tự do. Đả đảo bọn lang băm và các nhà tổ chức! Đả đảo vòng, xích, móc và kìm! Đả đảo hệ thống nhân tạo của bọn lang băm! Đả đảo những ý tưởng bất chợt của các quan chức chính phủ, đả đảo những dự án xã hội hoá, đả đảo quá trình tập quyền hoá, đả đảo thuế xuất nhập khẩu, đả đảo các trường công lập, đả đảo tôn giáo của nhà nước, đả đảo những khoản vay không phải trả lãi, đả đảo nạn độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng, đả đảo các quy định, các cấm đoán, đả đảo dùng thuế khoá để cào bằng thuế khoá!

Và bây giờ, sau khi các nhà lập pháp và những nhà cải cách nhiệt tình đã bắt xã hội phải chịu nhiều hệ thống xã hội một cách vô ích như thế, có thể cuối cùng họ sẽ chấm dứt ở chính nơi họ bắt đầu. Họ nên từ bỏ tất cả các hệ thống và ném trái tự do, vì tự do là thừa nhận rằng mình tin Chúa và sự sáng tạo của Ngài.

Lời bạt

Sheldon Richman[\[30\]](#)

Nhà nước là câu chuyện tuyệt vời mà ở đó mỗi người đều tìm cách sống bằng chi phí do tất cả những người khác trả.

Claude Frédéric Bastiat

Claude Frédéric Bastiat có địa vị đặc biệt trong trái tim và khối óc của những người bạn của tự do. Không có bí mật gì ở đây hết. Bastiat hấp dẫn trước hết là do tính chính trực và tao nhã của thông điệp của ông. Văn phong của ông thể hiện sự trong sáng và niềm say mê được trình bày một cách chặt chẽ, hiếm có trong thế giới hiện đại. Ông luôn viết để cho người ta hiểu, để thuyết phục người đọc chứ không phải để gây ấn tượng hay làm người ta bối rối.

Thông qua câu chuyện ngụ ngôn, Bastiat đã khéo léo đánh tan những quan niệm sai lầm về kinh tế học của những người Pháp sống cùng thời với ông. Hiện nay, ở nước Mỹ hiện đại, các nhà trí thức cũng như các chính trị gia vẫn tiếp tục nói với chúng ta rằng, để hàng hoá do nước ngoài sản xuất tự do xâm nhập sẽ làm chúng ta nghèo đi hay những vụ động đất và những cơn cuồng phong gây nhiều thiệt hại tạo ra thịnh vượng vì chúng tạo ra nhu cầu tái thiết, thì chúng ta mới nhận ra kết cục của một nền văn hoá không biết đến Claude Frédéric Bastiat.

Nhưng nếu nghĩ Bastiat chỉ là một nhà kinh tế học là đánh giá còn thiếu sót. Bastiat là triết gia luật pháp hàng đầu. Chính

tác phẩm *Luật pháp* đã đưa đến cho ông vị trí, vai trò như thế. Trước tác trong giai đoạn nước Pháp đang bị những lời hứa sai lầm của chủ nghĩa xã hội quyến rũ, Bastiat quan tâm tới luật pháp theo nghĩa cổ điển của từ này, ông dùng lí trí để tìm cho ra những nguyên lí tổ chức xã hội phù hợp nhất với con người.

Ông bắt đầu bằng cách công nhận rằng, các cá nhân phải hành động nhằm duy trì đời sống của mình. Họ làm thế bằng cách áp dụng các năng lực của mình vào thế giới tự nhiên và biến những thành phần của thế giới tự nhiên thành các sản phẩm có ích. “Đời sống, năng lực, sản xuất – nói cách khác, cá tính, tự do, tài sản – chính là con người”, Bastiat viết. Và vì là cốt lõi của bản chất của con người cho nên chúng “có trước và đứng trên luật lệ do con người đặt ra”. Rất ít người hiểu được điểm này. Chủ nghĩa thực chứng trong lĩnh vực luật pháp, tức là khái niệm cho rằng không có đúng và sai trước khi luật pháp được ban hành đã có tác động tiêu cực ngay cả đối với một số người ủng hộ tự do cá nhân (ví dụ như các hậu duệ theo trường phái công lợi của Bentham). Nhưng, Bastiat nhắc nhở chúng ta: “Cuộc sống, quyền tự do và tài sản tồn tại trên đời không phải vì con người đã làm ra luật pháp. Ngược lại, cuộc sống, quyền tự do và tài sản đã có từ trước, và điều đó buộc người ta phải coi luật pháp là tối thượng”.

Đối với Bastiat, *luật pháp* là phủ định, ông đồng ý với một người bạn khi người này chỉ ra rằng sẽ là không đúng khi nói rằng luật pháp tạo ra công lí. Sự thực là, luật pháp phải ngăn chặn bất công. “Chỉ có công lí khi không còn bất công”. Điều này có thể làm cho một số độc giả khó hiểu. Nhưng nếu suy nghĩ kĩ thì sẽ thấy rằng xã hội tự do và công chính là xã hội mà ở đó không có những can thiệp bằng vũ lực nhằm chống lại các cá nhân, ở đó các cá nhân được để yên.

Mục đích của luật pháp là bảo vệ cuộc sống, quyền tự do và tài sản. Luật pháp là, Bastiat nói, “tổ chức tập thể quyền bảo vệ một cách hợp pháp các quyền của cá nhân”. Mỗi cá nhân có quyền bảo vệ cuộc sống, quyền tự do và tài sản của mình. Do đó, có thể nói một nhóm người có “quyền tập thể” tập trung các nguồn lực của mình để tự bảo vệ. “Do đó, nguyên tắc của quyền tập thể – lí do cho sự tồn tại và tính hợp pháp của nó – là dựa trên quyền của cá nhân. Và lực lượng chung nhằm bảo vệ quyền tập thể này về mặt logic không có bất kì mục đích nào khác hay bất cứ nhiệm vụ nào khác ngoài nhiệm vụ và mục đích mà nó hành động như lực lượng thay thế”. Nếu mục đích của luật pháp là bảo vệ các quyền cá nhân, thì không thể sử dụng luật pháp để làm những việc mà cá nhân không có quyền làm: “Sử dụng sai vũ lực như thế... trái với tiên đề của chúng ta”. Kết quả sẽ là luật pháp bất chính.

Xã hội dựa trên quan niệm đúng đắn về luật pháp sẽ là xã hội có trật tự và thịnh vượng. Nhưng thật không may, một số người sẽ chọn cướp bóc chứ không sản xuất nếu cái trước cần ít nỗ lực hơn cái sau. Nguy hiểm nghiêm trọng sẽ xuất hiện khi những người ban hành luật pháp (lập pháp) quay sang cướp bóc. Kết quả, Bastiat viết, là “cướp bóc hợp pháp”. Lúc đầu, chỉ có một nhóm nhỏ những người làm luật cướp bóc hợp pháp mà thôi. Nhưng điều đó có thể làm khởi động một quá trình, trong đó, các giai cấp bị cướp bóc không những không tìm cách xoá bỏ hiện tượng luật pháp bị xuyên tạc mà lại tìm cách trở thành những người ban hành luật pháp. “Trước khi vương quốc của công lí xuất hiện, dường như mỗi người đều bị báo thù một cách tàn nhẫn – một số, vì sự độc ác của họ, còn số khác thì vì sự thiếu hiểu biết của họ”.

Kết quả khi cướp bóc hợp pháp trở thành phổ biến là hỗn

loạn vì luật pháp và đạo đức trở nên mâu thuẫn với nhau. “Khi luật pháp và đạo đức mâu thuẫn với nhau thì người công dân đứng trước lựa chọn khắc nghiệt: đánh mất ý thức về đạo đức hoặc không tôn trọng luật pháp nữa”. Bastiat chỉ ra rằng đối với nhiều người, cái gì phù hợp với luật pháp thì cũng là chính danh. Vì vậy mà họ bị lẫn lộn. Và xung đột.

Khi thừa nhận rằng có thể lái luật pháp ra khỏi mục đích thật sự của nó – nghĩa là có thể xâm phạm quyền sở hữu tài sản chứ không bảo vệ nó – thì tất cả mọi người đều sẽ muốn tham gia vào quá trình ban hành luật pháp, nhằm, hoặc bảo vệ mình trước nạn cướp bóc hoặc dùng luật pháp để cướp bóc. Những câu hỏi mang tính chính trị bao giờ cũng có thể gây tổn hại lại giữ thế thượng phong và bao trùm lên tất cả. Sẽ có những vụ đấu tranh ngay trước cửa Lâu đài Lập pháp, và cuộc đấu tranh ở bên trong toà nhà cũng sẽ không kém phần quyết liệt.

Nghe có vẻ quen?

Bastiat còn phát hiện ra một động lực nữa – ngoài ước muốn chiếm đoạt – nằm đằng sau cướp bóc hợp pháp: “lòng từ bi sai lầm”. Một lần nữa, ông đã nhận ra mâu thuẫn. Nếu hoạt động từ thiện không phải là tự nguyện thì nó phá huỷ tự do và công lí. Luật pháp chẳng thể mang cho người ta cái gì mà trước đó không lấy những thứ đó từ chính chủ nhân của chúng, ông áp dụng phân tích như thế cho tất cả các hình thức can thiệp của chính phủ, từ thuế xuất nhập khẩu tới cái gọi là giáo dục công lập.

Ngôn từ của Bastiat còn tươi mới, như thể mới được viết ngày hôm nay vậy. Ông giải thích rằng người ta có thể xác định cướp bóc hợp pháp bằng cách tìm kiếm những đạo luật cho phép lấy tài sản của người này cho người khác. Những đạo luật như thế phải bị bãi bỏ “ngay lập tức”. Nhưng ông cũng cảnh

báo, “người được hưởng lợi từ bộ luật này sẽ tiếp tục phàn nàn trong khi bảo vệ những quyền mà anh ta vừa nhận được”, bảo vệ đặc quyền của anh ta. Bastiat nói thẳng: “Đừng nghe những lời nguy hiểm như thế của những nhóm lợi ích. Chấp nhận những luận cứ như thế là biến cướp bóc thành hệ thống. Trên thực tế, điều đó đã xảy ra rồi. Ảo tưởng hiện nay là có thể làm cho mỗi người đều giàu lên trong khi người khác phải trả giá”.

Thế giới quan làm cơ sở cho việc bóp méo luật pháp, Bastiat viết, là coi nhân dân là thực thể thụ động, không có động cơ của chính mình và đang chờ đợi bàn tay và kế hoạch của các nhà lập pháp thông thái, ông trích dẫn Rousseau: “Các nhà lập pháp là thợ cơ khí, người phát minh ra máy móc”. Saint-Just: “Các nhà lập pháp lãnh đạo tương lai. Ông ta là người thể hiện lợi ích của nhân loại, ông ta là người làm cho dân chúng trở thành những người mà ông ta muốn họ trở thành”. Và những lời nói sắc như dao cạo của Robespierre: “Chức năng của chính phủ là hướng sức mạnh vật chất và tinh thần của dân tộc đến mục tiêu mà cộng đồng phải hướng tới”.

Bastiat nhắc lại lời kết án của Adam Smith “về những con người của hệ thống”, tức là những người coi nhân dân chỉ là các con tốt đen, bị người ta di chuyển trên bàn cờ mà thôi. Để thực hiện mục tiêu của mình, các nhà lập pháp phải xoá bỏ sự đa dạng của con người, vì sự đa dạng sẽ cản trở những kế hoạch mà họ đặt ra. Sự tuân phục ép buộc (còn có cách nào khác?) là việc cần làm ngay. Bastiat trích dẫn một số người cầm bút theo xu hướng này, rồi trả lời:

Ôi, những người cầm bút, những con người cao quý! Hãy nhớ rằng đôi khi đất sét, cát, và phân bón mà quý vị nắm trong tay một cách tùy tiện lại chính là những con người! Chúng là những con người như quý vị! Chúng cũng là những con người thông minh và tự do chẳng

khác gì quý vị! Cũng như quý vị, chúng cũng được Chúa ban cho năng lực để quan sát, để lập kế hoạch, suy nghĩ và tự đánh giá!

Sau khi trích dẫn một số người cầm bút sẵn sàng cống hiến sức mình nhằm cải tạo nhân dân, Bastiat không thể kìm hãm được sự phẫn nộ của mình: “Ôi, quý vị là những người khôn khổ! Quý vị nghĩ rằng mình là người vĩ đại đến mức như thế ư! Quý vị đánh giá nhân loại thấp như vậy ư! Quý vị muốn cải cách tất cả mọi thứ! Tại sao quý vị không tự cải cách chính mình? Nhiệm vụ này cũng quá đủ rồi!”

Bastiat cũng không để cho dân chủ vô hạn độ thoát khỏi tay mình, ông đi thẳng vào cốt lõi của vấn đề với sự trang nhã thường thấy của mình. Các nhà dân chủ ca ngợi trí tuệ của nhân dân. Trí tuệ bao gồm những gì? Khả năng chọn ra những nhà lập pháp toàn năng – tất cả chỉ có thể thôi. “Nhân dân, trong khi bầu cử là những người rất khôn ngoan, rất đức hạnh và rất hoàn hảo, nhưng bây giờ chẳng có bất cứ khuynh hướng gì; hoặc nếu có thì đấy là những khuynh hướng dẫn đến thoái hoá... Nếu nhân dân không có khả năng, vô đạo đức và dốt nát như các chính trị gia đã chỉ ra, thì tại sao quyền bầu cử của chính những người dân đó lại được bảo vệ với sự nhiệt tình đến như vậy?” Và “Nếu những khuynh hướng tự nhiên của nhân loại là xấu đến mức cho rằng việc để người dân được tự do là không an toàn thì làm sao mà các khuynh hướng của những người tổ chức lại luôn là tốt?”

Bastiat kết thúc tác phẩm bằng lời kêu gọi khẩn thiết cho tự do và vứt bỏ mọi đề nghị nhằm áp đặt những sắp xếp xã hội phi tự nhiên lên đầu lên cổ nhân dân. Ông cầu xin “tất cả các nhà lập pháp và những nhà cải cách nhiệt tình từ bỏ tất cả các hệ thống và nếm trải tự do”.

Trong thời gian kể từ khi *Luật pháp* được xuất bản lần đầu, ít có tác phẩm nào được viết theo truyền thống tự do cổ điển có thể sánh được với độ trong sáng, sức thuyết phục và tính chất gần như thi ca của nó. Than ôi, thế giới chẳng học được mấy từ những bài học của tác phẩm *Luật pháp*. Nếu còn sống chắc hẳn là Bastiat sẽ buồn vì thấy nước Mỹ như hiện nay. Ông đã cảnh báo chúng ta. Ông đã chỉ ra những nguyên lý tuyệt đối cần thiết cho xã hội loài người và làm cho mọi người đều hiểu. Còn có thể đòi hỏi gì hơn từ một con người cho cuộc đấu tranh nhằm chấm dứt nạn cướp bóc của tư tưởng sùng bái nhà nước và bảo vệ tự do cá nhân?

H Ề T

Walter E. Williams là Giáo sư kinh tế học tại George Mason University, Fairfax, Virginia, Mĩ.

Richard Ebeling là Chủ tịch của Foundation for Economic Education.

Adam Smith, *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*, Book Four, chapter two (New York: Modern Library, 1937 [1776]), pp. 437–38.

Sir Alexander Gray, *The Development of Economic Doctrine: An Introductory Survey* (London: Longmans, Green, 1931), pp. 244–45.

Lewis H. Haney, *History of Economic Thought* (New York: Macmillan, 1936), pp. 331–32.

Eduard Heimann, *History of Economic Doctrines: An Introduction to Economic Theory* (London: Oxford University Press, 1945), p. 124.

Charles Gide and Charles Rist, *A History of Economic Doctrines, From the Time of the Physiocrats to the Present Day* (Boston: D.C. Heath, 1915), pp. 329–30.

William A. Scott, *The Development of Economics* (New York: The Century Co., 1933), p. 244.

Joseph A. Schumpeter, *History of Economic Analysis* (New York: Oxford University Press, 1954), p. 500.

Ludwig von Mises, *Liberalism: The Classical Tradition* (Irvington-on-Hudson, N.Y.: Foundation for Economic Education, 1996 [1927]), p. 197.

Yves Guyot, *Economic Prejudices* (London: Swan Sonnenschein, 1910), p. v.

Henry Hazlitt, *Economics in One Lesson* (New York: Harper & Brothers, 1946).

Đoạn nói về cuộc đời và sự nghiệp của Bastiat dưới đây chủ yếu được viết theo Dean Russell, *Frédéric Bastiat: Ideas and Influence* (Irvington–on–Hudson, N.Y.: Foundation for Economic Education, 1965); và Dean Russell, *Frédéric Bastiat and the Free Trade Movement in France and England, 1840–1850* (Geneva; Imprimerie Albert Kundig, 1959); cũng như George C. Roche, *Frédéric Bastiat: A Man Alone* (Hillsdale, Mich.: Hillsdale College Press, 1977).

Jean–Baptiste Say, *A Treatise on Political Economy, or the Production, Distribution and Consumption of Wealth* [1921] (N.Y.: Augustus M. Kelley, 1971); Say, *Thư gửi Mr. Malthus on Several Subjects of Political Economy* [1821] (N.Y.: Augustus M. Kelley, 1967); and R. R. Palmer, ed., *J. B. Say: An Economist in Troubled Times* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1997).

Về phong trào ủng hộ thương mại tự do ở Anh và thành công của phong trào này hồi giữa thế kỉ XIX, xin đọc tác phẩm *Austrian Economics and the Political Economy of Freedom* của Richard M. Ebeling (Northampton, Mass.: Edward Elgar, 2005), ch. 10: “The Global Economy and Classical Liberalism: Past, Present and Future” pp. 247–281, đặc biệt là các trang 248–252.

Economic Sophisms, trans. and ed. Arthur Goddard, with introduction by Henry Hazlitt (Irvington-on-Hudson, N.Y.: Foundation for Economic Education, 1996 [1845]).

Selected Essays on Political Economy, trans. Seymour Cain, ed. George B. de Huszar, with introduction by F. A. Hayek (Irvington-on-Hudson, N.Y.: Foundation for Economic Education, 1995 [1964]).

Economic Harmonies, trans. W. Hayden Boyers, ed. George B. de Huszar, with introduction by Dean Russell (Irvington-on-Hudson, N.Y.: Foundation for Economic Education, 1996 [1850]).

Trong *Selected Essays*, pp. 1–50.

Economic Sophisms, pp. 7–27.

“The Law”, in *Selected Essays*, pp. 51–96; and, “The Physiology of Plunder”, in *Economic Sophisms*, pp. 129–46.

Xem, ví dụ, Eugen von Böhm–Bawerk, *Capital and Interest*, vol. 1: *History and Critique of Interest Theories* (South Holland, III.; Libertarian Press, 1959), pp. 191–94.

Tài liệu của Ủy ban tối cao của Pháp về công nghiệp, nông nghiệp và thương mại (ghi chú của bản tiếng Anh).

Khi viết tác phẩm này Bastiat biết rằng ông sẽ chết vì bệnh lao phổi. Ông qua đời sau đó một năm (chú thích của bản tiếng Anh).

Trong bản tiếng Pháp Bastiat sử dụng từ “spoliation” (chú thích của bản tiếng Anh).

Nếu độc quyền, tức là sự bảo hộ của chính phủ nhằm chống lại cạnh tranh ở Pháp chỉ dành cho một nhóm người, ví dụ công nhân ngành sắt thép, thì hành động này rõ ràng là cướp bóc hợp pháp, nó không thể kéo dài được lâu. Vì lí do này mà chúng ta thấy tất cả những doanh nghiệp buôn bán được bảo hộ đều liên kết lại để theo đuổi mục đích chung. Thậm chí họ còn tự tổ chức sao cho người ta nghĩ rằng họ đại diện cho tất cả những người lao động, về mặt bản năng, họ cảm thấy rằng làm cho cướp bóc hợp pháp trở thành phổ biến thì có thể che giấu được nó.

Như mọi người đều biết, lúc đó Paraguay có diện tích lớn hơn hiện nay. Những tu sĩ Dòng Tên đã lập ra các khu định cư và đưa người da đỏ vào các ngôi làng, và nói chung đã cứu họ khỏi các hành động tàn bạo của những kẻ chinh phục (chú thích của bản tiếng Anh).

Theo Rousseau, sự tồn tại của con người xã hội là không hoàn chỉnh, theo nghĩa anh ta chỉ là một phần của xã hội. Tự biết mình như vậy – và suy nghĩ và cảm nhận từ quan điểm của cái toàn thể – con người trở thành con người đạo đức (chú thích của bản tiếng Anh).

Bastiat đã viết ba cuốn sách và một số bài báo để triển khai những tư tưởng chứa đựng trong ba câu của đoạn tiếp theo.

Sheldon Richman là biên tập viên The Freeman: Ideas on Liberty.